1981

CON ĐƯỜNG TÔI ĐÃ ĐI

NGUYỄN HỮU ĐAM

HỒI KÝ

Tái bản -
Vũng Tàu
11/12/2019

ÔNG NGUYỄN HỮU ĐAM

1925-1990

Mục lục

ÔNG NGUYỄN HỮU ĐAM 2
Mục lục 4
Lời giới thiệu..... 6
Mấy lời ghi lại..... 10
CHƯƠNG I..... 16
Buổi thiếu thời 16
CUỐN SÁCH TAM TỰ KINH ĐẾN TRẬN ĐÁNH*
CUỐI CÙNG 25
CUỐN SÁCH TRẮNG..... 29
VỚI MẤY CHỮ A,B, C 29
CHƯƠNG II..... 41
Ra đi trong cảnh đời mưa gió..... 41
CHÂN TRỜI MỚI Ở NƠI MA THIÊNG NƯỚC ĐỘC53
CHƯƠNG III 94
Ánh sáng cuộc đời..... 94
BƯỚC VÀO NGÀY VUI MỚI 113
TỔ QUỐC GỌI..... 117
CHƯƠNG IV 133
Năm tháng êm đềm 133
CHƯƠNG V 162
Giặc trời và cướp biển..... 162
CHƯƠNG VI 191
Trên mảnh đất này 191
Phụ lục: Chú Đam..... 217
Trích hồi ký của Nguyễn Thế Phiệt..... 217

Lời giới thiệu

Ông Nguyễn Hữu Đam sinh ngày 3 tháng 4 năm Ất sửu - 1925 tại làng Bòng Phúc, xã Ân phú, Tổng Dị Ốc- huyện Hương Sơn - nay là làng Tân Boòng-xã Ân Phú- huyện Vũ Quang - Tỉnh Hà Tĩnh trong một gia đình nông dân có truyền thống nho học từ nhiều đời. Trước năm 1932, ông có theo học chữ hán, sau đó bỏ học chữ hán và chuyển sang học quốc ngữ, đi thi đậu yếu lược chuyển sang học tiểu học ở trường Pháp-Việt, tốt nghiệp tiểu học đi vào Tây - Nguyên sinh sống cùng gia đình người chị gái tại tỉnh Đắc - Lắc. Năm 1943-1944 theo giới thiệu của người anh rể, ông đến làm thư ký cho cho chủ đồn điền người Pháp tên là Mô-ry và tháng 8 năm 1945 tham gia thanh niên đấu tranh dành chính quyền ở thị xã Ban-Mê-Thuột, sau đó về quê tham gia phong trào Thanh niên cứu quốc.

Năm 1947, ông thi vào trường Họa đồ Liên khu 4, sau khi tốt nghiệp được bổ sung vào chiến trường Bình-Trị-Thiên tham gia kháng chống Pháp bảy năm - khi hòa bình lập lại, ông chuyển ngành về công tác tại ty Tài chính tỉnh Hà Tĩnh, sau đó chuyển sang ty Công nghiệp rồi về Ủy ban Kế hoạch tỉnh

và công tác trong Ủy ban Kế hoạch tỉnh nhà cho đến khi nghỉ hưu năm 1979, với chức Trưởng phòng Vật tư.

Sinh ra và lớn lên giữa hai chế độ xã hội khác nhau - ông đã trực tiếp đi làm thuê cho chủ thực dân người Pháp, tham gia cách mạng, cầm súng chiến đấu cứu Quốc và làm người cán bộ quản lý ở cấp tỉnh - với cay ngọt của cuộc đời, ông được chứng kiến sự đổi thay của xã hội, cho nên lòng mến yêu tổ quốc, quê hương, gia đình và yêu cuộc sống tự do của người dân Việt Nam và chính bản thân ông.

Cuộc đời ông với con đường tự học là chính, nhưng nghị lực và khả năng nhận thức của ông đã giúp ông đạt được tầm cao của sự hiểu biết trong các lĩnh vực về tự nhiên, xã hội và đặc biệt là trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật. Với đức tính cần cù, lòng ham muốn hiểu biết và khả năng cảm nhận tình yêu từ thiên nhiên và cuộc sống của những con người xung quanh mình, ông đã để lại cho đời sau một bức tranh xã hội một khoảng thời gian trước và sau cách mạng tháng 8, thời kỳ kháng chiến chống Pháp; chống chiến tranh phá hoại của Mỹ và xây dựng miền Bắc và những trăn trở với cuộc sống thực tại trong những năm đầu của thời kỳ đổi mới mà tình yêu thiên nhiên, tình yêu con người của chính bản thân ông

đã cảm nhận được bằng ngòi bút nghệ thuật thắm đượm tính cách của một con người từng trải có pha chút "nhà quê" Hà Tĩnh- mảnh đất cội nguồn, nơi mà ông đã sinh ra và lớn lên.

*Nhân tưởng niệm ngày ông qua đời (11/11 Canh Ngọ 1990 - 11/11 Mậu dần 1998) tôi xin giới thiệu tập hồi ký "**Con đường tôi đã đi**" của ông đã viết trong nhiều năm với bà con, bạn bè, anh chị em nội ngoại cuả ông cùng những người yêu nghệ thuật. Quá trình thực hiện còn nhiều sai sót, xin được sự bổ sung và góp ý của mọi người trong gia tộc và đọc giả gần xa.*

Thành phố Vũng Tàu- Ngày 29/12/1998

Nguyễn Thế Phiệt - Cháu thúc phụ

Mấy lời ghi lại

Đời người như một cuốn phim truyện. Dù cho người đó tài cao, học rộng có công lao với xã hội hay đến anh khố rách áo ôm, ai cũng trải qua một quãng đời hoặc là ăn sung mặc sướng hay chịu cảnh đói nghèo tơi tả, cả quá trình lớn lên rồi ra hoạt động ngoài xã hội cho đến khi nhắm mắt xuôi tay là hết.

Nếu là cuốn phim sẽ ghi lại bằng hình ảnh lên màn chiếu ai cũng trông thấy, nhưng đối với đời con người thì đa dạng hơn, nếu không ghi chép lại trên giấy trắng mực đen thì khác nào như những cánh chim vút bay ngang trời, không để lại dấu vết gì trong khoảng không vũ trụ...

Chính vì vậy, tôi ghi lại cuốn hồi ký này không ngoài ý nghĩa đó với ý nguyện làm lưu niệm cho mai sau con cháu thấy bước đường cha ông đi qua từ trong bóng tối nô lệ đến buổi bình minh rực lửa, đỉnh cao là cuộc cách mạng long trời lở đất tháng tám năm 1945, tô thắm thêm ngọn cờ độc lập dân tộc mà non một thế kỷ nay đã bị mờ khuất sau tấm màn đen chế độ thuộc địa thực dân Pháp.

Do hoàn cảnh lịch sử, tôi sinh ra và lớn lên trong một gia đình đói nghèo, mẹ cha chắt chiu cho ăn học ít ỏi, vốn liếng chăng có bao nhiêu, nhưng dù sao cùng với người đương thời đã đi qua nhiều bước ngoặt lịch sử- chế độ thực dân Pháp, rồi Nhật đảo chính Pháp ở Đông dương ;tiếp đó là cuộc cách mạng tháng tám năm 1945 xây dựng nên nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Lịch sử của một con người bình thường quả là nhỏ hẹp, không giúp ích gì cho tấm gương phản chiếu quá khứ lại mai sau. Nhưng dù sao nó cũng chỉ đóng khung trong một phạm vi hẹp về thời gian và không gian cho đối tượng trong gia đình và họ hàng khi một số con cháu muốn biết quá khứ...

Tôi cũng biết rằng không phải rồi hiện tại và mai sau, đến lúc nào đó, ai cũng muốn xem và thích xem. Cái đó không cần thiết. Vì rằng trong một trăm người của thế hệ này hay thế hệ khác may ra vài ba người xem và cũng có đứa bửu môi chê trách này nọ, rằng văn vẻ chẳng ra sao, rằng thời đại thì rạng rỡ nhưng con người chẳng có gì rạng rỡ.v.v.và v.v.

Nếu quả như vậy và suy nghĩ như vậy thì chẳng ai ghi chép làm gì, nhưng đối với tôi điều ấy chẳng sợ, vì "điếc dạn súng".

*

* *

Tôi có ý định viết tập hồi ký từ lâu, trên chục năm trước khi nghỉ hưu. Hồi ấy cuối năm 1971, khi cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ sắp bùng nổ trở lại trên miền Bắc lần thứ hai, tôi đã bắt đầu tính đến chuyện ghi chép dần. Lúc này quả là trăm công nghìn việc chuyên môn chuẩn bị cho chống chiến tranh phá hoại đòi hỏi hàng ngày tôi phải có mặt giải quyết, nhưng tôi vẫn luôn luôn tâm niệm đến điều đó cứ nghĩ rằng chẳng may đạn bom xơi ráo thì hết chuyện.

Thế rồi cuộc chiến tranh bằng không quân lại ồ ạt diễn ra ác liệt hơn trước. Cho đến việc ghi chép chỉ mới bắt tay được vài ba đoạn lại bỏ dở. Tiếp theo những năm sau đó nhiều sự kiện đưa tới - Giải phóng miền Nam (4-1975) và tiến tới thống nhất đất nước, chủ trương hợp tỉnh lớn càng thêm bận rộn về chuyên môn, mãi đến bảy tám năm sau, trước khi nghỉ hưu tôi bắt tay ghi chép được mấy ngày liên tục tại nơi điều dưỡng bệnh viện Đông y tỉnh Nghệ Tĩnh (Vinh). Song rồi sau đó, đâu lại vào đấy chẳng làm được gì thêm, ấy là do cuộc sống hàng ngày thúc đẩy công việc trước mắt thì giờ đâu mà ghi chép với nghiệp văn chương.

Vào giữa cuối năm 1981, tôi lại dành thời gian cho một chuyến du lịch vào miền Nam - Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo, nói là để đi thăm con cháu nhưng cũng là để ghi chép một chương còn lại. Khốn nỗi vào đây gần bốn tháng cũng chẳng thực hiện chương trình như lúc dự kiến ở nhà. Phải nói rằng cần có nhiều điều kiện được thuận lợi như khí hậu gần biển thoáng mát ăn uống, nghỉ ngơi tương đối đầy đủ, tất cả mọi thứ dâu, con dành cho mình quyền tự do thoải mái đó. Thế nhưng "đã mang cái nghiệp vào thân " lại thấy con cái mọi thứ ăn ở thiếu thốn nên tôi đành dẹp ý định của mình để lao theo việc tu sửa thêm tiện nghi trong gia đình cho chúng nó.

Cho đến nay còn một chương: "Giặc trời và cướp biển" (chiến tranh chống Mỹ) và chương kết luận mang tiên đề "Trên mảnh đất này" chưa viết được, đang còn là món nợ cho mình. Rồi năm tháng tiếp theo, không rõ công việc đó sẽ làm được đến đâu.

Việc ghi chép lẻ ra phải viết liên tục, lúc hưng phấn cao nhất và thể lực còn chút máu nóng râm ran mới có điều kiện giúp cho mình hồi tưởng đến dĩ vãng nhiều hơn. Nhưng những điều kiện đó lại không làm được. Cho nên việc ghi chép chỉ có

tính cách chắp vá theo lệnh trái tim vì món nợ phải trả- ảnh hưởng đến phong cách thể hiện và lời văn đứt quảng.

Lịch sử của một xã hội gắn liền với hoạt động của một con người, thông qua đó tôi có vẽ lại và phác thảo một đôi nét trong lứa tuổi thơ ấu ở gia đình cho đến khi trưởng thành ra hoạt động ngoài xã hội trước đó trên 40-50 năm trở lại đây; những người đời sau sẽ thấy được xã hội lúc bấy giờ ở trong xã hội phong kiến thực dân, cuộc sống là như vậy đó; từ cách ăn bận bằng tấm vải thô sơ dệt tay, bằng chiếc khố che thân hoặc chiếc váy nâu bùn đen của phụ nữ...

Cho tới ngày nay bộ mặt xã hội đổi thay thì cuộc sống và con người cũng tiếp theo trào lưu của xã hội. Cái đó càng gợi cho ta cảnh "ra sông nhớ suối, có ngày nhớ đêm".

Trong việc ghi chép ở các chương, tôi cũng có lựa chọn những việc gì đáng ghi nhớ mới đưa vào, có tính cách mạng dấu ấn của thời đại, dù là sự việc riêng lẽ nhưng là những nhân tố hợp quần của xã hội. Nhưng cũng có những phần như trong chiến tranh chống Pháp thì chỉ lướt qua vì trong nhật ký đã ghi tập "Đường vào".

Đây là tập hồi ký đầu tay của một con người bình thường, chưa làm được tích sự gì trong xã hội. Tôi vẫn xem đây là món quà lưu niệm gửi lại đời sau.

Mong rằng nó sẽ được giữ gìn lưu truyền mãi mãi.

Đặc khu Vũng tàu -Côn Đảo
Ngày 5 Tháng 11 Năm 1981
Nguyễn Hữu Đam

CHƯƠNG I

Buổi thiếu thời

Bà con thường nhắc lại, mẹ tôi năm ấy khóc van thảm thiết khi thằng Sáu ra đời chưa tròn ba tháng tuổi đã tắt thở sau một trận đau đột ngột. May sao, lúc ấy có Cố Nga - một danh y lúc bấy giờ ghé vào thăm, nhân sẵn có sâm nhung mang theo, cố cho một ít vào miệng ngậm, và sau một lúc chú bé hồi tỉnh dần...

Mãi đến sau này, lúc lớn lên mẹ tôi thường nhắc lại chuyện ấy và mắng khẽ tôi-"Mày không có Cố Nga thì đã đi đời từ lúc lên ba".

Tôi sinh vào khoảng trung tuần tháng 4 năm 1925, tại xã Ân Phú huyện Hương Sơn (nay là Đức Thọ) trong một gia đình nông dân nghèo.

Cha là một nông dân thuần túy, suốt cả cuộc đời dài trên 70 năm không làm một chức sắc gì trong xã hội phong kiến. Thuở nhỏ, ông theo học chữ hán nghe nói thông minh, bài học rất chóng thuộc. Nhưng khi thôi học thì chữ lại trả cho thầy. Sau này ông ít đi sâu vào con đường học tập để tự nâng cao kiến thức thêm, mong đua đòi với xã hội.

Mẹ tôi người cùng xóm, lấy cha tôi chỉ cách mảnh vườn trước nhà. Lúc đương thời, bà cũng là nông dân lao động, sinh trưởng trong gia đình đông anh chị em. Người anh đầu bị tàn tật lấy vợ sinh được một trai, một gái. Mẹ tôi sinh vào thứ ba, còn hai bà dì và một ông cậu. Bà dì thứ tư lấy người trong xóm - Dượng Chắt Trì, bà dì thứ 5 lấy về Đồn Mỹ -Dượng Nuôi Tạc, ông cậu sau cùng bị giam chết cuối năm 1955 trong cải cách ruộng đất.

Trong hoàn cảnh tôi lớn lên trong sự đùm bọc của nội, ngoại gần gũi, nên nay đã lớn tuổi nhưng những kỷ niệm xa xưa đã khắc sâu vào tâm trí tôi không thể nào phai nhạt.

Từ buổi lên năm, mỗi lần theo mẹ trong những ngày rằm, tháng tết đi nhà o, chú, cậu, gì ai cũng chăm sóc ăn uống tận tình cho quà bánh, bắt mang về.

Lúc bấy giờ sống trong xã hội cũ, kinh tế cá nhân tự phát, người bóc lột người, nạn ăn chơi phung phí trong những ngày giỗ chạp chè chén no say, đến đâu hay đó. Bà con chẳng ai có kế hoạch như bây giờ hoặc tính toán đồng vào đồng ra, chi li cặn kẽ. Trong mỗi gia đình khi có công việc hoặc lúc ngày thường, bà con cháu chắt đến ăn uống no say hình như chuyện nợ đời mà ai cũng phải trải qua. Mỗi năm giỗ hết, tết qua đối với những gia đình nghèo, nợ nần lại chồng chất thêm lên, hết còn cũng chẳng ai sợ.

Tôi lên năm, nước tuổi thơ ngây chưa biết chi đời, mỗi lần đi đâu chị cũng dắt theo sau. Có lần tôi còn nhớ rõ được nghe tiếng hát văng vẳng sau đồng Kỳ dội tới. Tôi đòi ả đem đi coi. Mẹ tôi mắng không cho đi, nhưng tôi cứ chạy đi xem, nấp bên gốc cây giới sau nhà đã nhìn thấy đoàn người mang cờ đỏ, gậy gộc vừa đi vưà hò to những câu " *Hỡi anh chị em công nhân...đánh đổ cường hào địa chủ...rồi cách mạng thành công...gì...gì...*". Tôi đang mãi mê thì bị chị tôi vít cổ lôi vào, mặc cho tiếng khóc òa hòa theo tiếng người thét vang dội tới.

Tôi không hiểu tại sao cho đến bây giờ, cái âm thanh và hình ảnh đoàn người đi cùng mấy câu hò nghe như đứt quảng mà tôi còn nhớ mãi, có khi hồi tưởng còn nghe văng vẳng bên tai như không bao giờ tắt. Sau này khi lớn lên tôi đi học lớp nhì, lớp nhất mới nghe cha tôi và cậu tôi kể về giai đoạn phong trào Cộng sản năm

1930-1931. Lúc bấy giờ ở xã tôi cũng có một số người tham gia vào tổ chức ấy và sau khi thất bại, đã bị đế quốc Pháp bắt đi tù đày như ông Hanh, ông Đồn, ông Xướng, chị Em Ngự và một số người khác mà sau này tôi được nghe nói lại.

Đoàn người mà tôi chỉ nhìn thấy lúc còn nhỏ đó, chính là đoàn biển tình dân chúng từ các xã khác kéo tới như Đồn Mỹ, Dĩ Ốc kéo lên tập trung ở đền Phúc Tát để tuyên truyền và phát động tinh thần đấu tranh rồi lội băng sông qua xã Đại Đồng kéo về phủ Đức Thọ đấu tranh...Nhưng khi có người nghe tiếng súng cối xay của Pháp bắn ở xa, liền lội sông, mất bình tỉnh, suýt bị chết đuối.

Sau đó ít năm tôi lớn hơn, tuy chưa đi học nhưng cái địa bàn chơi của tôi cũng chỉ quanh quẩn trong năm gian nhà cũ đời can để lại và bốn góc vườn quanh nhà.

Vườn nhà tôi lúc trước cũng khá rộng, gần nửa hec-ta đất, trong đó có nhiều cây ăn quả.

Mùa nào qủa nấy, luôn luôn có sẵn mà ăn. Nào mít trĩu nặng đầy vườn, vào khoảng tháng 5 tháng 6 thì tha hồ. Đặc biệt sau nhà có cây mít không hạt là loại mít lắm múi dày mu, lắm mật ngọt lịm, ai cũng bảo loại mít này khi trước cố Đội lấy giống đâu tận Kinh đô Huế là loại mít ngự để dâng Vua. Lại có cây mít cà thì quả tròn như cái ấm, quả bưởi, trông hình giống như quả cà. Mỗi quả chín cũng đủ một người ăn.

Đến tháng 7, mùa bưởi tới thì tha hồ thú vị. Sau nhà có những cây bưởi tàu đường, chừng 7 - 8 cây rất cao to, hàng năm quả sây nặng cành, có cây quýt cao hẳn hơn cây bưởi gần cạnh cây mít cà, ở đầu hồi nhà có cây bưởi đào cao vút lên trời để nhô lên chen với cây khác, nhất là cây mít nhà ông Mai bên cạnh muốn xòa tán rộng che khoất nó không được. Mỗi lần muốn hái bưởi phải nối hai cây sào.

Phía sau nhà thờ ra trước vườn là cây bưởi tàu nghiêng né mình ra giữa khỏang trống và những cây mít từ nhà anh cả tôi trồng sắp có quả, có cây đã thu hoạch thường năm ít nhiều; phía gốc vườn gần nhà ông Cháu Thông có 2 cây bưởi chua, vỏ đào, ngọt hàng năm đươc ăn trước. Dọc đường ra bờ sông có 2 cây nhãn hàng năm có quả, ít ai bảo quản, chim dơi ăn hết. Vào khoảng mùa nhãn khoảng chừng tháng 6 năm 1936 -1937, đứa em trai thứ chín độ năm tuổi đi theo tôi ăn nhãn rồi tự nó xuống sông chết đuối lúc nào không biết.

Ra bến có cây hàng bồ nghiêng vươn mình ra bờ sông trương tán rộng che bóng mát cho những ngày hè. Tôi thường ra đó chơi rồi chạy rồi chạy vòng qua đường bờ sông, đi xuôi rẽ vào nhà ông bà nội, lúc đó ông bà nội ở riêng vườn dưới. Tôi đến để tìm nhặt những quả tắt rụng để ăn, có khi chạy vòng lên vườn nhà trên tìm

dưới góc cây tắt trước sân và những cây cam đầu hồi nhà... *(chỗ nhà thờ hiện nay - lúc bấy giờ nhà thờ chưa xây*-NGT)*.

Ngày anh đầu hỏi vợ, tôi còn dại chỉ nhớ mang máng là lo sắm lễ vật đi xin cưới rất vất vả. Sắm cho được chiếc "nón bằng" kết bằng sợi cước cũng đã khó, huống gì chuyện mua sắm đôi hoa tai bằng vàng.

Chị tôi hồi ấy là con ông bà chắt Minh người xã Dĩ Ốc, ông con một gia đình nho giáo, ông là người ăn chơi phóng khoáng có hút xá thuốc phiện chút ít, chết trước bà; chị tôi lên mua dâu, được bà Phượng - là mự lấy cậu tôi, vì trước cũng là người cùng xã làm mối dong cho. Sau đó hai bên thỏa thuận, anh tôi đi hỏi và ít lâu sau cưới về.

Hồi còn ở chung, tôi cũng chưa đi học. Hình như tôi cũng chưa được mặc quần thì phải. Hồi ấy người lớn còn đóng khố là phần nhiều. Lớp người khá giả sang lắm thì mới có chiếc quần hoặc áo bà ba bằng vải thô, dệt tay, khổ hẹp 50cm. Bọn trẻ như tôi chỉ được mảnh áo che thân, rách lành gì đó là phúc nhà lắm.

Cứ mỗi năm tết qua, cứ trông cho tết mau tới để được ăn ngon, được chơi và cũng được chiếc áo mới nhuộm nâu non người trong nhà may tay hoặc mượn người khác may là mừng hếch mũi.

Tôi mến chị tôi lắm, chị tôi người mảnh dẻ, nước da nâu, thường chít khăn nhiễu mỏ quạ, có đường tóc rẽ chỉ đôi bên. Khuôn mặt tròn nhanh nhẹn với đôi mắt đen cùng bộ răng nhuộm đều khít, luôn luôn nở nụ cười hiền hậu duyên dáng. Chị tôi rất vui tính. Lúc bấy giờ trong những ngày xuân vui tết bà con ai cũng chơi bạc cờ, được thua may rủi... có lần bị thua anh tôi tỏ ý không bằng lòng có to tiếng, chị tôi cũng chỉ cười trừ, ôn tồn phải trái, anh tôi có nóng cũng hòa làm lành. Chị tôi không ưa những người "khép nép" bọt chẹt, thích những người thật thà sòng phẳng. Bởi vậy bà con có người chị tôi ghét, có người ưa. Đối với chúng tôi là những đứa em, chị tôi rất thương. Ngày tôi còn nhỏ, lúc chị tôi mới về, cứ mỗi lần tết đến, chị tôi thường cho đi theo về bên ngoại, thôi thì được ăn đủ thứ kẹo bánh. Có loại bánh gì bằng gạo nếp quết dẻo, đóng khuôn như cỗ xôi hoặc bánh gừng...ăn xong chị còn đem về ăn hàng nửa tháng... Cho đến mãi sau này, khi chị đã có hai con ở riêng vườn dưới kề với nhà ông bà nội, bòn

góp làm được ba gian nhà gỗ, cánh cửa ván, trong nhà thưng phên bèn tro do chị tôi khéo tay đan lấy. Chị tôi vẫn quý trọng chúng tôi, không bao giờ mắng nhẹ nửa lời. Chị tôi vẫn dành kẹo bánh cho ăn như lúc còn nhỏ. Những năm sau này khi tôi lớn và đi học chữ nho rồi đến ngôi trường Pháp Việt thì chị tôi không còn nữa! Ngày 21 tháng 8 năm Tân tỵ (1941) chị tôi đã vĩnh biệt cuộc đời để lại cho anh tôi hai đứa con, lần hồi rồi cũng đi theo mẹ...

Hỡi ôi! người chị thương yêu của chúng tôi không còn nữa! chị mất đi đến nay vừa tròn 40 năm mà trong lòng và hình ảnh người chị thân yêu, lúc nào cũng hiện lên trong tôi nỗi xót xa, chạnh niềm thương nhớ. Tôi tự trách mình sao ngày chị lâm bệnh đến khi chết mà không xót thương, có phải vì tuổi nhỏ dại không biết hay sao mà nay khi tuổi trưởng thành cho đến về già mới biết quý trọng người chị cao cả, đã để cho tôi nỗi thương nhớ bồi hồi, mỗi khi nhớ tới cảnh cũ, nhớ đến dáng đi, tiếng nói nghĩ đến đứa cháu đầu lòng vừa mới năm nào còn sống sót dai dẳng rồi cũng đi theo chị. Những lúc ấy, đôi mắt tôi còn ứa đọng dòng lệ chảy...

CUỐN SÁCH TAM TỰ KINH

ĐẾN TRẬN ĐÁNH* CUỐI CÙNG

Lúc lên tám tuổi vào khoảng năm 1932, tôi bắt đầu đi học. Buổi đầu cắp sách tới trường, tôi không còn nhớ rõ ai đưa đi nhưng chỉ biết thầy dạy tôi đầu tiên là thầy cu Tiềm, người làng Hạ, ở gần bến đò ngang, sang ngồi dạy tại nhà ông Xướng, con cố Giáo xóm Trung. Nơi học cách nhà một cánh đồng, thường ngày tôi cùng đi với lũ trẻ trong xóm tới ê - a mấy chữ trong cuốn sách "Tam tự kinh" mà bất kỳ ai khi mới bước chân tới trường cũng phải khởi đầu bằng mấy chữ trong ấy. Học chẳng được bao nhiêu, chữ được chữ mất, ngày ngày rồi cũng rơi vãi đi đâu hết. Tôi chỉ nhớ nhất là mỗi khi về đến ngõ, chị thường nhạo câu *"tam tự kinh, nhân chi sơ, rờ vú mẹ, xé cơm em, tranh đọi đầy, thầy cầm cui, tui cầm gậy, thầy đứng dậy, tui chạy mất rồi..."* ấy là cái tật tuổi trẻ của tôi khi về nhà chưa có cơm ăn đã trề môi ra, do đó mới có câu hát như phổ cập trong xóm để nhạo thằng hư ăn.

Tôi học ở đây chưa hết cuốn Tam tự kinh, nghe đâu được mấy tháng thì thôi học. Nguyên nhân vì sao, tôi cũng chẳng nhớ, có điều hình như thầy dạy ít học trò không đủ sống nên lớp học phải giải tán.

Sau đó ít lâu, ở xã không ai nuôi thầy dạy chữ nho nữa.

Cuối năm tám tuổi, sang năm lên chín, người anh thứ hai lúc bấy giờ gọi anh Đôi đã lớn tuổi, cha mẹ tôi hỏi vợ cho người trong xã, con Cố Nguyện xóm trên.

Tôi được gửi lên đây học với hai người con thầy và mấy lũ trẻ khác. Hàng ngày mấy buổi đi về cách mấy xóm, ở đây cũng là các môn ê - a như trước. Học lâu ngày tôi cũng đâm ra tẻ nhạt, phát chán muốn thôi. Có lần tôi còn nhỏ, lúc đi học về giữa đường bị choáng ngất bổ lăn, được người ta đưa về đổ cháo mới tỉnh. Thì ra vì do cái tuổi đó, ăn ngủ thất thường có khi đi ngủ không tưởng chi ăn buổi tối nên sáng hôm sau dậy đi học sớm, lúc về bị sếu đói.

Tôi học chưa đầy một năm rồi cũng thôi. Số là thầy đánh tôi một cách vô lý. Anh tôi thường ngày lên chơi báo cáo với thầy : " Thằng Sáu - tên tôi- về nhà không chịu học bài. Nó thường vác dao đi khắp vườn chặt phá lung tung - xin báo cáo để thầy biết."

Thế là thầy gọi tôi bắt nằm xuống nhà, lấy roi song đánh cho một trận với lý do như vậy. Từ đó tôi thôi học, năm ấy là năm 1934.

Lần này tôi học chữ hán với thầy Hương Truy, người xã Dĩ Long lên dạy tại nhà cậu tôi. Thầy là người bà con vơí mự tôi, trước người cùng xã.

Nhà cậu tôi cách nhà tôi một mảnh vườn nhà ông Mai, thường ngày đi về thoải mái. Tôi học ở đây viết chữ hàng 3 rất tốt. Có lần thầy nói với người ngoài "thằng này chữ tốt hơn thầy" rồi ít lâu sau tôi viết hàng tư, hàng năm, chữ nhỏ dần...có một điều chữ viết tuy tốt nhưng chẳng nhớ được bao nhiêu.

Vào khoảng năm 1935, phong trào hán học trong xã đang thịnh hành. Những đứa con trai đi học, ai cũng muốn cho con học chữ hán vì mấy lý do - Học để biết cúng giổ khấn vái tổ tiên, học để biết viết văn khế, văn tự hay để sử dụng đám đình trong thôn xóm... thành thử, đối với chữ quốc ngữ trong thôn quê chưa được phổ cập mấy. Ở xã Dĩ Ốc mới có 1 trường cấp một như hiện nay; xã Đồng Công cũng có mọt trường ba lớp. Đó là những xã gần đã có trường dạy quốc ngữ và chữ tây. Những người lớn tuổi, số đông ai cũng học chữ hán, cũng có người học chữ quốc ngữ và chút ít chữ tây.

Trong xã lúc bấy giờ chỉ vài ba người biết chữ quốc ngữ và biết được ít chữ tây, nói bập bẹ như con ông Ký và anh Xướng con cố

Giao được gửi đi học ở xã khác. Một số người lớn như anh cả tôi và dượng tôi vừa biết chữ hán vừa biết đọc và viết chữ quốc ngữ.

Sống trong hoàn cảnh giữa trào lưu văn hoá cũ đang thế suy đồi và luồng văn hóa mới đang âm ỉ lan sang đầu óc những đứa trẻ chúng tôi, lứa tuổi thơ ngây cảm thấy thú vị và say sưa cái mới. Tôi cũng chẳng hiểu vì sao lúc đó tôi sinh ra tư tưởng chây lười không học chữ hán nữa và dần dần tôi phản đối gia đình - nhất là với mẹ tôi, đòi cho đi học quốc ngữ, để biết viết thư như thằng Tám Ký. Thế là tôi không đi học nữa. Mẹ tôi bắt đầu chửi mắng đủ thứ. Rồi bà còn dỗ dành khuyên nhủ tôi đi học lại để mai sau biết chữ mở mặt mở mày với làng với nước...

Tôi một mặt khăng khăng từ chối và nhất quyết không đi nữa.

Vào một buổi sáng- tôi còn nhớ rõ, mẹ tôi bảo anh Đôi trói tôi ở góc cây cau gần ở bể cạn, cạnh đó có một cây cam chanh để đánh và giam chân tôi ở đó một hồi lâu...

Mặc dầu bị đánh đập, doạ nạt nhưng tôi nào có sợ. Tôi lại còn leo lên cây cau đòi buông tay xuống...

Thấy thế mẹ tôi bảo anh tôi "mở trói tha cho nó".

Thật ra, thuở bé tôi là một thằng lì lợm, ai sai bảo tôi cũng trương gân ra, nên mẹ tôi mới đặt cho cái tên thật buồn cười "thằng vanh lơ" . Mà nói cho cam, cả đời có ai sai bảo tôi làm việc gì đâu, nên

cũng chẳng cần nghe ai, ngược lại mọi người trong gia đình ai cũng chiều chuộng.

Thế là cuộc đấu tranh của thằng bé giữa nền văn hóa cũ và nền văn hóa mới thắng lợi bước đầu.

CUỐN SÁCH TRẮNG

VỚI MẤY CHỮ A,B, C

Lúc này, vào khoảng đầu năm 1936, o dượng tôi, nhà ở cuối xóm chưa có con trai, đã sinh được 4,5 người con gái, o dượng tôi mời mời một người bà con lên dạy quốc ngữ - cậu Ấm Xoài người xã Dĩ Ốc. Tôi được gửi đi cùng mấy đứa trẻ trong xóm về đây học vở lòng.

Thầy dạy tôi người cao dong dỏng, đẹp trai có đôi mắt đen, mũi dọc dừa với với vẻ mặt nghiêm nghị. Thầy

thường mang bộ quần "so", aó sơ mi trắng dài tay. Nhìn cử chỉ và cách đi đứng, ăn nói của thầy khác xa mấy thầy dạy chữ hán lúc trước.

Tôi cùng mấy đứa trẻ con o dượng chăm chú nghe thầy chỉ vẻ từng chữ và từng chữ trên từng trang giấy trắng. Tôi mới bắt đầu nhìn thấy sự ngỡ ngàng của việc học chữ quốc ngữ... Thế rồi, ngày một, ngày hai và dần dần tâm hồn của tuổi trẻ đã bắt đầu làm quen được lối phát âm và cách đánh, ghép vần. Học ở đây được mọt năm, tôi bắt đầu đọc viết đã quen, cho đến hết kỳ hè năm ấy, mẹ tôi nhờ người xin cho vào học trường Đồng Phụng.

Thế là tôi bỏ qua lớp 5 (bây giờ là lớp 1) thi ngay vào lớp 4, học đến lớp 3 thì thi bằng yếu lược rồi thi chuyển cấp lên tiểu học. Trương Đồng Phụng chỉ mở có 3 lớp (5-4-3) nên hết kỳ hè năm 1937, tôi thi được lên lớp nhì đệ nhất ở trường tiểu học Dĩ Long và học tiếp cho đến các năm sau.

Những ai đã sống vào những đêm dài nô lệ, bóng tối của cái chế độ thưc dân đè nặng lên đầu, lên cổ cha ông ta lâu ngày như muốn làm hoen mờ tâm trí yêu nước của cả dân tộc, thì những đứa con như bọn trẻ chúng tôi có nhìn thấy gì đâu ánh sáng của chân trời xa lạ?

Việc đấu tranh với mẹ cha để học cho được chữ quốc ngữ chỉ là do sở thích và tính tò mò của tuổi trẻ để mình tìm con đường đi của bản thân mà thôi. May sao, tôi học qua các năm ở nhà cũng như khi tới nhà trường Pháp-Việt trong hai ba năm đều tiếp thu được, các bước đi trót lọt.

Lúc bấy giờ học chữ quốc ngữ còn theo lối cũ, để đánh cho ra vần phải lặp đi lặp lại, kéo dài ra... cũng chưa phiền và khó khăn bằng lối phát âm, dịch đọc chữ tây, thứ chữ mà người ta thường gọi "xì xồ" như thằng ngọng miệng. Đối với bọn trẻ con học tiếng mẹ đẻ chưa thạo, còn nói gì học tiếng nước ngoài? Nền giáo dục của bọn thưc dân Pháp ngày trước cũng vì mục đích đào tạo cho chúng một lớp người sớm biết làm nô lệ. Cho nên, chương trình học tiếng Pháp có ngay từ đầu (lớp 5 trở xuống...) để sau 5-7 năm, học xong các lớp, đã có thể đọc viết thông thạo tiếng Pháp. Bà con ta thường dùng tiếng "xì xồ" ấy không chỉ để nói cười, mà thực tế không biết tiếng, gặp phải mấy tay đi lính, đi làm bồi về thường hay làm điệu bộ lòe loẹt thiên hạ là "ta đây".

Từ khi tôi vào học lớp 4, chữ viết đã tốt có quy cũ. Các thầy gọi tôi lên viết bảng thường xuyên. Khổ mọt nỗi là khi lên bảng chép đề mục toán, chép đề xong vừa xuống lớp thì những bạn thông minh đã làm xong bài sau đó 15 hay 20 phút nạp lên cho thầy rồi, còn mình vừa mới chép xong bài ra; sự thôi thúc nông nổi đó, ít nhiều

ảnh hưởng đến tư duy, đến những suy nghĩ lúc gặp phải bài toán khó càng thêm lúng túng.

Lúc bấy giơ tôi còn nhỏ, khoảng 11-12 tuổi nhưng tôi có khiếu vẽ và điêu khắc. Cho đến bây giờ tại sao lúc ấy đã có năng khiếu cho đến lúc trưởng thành lại không xuất hiện được khả năng?

Tôi lại so sánh lúc ấy, độ tuổi của tôi cũng như độ tuổi của các con bây giờ đang theo học lớp 4, lớp 5 gì đó (theo cấp 1 hiện nay) mà tôi biết vẽ các hình động vật lên giấy bằng mực tàu treo khắp nhà, đặc biệt về hình người như vị anh hùng dân tộc Quang Trung lên giấy cứng (cro-qui) treo lên nhà, hàng chục năm chưa hỏng (mãi đến sau này khi tôi thoát ly trở về, gia đình vẫn còn giữ lại được) cũng tuổi ấy tôi đã sớm nghĩ ra cách điêu khắc được hình bài tổ tôm, tam cúc... rất giống như in để tổ chức ấn lóat, lén lút kiếm thêm tiền mua giấy bút và quần áo ăn học. Nhưng rồi ngày nay, với sự phân tích khoa học, tôi cũng đã tự trả lời cho mình cách chính đáng; Đó là sự phát sinh năng khiếu chứ chưa phải có tài năng ngay, mà xuất hiện tài năng chính là do có môi trường sinh sống với sự dày công khổ luyện lao động trí óc và nghệ thuật mới có.

Tôi sinh thời trong một gia đình nông dân nghèo, lại ở vào một xã hội cũ thì làm gì có được sự rèn luyện ở trường lớp để trở thành tài năng.

*

* *

Tôi thi sơ học yếu lược xong, được chuyển sang trường tiểu học Dĩ Long. Từ nhà tới trường ngày 2 buổi đi về, trưa mang cơm ăn tại trường. Thời gian kéo dài trong 3 năm. Lúc bấy giờ học hành trừơng Pháp Việt gặp nhiều khó khăn, nhưng nếu học hành không ra trò thì đừng có hòng bén chân đến ngưỡng cửa nhà trường.

Ân Phú lúc bấy giờ chỉ là một thôn thuộc tổng Dĩ Ốc, và cả mấy tổng vùng quanh cũng chỉ có một trường tiểu học này. Cả thôn chỉ có 5-6 đứa được đi học trường tổng. Con em ít kẻ được đi học.

Số học sinh các tổng vùng quanh về học khá đông, nói là đông nhưng cả mấy lớp chỉ có trên trăm em, với khoảng 6 thầy giáo, mỗi ngày dạy hai buổi sáng chiều, trừ ngày thứ năm chỉ học một buổi. Nếu tính bình quân thì mỗi xã may ra được 5-6 em là nhiều lắm. Bởi vậy bạn bè được mở ra nhiều tỏng, từ Đại Đồng đến Phụng Công về Tùng Ảnh sang mấy xã Hương Sơn như Dĩ Ốc, Đồn Mỹ... cũng về đây hội tụ.

Bọn trẻ chúng tôi thường đi về dọc Vực Ác lên Phục Nổi, ngược xuôi theo dòng sông đùa nghịch đáo để, hễ mỗi khi thấy mấy tay vạn nghề**(ngư dân trên sông- NGT)*- người ta hay gọi là làng Vạn gõ nhịp khua cá bên mạn thuyền thì lại nhại câu "chài chài, lái lái, không bằng cái dái học trò". Tức thì bị mấy ả điêu ngoa chửi cho một mẻ, rồi cánh bọn nam dưới sông nhảy lên với thân mình trần

truồng, chỉ tay lên bờ vào mấy đứa trẻ mà đối vọng lại "chữ nghĩa văn chương, không bằng cái xương cá ngạnh". Chẳng biết câu đối đáp ấy ác ý không phải ngẫu nhiên tự đặt ra, mà là câu đối đáp từ thời cha ông xưa kia truyền lại.

Tôi đi học lúc này ăn mặc khác trước, tôi có cây ô đen và chiếc mũ trắng xanh-ga-po của anh Năm mua cho, lúc ở Mỏ Trì (Lào) gửi về. Ngày anh đi Mỏ Trì làm phu lúc nào tôi cũng chẳng còn nhớ nữa, chỉ biết rằng sinh thời và lớn lên anh chưa được học hành gì mấy chỉ đi bò, đi cày rồi đi theo người ta đi làm phu trong một vài năm gì đó.

Lúc anh làm ăn đã dành dụm được ít nhiều, gửi về cho tôi mấy thứ đó thì thật là quý giá. Khi đã có ô, có mũ tôi lại đòi cha mẹ may sắm áo quần cho ra vẻ học sinh. Bọn chúng tôi tuy đã lớn tuổi nhưng đầu tóc ai cũng cắt ngắn trọc lóc mà người ta thường gọi tên "tây hóa" như như là "cúp -ca-ro" nghĩa là cúp-vuông, còn áo quần, có

giỏi lắm mới sắm được chiếc áo dài đen vải phin, chiếc quần trắng vải khổ vuông của ta dệt thủ công, đứng cách xa 5 mét cũng nhìn thấy sợi thô.

Người có tiền mới mua nổi vải thanh bố, hay sang lắm cũng chỉ là vải tây cóng hay cật bá mà thôi! Ngày nay ta gọi là "phin"- phin là từ theo tiếng Pháp có nghĩa là "mịn".

Tôi đi học thường chăm chỉ, mỗi khi gia đình có giỗ hay đám đình gì, tôi không bao giờ lười biếng trốn tránh để kiếm cớ ở nhà. Mỗi tuần học ngày 2 buổi chỉ được nghỉ vào chiều thứ 5 về nhà sống tự do, chẳng lao động gì cả. Việc nhà hoặc đồng áng thì đã có anh chị. Cha tôi là một nông dân lao động giỏi. Ông cày, bừa gặt hái làm việc gì cũng nhanh hơn người. Cha tôi ít la van con cái, việc gì ông làm thì đi làm, việc cất đặt trong gia đình tùy theo mức độ tự nguyện.

Tôi lớn lên đi học chỉ là đi học, chẳng ai sai bảo gì cả. Bởi vậy tôi thích nhất là nghề câu cá bờ sông. Điều này cũng dễ hiểu là vì sao bọn chúng tôi lại thích câu cá, thích bơi lội trên dòng sông trong những ngày hè nóng bức, oi ả. Nhà tôi cạnh ven sông, hễ bước chân ra khỏi nhà là nhìn thấy ngay bờ sông êm đềm trôi chảy, lững lờ như đã ru hồn tôi mang âm hưởng thơ mộng từ buổi ban đầu; đêm đêm khi trăng tỏa sáng đôi bơ, ấy là khi dòng sông gợn sóng hiện rõ muôn vàn ánh vàng nhấp nháy hất bóng lên bờ, tỏa vào

những rặng cây xanh đang im lìm đứng ngủ... rồi tiếng hát đò đưa lại văng vẳng đâu đây, ngân vang xa gần, lúc nhặt lúc khoan nghe càng thảnh thót, khơi động lắng sâu vào tâm hồn, buồn tủi, yêu thương, xót xa, đằm thắm...

Ôi ! dòng sông xanh đã tắm mát cả tuổi đời non trẻ của tôi. Tuổi thơ ngây của đời học sinh đối với tôi vút qua nhanh chóng, lứa tuổi mà chúng tôi còn đánh đáo và đánh khăng trên đường làng, chẳng mấy chốc mà lặng lẽ qua đi.

Năm học của cấp tiểu học niên khóa 1940-1941 đang đặt ra cho bọn học sinh lớp nhất chúng tôi tự lựa chọn lấy con đường đi. Hầu như các bậc cha mẹ và con cái chẳng ai dám mơ tưởng đến bước đi kế tiếp, mà ai cũng phải tự thấy phải đi vào con đường độc nhất, con đường nô lệ, con đuờng tìm kiếm một việc gì, dù là nhỏ nhen trong xã hội đương thời.

Bạn bè tốt nghiệp các năm trước đứa nào có người dắt dìu, có tiền đút lót thì đã bay đi hết, đứa nào chưa đi thì cũng lăng xăng đó đây, chưa tìm ra lối thoát. Trong xã có hai bạn Nựu và Liêm tốt nghiệp năm trước, đã nhờ ông giáo Ứng, người ở Châu Phong chạy lo cho đi làm công ở nhà ga, mà đó cũng là hai bạn đi làm công đầu tiên thời Pháp, còn họ Cù Huy chỉ có gia đình cụ Cận là có con cái học hành đậu đạt cao nhất trong xã. Anh Cận được người cậu dắt dìu đi học từ lúc 10 tuổi. Anh vào học ở Huế cho đến năm đậu tú

tài toàn phần mới về thăm quê cùng với người bạn chí thân Xuân Diệu. Sau đó, anh học tiếp 5 năm nữa mới đậu bằng kỹ sư canh nông. Anh lại vừa là nhà thơ, hồi đó sáng tác tập thơ "Lửa thiêng" mà bọn tôi rất thích xem.

Mùa xuân năm ấy đối với bọn tôi hình như vô nghĩa. Mùa xuân của tuổi trẻ, xuân của tâm hồn thơ mộng lướt qua nhanh như không phảng phất và lắng động trong đầu óc những gì âm sắc của ngày xuân nữa...

Mùa hè đến quá sớm. Trước sân trường Dĩ Long đầy bóng mát. Gió từ bờ sông tung những chùm hoa phượng đầu mùa bay tứ tung, mang theo làn hơi nóng luồn vào các khung cửa sổ. Cả thầy lẫn trò chăm chú vào nhau, lặng lẽ nghiêm trang. Người ta chỉ nghe tiếng thầy giáo có lúc cất lên sang sảng rồi lại im bặt... ở đây chỉ nghe sột soạt tiếng giấy và với tiếng động trăn trở của học sinh. Những đợt thi kiểm tra như thế đối với chúng tôi lo làm bài cho được cũng hơi ra tai. Thuở ấy những thằng lười biếng, học kém, không phải chỉ có hình thức phạt mà thầy còn đánh cho ốm đòn nữa là khác.

Thế là ba năm trôi qua. Ngày thi đã đến. Sáng sớm dậy mẹ lo cho một vắt cơm đùm vào chiếc mo cau, trong đó cắt cho 4-5 quả cà, trao cho con đi thi ở trường Đồng Thái- chợ Hạ.

Tôi bị cái tật ngủ trưa đã sẵn, khi mẹ thức dậy chẳng kịp ăn uống gì, lo chạy đi cho kịp. Người nhà cũng chẳng ai đi theo và cũng chẳng ai quan tâm đến thi cử như bây giờ.

Ngày thi đã qua. Lúc trở về nhà, tôi cũng chẳng đoái hoài đến đậu đạt, bài tuy có làm được, thi vấn đáp trôi chảy, nhưng tôi cứ nghĩ rằng mình khó chen chân với bọn học sinh có thân thế và tiền tài...

Cho đến khi có kết quả tôi chỉ nghe qua bạn nói lại.

Mảnh bằng tiểu học đối với thời nay chẳng ra cóc rác gì, nhưng ở thời đó, hễ ai cầm được mảnh bằng trong tay đều được trọng vọng, tục lệ làng ưu đãi ăn uống... Mỗi lần có cúng tế trong làng thì phần thủ lợn dành cho các cố và các chức sắc, còn phần nọng cũng được ghép vào loại thứ tự ưu tiên.Tục lệ phong kiến và đế quốc đã tạo ra cho số người ăn trên ngồi trước là thế đó. Người nông dân làm ra của cải vật chất lại là kẻ bị kinh bỉ chẳng được ăn uống gì. Thật là trái với đạo lý ở đời.

Hè năm ấy, khi đã thi xong, tôi cảm thấy buồn bã. Nỗi buồn như cứ xâm nhập vào tâm hồn đứa trẻ mới 15-16 tuổi đầu. Hàng ngày trong đầu óc tôi hiện lên những câu hỏi: Làm gì đây? Mai kia số phận sẽ ra sao ?.

Thuở ấy, khác với bây giờ, khi rời ghế nhà trường, cứ bơ vơ như đứa trẻ đi lạc vào chợ chẳng ai dắt dìu và chỉ cho con đường đi...

Thế rồi, tôi nghĩ ra một kế, đi dạy hè một vài tháng cho vui.

Tôi lên Văn Tân bây giờ là Văn Giang xã Đức Giang - tìm chổ dạy hè cho bọn trẻ. Người ta giới thiệu tôi tới nhà ông Kiểm Thao, ông bà này trạc tuổi trên 50 mươi, có mấy người con gái và một cậu con trai tên là Cự. Ông bà cần mời một người dạy cho ba tháng hè để bồi dữơng thêm cho cậu con trai sau kỳ hè đi học cho cứng. Cự là cậu con trai thứ hai, chị đầu đã hứa hôn với bạn Liêm người cùng xã (với tôi). Sau Cự còn một o con gái cũng đã lớn tuổi mà người chị thường nhạo cô em với tôi.

Thực ra, lúc bấy giờ đối với tôi tuổi còn non dại, chẳng bao giờ nghĩ đến chuyện lấy vợ sớm. Với lứa tuổi ấy, chúng tôi còn tìm đường đi đây đó hay đúng hơn là chưa biết yêu đương - tôi chỉ nghĩ đến chuyện dạy học mà thôi.

Lớp học ở đây cả xóm được trên 10 em, trình độ học không đồng đều, việc truyền thụ rất rắc rối. Song có điều mà thầy giáo trẻ vẫn yêu thích, vì ở đây, chủ cũng như học trò rất quý và mến thầy. Ông bà chủ tuy bề ngoài xem tôi như là thầy, nhưng trong thâm tâm cũng như khi đối xử hàng ngày coi tôi như môt người con quý.

Thầy giáo trẻ chỉ là đi dạy học cho vui, chứ học phí cũng chẳng được bao nhiêu, ngày kết thúc kỳ hè, hình như chẳng đưa về cho mẹ được đồng nào để đi chợ mua gạo.

Hết kỳ nghỉ hè năm ấy, tôi trở về nhà với nỗi buồn chán ngán, chưa biết sẽ làm việc gì. Ngày lại ngày qua...bỗng một trận ốm đột ngột đến với tôi rất nguy kịch. Vào khoảng tháng tám năm ấy, tôi bị cảm hàn rất nặng, do dầm phải nước lụt khi đi chợ Thượng về, lội qua cầu Hói Bượm. Từ chổ sốt nóng to, đi đến mê sảng, người gầy tóp. Lúc mới đầu, mẹ còn nằm bên người chăm nom, dần dần chuyển sang thể nặng, mẹ cũng không dám nằm gần con nữa ! Tôi bị đau bất tỉnh nhân sự.

Lúc bấy giờ ai ốm đau, thuốc thang ở gia đình nào thì gia đình nấy lo chạy chữa, không phải có bệnh viện, hay trạm xá như bây giờ. Cả một vùng rộng lớn ở huyện Đức Thọ chỉ có trạm xá phát thuốc nhỏ ở Đức Lạc mà cũng chẳng mấy đời dân làng muốn ghé chân tới. Hình như ở đây có một y tá và vài hộ lý.

Sau trận "thập tử nhất sinh" ấy đã ảnh hưởng rất nhiều đến thần kinh như nói ngọng miệng, tóc trên đầu rụng gần hết. Sau vài tháng bị đau, tôi đang ở thời kỳ phục hồi sức khỏe, tóc tai chưa kịp ra còn bồm xồm, đi đứng đã hơi tạm bình thường thì nhận được tin vui, có thư của chị Táo ở Buôn Mê Thuột gửi về thăm gia đình, trong đó anh chị bảo tôi vào, để kiếm công việc cho mà làm. Trong thư anh chị hướng dẫn tỉ mỉ đường đi lên xuống tàu xe...đọc xong thư, người tôi nóng ran rên, tưởng chừng nghe quả tim gõ nhịp liên hồi trong lòng ngực. Tôi thở phào và trong người dần dần nhẹ nhỏm hẳn.

CHƯƠNG II

Ra đi trong cảnh đời mưa gió

Từ khi nhận được thư của anh chị, hầu như ngày nào, giờ phút nào, tôi cũng nghĩ đến ngày ra đi. Một vấn đề cấp bách đặt ra cho gia đình -đặc biệt cho mẹ tôi là phải chạy lo cho ít tiền tàu xe đi đường.

Vào khoảng trung tuần tháng 10 năm 1942, sau bữa cơm trưa, cha tôi đi trước, tôi đội chiếc rương nhỏ đi sau. Hai cha con đi dọc theo đường bờ sông xuống Dĩ Long, vào nhà cụ Quyền Nam, thông gia với cha mẹ tôi. Tới đây ăn cơm chiều xong, cha tôi trở về, còn tôi và cụ thuê một chiếc đò nhỏ xuống Thọ Minh vào nhà chị Nho Điện (người con gái của cụ lấy chồng về đó mà anh Táo gọi bằng chị).

Cũng cần nói rõ thời đó, dù đi đâu xa xôi, bà con chẳng ai quan tâm gì cả. Ai đi đâu thì đi chẳng cần giấy tờ gì phiền phức như bây giờ. Vì vậy ngày tôi đi xa, cũng như đi chợ Thượng, bà con chú bác chẳng ai hỏi han chào đón gì cả.

Ở cái xã hội thời đó, hình như tình cảm người ta chỉ dành cho trong những ngày Xuân, chơi bời hay đám đình lễ lạt. Cả cuộc sống đang dồn sức vào làm giàu đối với từng lớp người đủ sức, đủ tài, còn hạng người lao động bần cùng, có bao giờ ao ước tới cuộc đời cơm no, áo đủ. Người ta lao động chỉ mong có bát cơm ăn, có tiền, có thóc, sẵn sàng đón lấy lên đầu lên cổ bao từng áp bức, sưu cao, thuế nặng, cái cảnh roi vọt của lý hào như đang chực quất vào lưng họ khi nào chẳng được. Sự sống thường xuyên bị đe dọa. Vì vậy, tình cảm của con người trong xã hội ấy không thể bộc lộ khi có người muốn đi tha phương cầu thực. Người ta xem đó là một phương kế làm ăn, ai có tài cán gì thì mặc sức xoay xở... việc ra đi hay ở nhà đều chịu cảnh bó hẹp trong một vài sào ruộng đến chuyện làm thuê, cuốc muớn là chuyện bình thường.

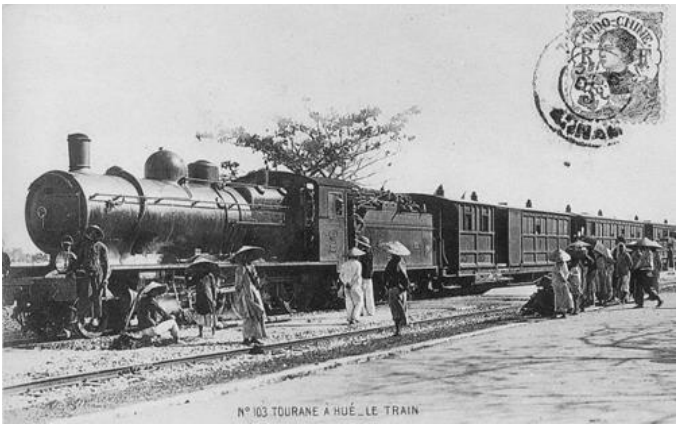

Vào mọt đêm tối trời, không ánh trăng sao, gió mùa đông-bắc từng cơn lùa vào mặt thấm ướt da thịt, nhức buốt tận xương. Bỗng

tiếng còi tàu hỏa từ xa phóng tới như xé màn đêm dày đặc, thức tỉnh dân làng quanh vùng Đức Thọ - Chợ Thượng đang trong cơn ngái ngủ ngon lành. Tàu dần dần dừng hẳn trước cửa ga Thọ Tường. Tôi một mình một bóng nhảy phóc lên bàn đạp cửa tàu, tay trái cố bám vào thanh sắt đứng thẳng, tay phải giữ chặt chiếc rương trên đầu, cố ghì cho được khỏi nghiêng ngã. Trong trạng thái rất thăng bằng đó, nếu không quyết tâm va kiên trì để xẩy ra mất của, chết người.

Ngày ấy tàu hỏa lúc nào cũng chật ních người là người. Đủ thứ người tứ xứ. Bởi vậy khi lên được tàu rồi, cố en vào tìm cho được một chổ đứng an toàn là rất khó. Trên tàu hễ đụng chạm mạnh vào nhau, lỡ sinh ra chuyện ngay. Họ chửi bới đánh đập nhau trên tàu là chuyện bình thường.

Lần đầu tiên trên bước đường đời non trẻ, tôi nào có biết gì đến kinh nghiệm, biết gì sự sống lâu nay bên ngoài của xã hội đang bị đầu độc bởi bóng tối nô lệ ngủ mê say, tôi như con cừu non đi lạc vào giữa đám rừng rậm. Thân phận mong manh...một ga rồi hai ga đến năm bảy ga vẫn chưa tìm ra chổ đứng an toàn. Đến mỗi ga, khi tàu dừng lại số lượng người lên càng tăng và lượng người xuống không là bao nhiêu. Bỡi lẽ, chuyến tàu suốt thì hành khách bao giờ cũng nhiều và gần như cố định hẳn ở một số ga chính, ngoài ga Vinh ra, lúc vào Huế, may ra mới có sự thay đổi. Hồi ấy tôi đi chuyến tàu chợ nhưng người vẫn đông, chiến tranh Pháp - Nhật đã chớm nở ra, một số cầu đường đã bị phá.

Ngày nay, mỗi khi hồi nhớ lại cũng buồi cười và có khi thêm rùng mình vì sức chịu đựng dai dẳng, đứng trụ chân trên tàu từ ga Thọ Tường đến Đông Hà mà vẫn chưa tìm ra được chổ ngồi. Đến khi người ta báo tin khách trên tàu phải xuống vì đoạn "tăng-bo" -từ tiếng Pháp nói bồi, có nghĩa là đổi tàu chở, phải đi bộ qua cầu khoảng 2 km. Tôi nhận thấy đây là lúc có thơì cơ tranh chấp cả thời gian và không gian để cố sức mình vượt nhanh hơn người khác mới mong dành thế chủ động. Lẽ tất nhiên trên tàu lúc bấy giờ là bọn con buôn, hàng hoá cồng kềnh, nặng nề lếch thếch thì họ chỉ có ưu thế tiền tài hơn là sức bản thân họ. Từ đó tôi tạm yên ổn, bắt đầu giải đáp được nhu cầu thiết yếu của con người sống hàng ngày trên tàu.

Sau hai ngày, gần 3 đêm tàu tới ga Ninh Hòa tỉnh Bình Định. Tôi xuống tàu khoảng 2 giờ sáng trong cảnh mịt mù đêm tối, bơ vơ nơi đất khách quê người, biết hỏi vào ai, đi về phương nào ? ngủ lại đâu ? tôi đang đứng trước sân ga tối om, thẩn thờ ngái ngủ quá độ. Sau mấy ngày đêm thức trắng trên tàu, không chợp mắt được một buổi trọn vẹn, bỡi lẽ lúc ra đi một mình đơn độc trên tàu với tuổi đời chưa kinh nghiệm. Người nhà có mừng là con có đi kiếm ăn cho mai sau, nhưng nỗi lo không phải nhỏ. Người lớn tuổi, tuy chưa đi đây đó nhưng ít nhiều ai cũng nghe thấy được các vụ trộm cắp, giết chốc thường xuyên xẩy ra trên tàu, hoặc trên các quảng đương xa vắng. Cho nên ai cũng nhắc đi nhắc lại câu "cẩn thận, đừng ngủ quên, tỉnh táo và hết sức đề phòng...". Những lời đó như đã ghi sâu vào đầu óc, hễ chợp mắt là tiếng dặn dò của cha mẹ, lời khuyên răn của anh chị còn văng vẳng đâu đây vang vọng mãi, tưởng chừng mang nặng ngàn cân, lại dật mình thức dậy, tỉnh tỉnh, mê, mê...

Lúc xuống khỏi tàu, vác rương ra đến sân ga, sự cảm khoái đầu tiên như đã đến ngay với con người cùng lúc. Một mình đứng trong đêm tối, đặt ngay rương đồ đạc vào dưới chân - nói là rương đồ đạc tư trang, nhưng kẻ cắp có lấy được cũng không đáng giá một vài đồng bạc thời đó.Bỡi vì trong rương chỉ có một bộ quần áo tây bằng lụa mà từ khi anh rể tôi đi làm công lục lộ cho Pháp ở mỏ Trì (Lào) gửi về cho. Chị tôi rất thương tôi, và anh tôi cũng rất coi trọng. Số là anh tôi lấy chị tôi trong trường hợp gia đình và chị tôi đã hứa hôn với một người ở làng Hạ, nhà anh ta ở cách một con đò sang khỏi bến là tới nhà. Anh ta cũng là một nông dân không được học hành như anh tôi lúc bấy giờ. Trong sự yêu đương hay đúng hơn là sự kén chọn, dạm hỏi dâu rể cách đây 40 năm về trước khác hẳn bây giờ, khi sự giao ước lễ lạt rồi, được xem như cố định; ở đây chị tôi khi có người giới thiệu và manh mối với anh tôi, chị tôi ưng và tìm cách thoái thác, không lấy anh chàng kia nữa, anh tôi được cố Viên cùng xóm người bà con nhà anh tôi làm mối dong cho. Lúc anh tôi lên làm lễ, cũng chỉ được nghe giới thiệu con

người, chứ được gặp tận mặt, cất lời hỏi han không thể có được, thỉnh thoảng có chăng chỉ là lúc liếc mắt nhìn trộm của nhau mà thôi. Ấy thế mà hai bên thỏa thuận ưng nhau- còn thời nay người ta dùng từ yêu nhau là như vậy đó.

Hồi cưới chị tôi, anh tôi còn làm công ở Mỏ Trì. Tôi vẫn còn dại đi học mới được vài ba năm viết lách cũng đã thạo và chữ cũng đã tốt, nghĩa là xếp trật tự nằm thẳng trên hàng kẻ ngang. Mỗi lần anh tôi viết thư về, chị tôi phải nhờ tôi đọc cho nghe và viết thư trả lời. Hồi nho, chị tôi lớn lên không được đi học, ở nhà giữ em nấu ăn vặt vảnh cho mẹ, việc tham gia sản xuất chỉ làm đôi lúc. Mọi việc cày bừa hàng ngày đã có cha hoặc anh, chị dâu. Các ngày mùa bận rộn đã có người giúp việc. Tôi nhớ lại buổi đầu chị nhờ tôi viết thư cho anh. Tôi đâm ra lúng túng ngỡ ngàng vô cùng tận! viết thư thế nào ? nói cái gì, câu nào trước, câu nào sau, mở đầu câu gì... chị tôi mạnh dạn bảo: "em lấy giấy bút, rồi chị bày cho mà viết"...này...này..."nay em lấy giấy thay mặt, lấy bút thay lời..."chị đọc cho câu gì thì viết theo như vậy. Và đúng là viết như nói là vậy đấy. Ấy thê mà có thư chị tôi đọc cho viết gần hết tờ giấy luôn. Trong ấy nội dung nói gì không làm sao tôi nhớ nữa. Nhưng có điều là mà làm cho tôi nhớ nhất là khi anh tôi gửi thư về thường hay tả nỗi buồn cô quạnh nơi "ma thiêng nước độc" nào tiếng chim kêu vượn hót cảnh sắc trời mây nước v.v...mà ngày nay nỗi buồn xa xưa nhớ đến anh chị, lời thư năm ấy lại về trong tâm trí tôi, bởi nó thâm nhập vào tâm hồn còn bé dại.

Sinh thời và lớn lên trong hoàn cảnh sách vở không có đọc, bổng khi được vài ba bưc thư của anh gửi về mô tả cảnh vật, lòng người ở nơi đất khách quê người còn mãi mê vì kế sinh nhai, với giọng điệu đầy vẻ ân tình rất cảm nức lòng người. Tôi cất giữ và đọc đi đọc lại cho chị nghe 5-7 lần, rồi hình như thuộc lòng từng đoạn, đến nỗi ngày nay vẫn còn nhớ rõ.

Tôi phải nói thêm một đoạn về đời tư của chị, bởi vì chị với tôi còn cả một quảng đời sau này...

Những ai đã đi tàu xe sau nhiều ngày đêm mệt mỏi, khi bước chân vượt khỏi nơi đây, đều như trút được gánh nặng trên cơ thể. Đối với tôi cũng vậy, chiếc rương tuy không nặng mà cũng chẳng có gì, nhưng một vật dù có nhỏ nhẹ đến đâu, nếu phải manh xách lâu ngày cũng trở nên nặng nhọc, vất vả. Giờ đây được đặt dưới chân, tôi vươn vai thẳng cánh, nhẹ nhàng thoải mái trong chốc lát. Nhưng cái mà cảm thấy nặng nề hơn cả vật dụng kia là chính sự lo lắng bơ vơ giữa đất tối trời buồn thảm, sợ hãi. Tàu, ga, người qua lại nhộn nhịp có, lặng lẽ âm thầm có, nhưng ai mà thấu hiểu lòng ai? Trước mặt tôi một người kéo xe tay bước tới hỏi đột ngột:

-Anh đi đâu ?

-Không, tôi còn chờ người nhà tý -tôi đáp.

Tôi phải nói dối để đánh lạc hướng anh ta, tỏ ra mình không đơn độc.

Anh ta dừng lại một tý, có anh xe kéo khác bước tới, hai người nói với nhau gì đó, rồi laị kéo xe đi.

Anh ta lúc đầu quay xe và người đối mặt với tôi không mời được. Giờ đây ý những muốn quay xe đi tìm khách hướng khác. Bỗng anh ta ngoái cổ lại nói với tôi:

Anh có đi đâu tôi chở đi. Bây giờ khuya khoắt thế này, cửa tiệm chẳng ai có nữa đâu. Kiếm chổ ngủ thì phải đi lúc mới xuống tàu, ngồi đây có mà đợi...!

Miệng anh ta bàu nhàu gì đó, rồi ngoảnh lại nói tiếp:

Nếu anh muốn đi nghỉ, chưa có chổ thì tôi đưa anh về nhà tôi gần đằng sau này, mai sáng tôi thức dậy sớm mà ra đón xe, hay đi đâu thì đi. Bọn tôi sắp về nhà đây, sân ga đã vãn khách.

Nghe anh ta nói có vẻ chân tình, nhưng trong đó có ý ấn gì không, tôi cũng chưa nghĩ tới. Việc tôi ngồi môt chỗ đã lâu thì đúng là giờ đây sân ga đã thưa khách đi lại. Ngồi lại mãi chăng? không thể được. Tôi đứng lên, nhìn về phía anh ta gọi dật giọng:

Này, về đằng ấy có xa không? trả bao nhiêu tiền xe?.

Nghe tôi gọi anh ta quay đầu, kéo xe lại gần, nói rất chân tình:

Tôi bảo đảm với anh gần phía sau này, này...dối với các chú làm gì -lúc này anh ta chuyển giọng - biết là các chú ở xa bỡ ngỡ chưa quen, bọn tôi muốn giúp; trước là ơn, sau ích, còn tiền nong thì về nhà nghỉ sáng mai ta hãy bàn. Có đi thì lên ngay để tôi về cùng với anh em bây giờ, đây này!...

Thế là tôi phải theo anh ta, người và hành lý lên xe, trong người như mơ mơ, màng màng, đầu óc nặng trĩu, cặp mắt cố trương rán, mở bao nhiêu nó cũng đóng sập lại, cứ như luồng bão thổi vào chiếc rèm lá khi ta phải đẩy mạnh lên để người chui ra, ở thế giằng co nhau mãi.

Quả thật đừơng đi không xa, trong 5 phút, xe đã tới nhà tập trung của mấy người xe kéo. Khi khách đến nhà có 2-3 người ngồi bên chiếc đèn dầu hỏa còn đỏ.

Anh ta giới thiệu tôi với mấy người ngồi đó rồi chỉ chổ cho nghỉ, còn anh ta với bạn đồng nghiệp ngồi nói chuyện và thuốc nước...vv.

Tôi đặt rương và người xuống chiếc giường ọp ẹp, trên có trải chiếc chiếu đã sờn, lòng rộng lên, đôi mắt thì cứng đờ. Tôi không định nằm xuống mà dùng dầu "*Nhị thiên đường*" xoa qua và cho vào đôi mắt để chống lại mất ngủ. Nhưng than ôi, khi dầu vào đến

mắt thì như ai cầm dao mà nạo bên trong không tài nào chịu được. nước mắt giàn dụa hơn mưa dông, càng chảy càng rát mạnh. Họ thấy tôi ngồi trăn trở mãi, một anh trong khuyên tôi nên ngủ, chớp mắt chút sáng mai mà đi. Tôi lại càng vật lộn tợn hơn. Rồi không thể dấu nỗi khó chịu, tôi bèn thét lên:

Bác ơi! các bác ơi! các bác!...bác ơi cho tôi đọi nước lả-đọi nước lả, vì con gì...có con gì vào trong mắt tôi. Ôi ôi! khó chịu quá! nhặm quá!.

Tôi cố rán mắt nhìn lên vào bàn, chỉ tay vào đó bảo:

-Cái đó, cái đó tề tề ! cái đó tề!...

Bọn họ laị cười vang lên. Trong đó, có anh lớn tuổi hơn vừa giải thích vừa với tay với chiếc đọi còn úp giữa bàn:

Chui cha! cái tô bay ơi! Chú ta người ngoài xứ Nghệ Tĩnh đó.

Tô nước lã được bưng tới đặt cạnh giường. Tôi nằm khum áp từng con mắt ngâm vào nước cho đỡ rát. Lúc này thần ngủ bị một cơn

dông dẫn tới toáng đốm, đã bắt tôi không thể ở lại được nữa. Tôi ngồi dậy nói sang với người ngồi bên:

Các bác ạ! Tôi vào đây một mình, còn một người nhà cùng đi ở ngoài kia chưa biết đi đâu. Các bác cho tôi trả tiền để ra tìm anh tôi. Cho tôi ra thôi! Tôi phải ra ngay thôi!.

Bỗng người nằm bên cạnh nói vọng sang : "Tùy chú!. Chú muốn khỏe thì ngủ lại đây, chốc nữa hãy đi, hay chú đi ngay bây giờ thì trả tiền mà đi.

Anh ta còn dặn thêm:

Bây giờ bọn tôi ngủ, chú tìm lấy đường mà ra ga theo hướng tôi dẫn vào lúc nãi...

Tôi trở lại ga, tìm một chỗ trống trãi, đặt rương xuống, ngồi úp mặt xuống mặt rương, hai tay ôm đầu gối mà ngủ. Thế gian, trời đất không hay biết gì nữa.

Sáng hôm sau, khi trời đã sáng rõ, chẳng biết có một anh chàng nào đi ngang qua không biết vô tình hay hữu ý - vướng mạnh vào chiếc rương, làm tôi thức tỉnh dậy. Đôi mắt tôi mở ra cay hơn muối xát, lơ láo nhìn quanh, chưa biết mình đang ở nơi nào, xung quanh người đi lại đan dày sân ga, mới biết rằng đêm qua mình ngủ gật lại đây. Sờ tay lên đầu thì chiếc mũ trắng đã bay mất đâu rồi. Ngơ ngác nhìn quanh mới thấy nó văng xa cách nơi ngủ 7-8 mét. Tôi

bật đứng dậy như chiếc lò xo chạy lại nhặt chiếc mũ và tìm xếp hành lý, hỏi đường đi bến xe mua vé.

CHÂN TRỜI MỚI

Ở NƠI MA THIÊNG NƯỚC ĐỘC.

Từ buổi ngồi học ở ghế nhà trường, có học sinh nào mà chẳng ước, cứ khi ra đời mình sẽ đi được tới chân trời xa lạ!

Sự ước mơ đó tôi đã bắt gặp trong tâm hồn tuổi trẻ, nên hơn hai mươi năm sau, vào năm 1956, khi tôi đã thành một cán bộ công nhân viên chức nhà nước tại ty Tài chính Hà Tĩnh, các bạn trẻ thường "đứng núi này trông núi nọ". Trong thực tế thì chẳng thiết tha gì đến công việc hàng ngày. Tôi có làm một bài thơ với đề mục "Chân trời mới", dán báo tường để nói lên điều đó:

Bao la
Chân trời nở hoa
Nắng đẹp...
Chim hót ca
Có những người hôm qua
Ôm trái tim rực lửa

Tháng ngày đốt cháy vỡ mông "chờ mong"
Ước con chim
cất cánh cao
Bay tận chân trời
Nơi đây mai sau
...cuộc sống tuyệt vời.....
Ay là họ hằng tưởng tượng
Hôm nay trong cuộc sống
Thả hồn mơ du lịch tận chân trời
Có biết đâu trong cuộc đời
Chính chân trời ở bên nơi ta sống
Hồn bé nhỏ lâng lâng bay bổng
Ai tìm hoài chân lý bay xa
Chân trời rộng bao la
Chân trời ở bên nơi ta sống !

Bài thơ - Chân trời mới

Bởi vậy "Chân trời mới" ngày ấy đối với tôi không phải được ở nơi "nhà máy ngút trời cao" mà lại là nơi "ma thiêng nước độc".

Từ Ninh Hòa lên tỉnh lỵ Buôn Mê Thuột phải đi ô tô gần một ngày đường. Đoạn đường dài 160km, ở km 100 (từ dưới lên) là đồn Ma Rạc, còn lại 60 km đi lên, nối tiếp hai bên đường là đồn điền cao su, chè, cà phê của các chủ tư bản Pháp. Buôn Mê Thuột là một tỉnh ở vùng Tây Nguyên rộng lớn, đất đai phì nhiêu, chưa được khai phá hết. Tây Nguyên có nhiều dân tộc ít người. Họ có tiếng nói riêng và tập quán khác hẳn người Kinh. Họ làm nghề nông theo tập quán du canh du cư.

Thực dân Pháp buổi đầu lên khai phá nơi đây với mục đích kinh tế thuộc địa và về vấn đề chính trị. Bởi vậy sự mở mang của tỉnh này chưa có gì ngoài một số ngành như chế biến cao su (ở dạng thô chế), chế biến chè uống và chế biến chè cà-phê v.v... Cho nên hồi đó, mỗi lần thực dân tuyển mộ phu đi vào làm ở các sở đồn điền,

người ta hay nói tới "ma thiêng nước độc", là vì nơi đây biết bao nhiêu người dân lao động ốm đau, chết chóc không có ngày trở về. Nơi đây cũng là chốn giam cầm biết bao chiến sĩ cách mạng của ta, để rồi tra tấn, ốm đau hòng làm nhụt ý chí đấu tranh của nhân dân ta...

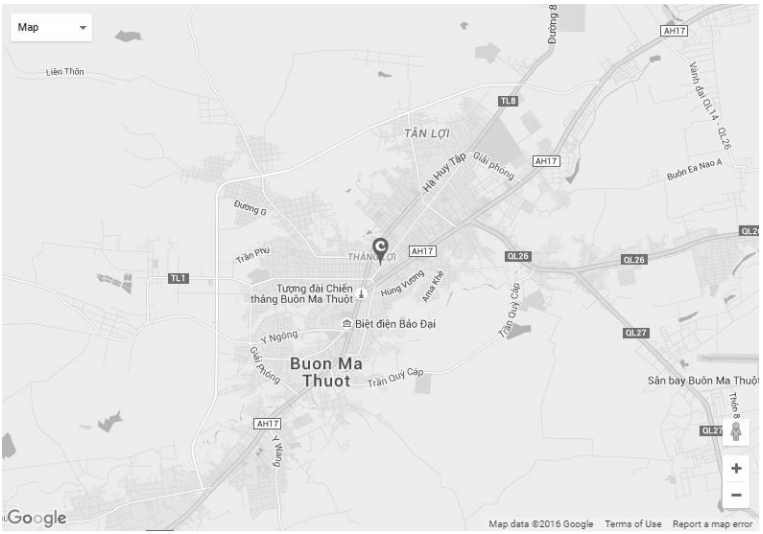

Chiếc ô tô khách bỗng rú ga theo, bóp còi inh ỏi. Trước mặt đã xuất hiện luồng ánh điện lấp loáng sau những cành cây cao su như dang dang tay vẫy cánh hai bên đường. Một ngôi nhà mái bằng cao 3 tầng, quét vôi màu hồng nhạt sừng sững nhích cao dần rồi chặn đứng chiếc xe dừng lại cách đó khoảng 50m.

-Đây rồi bến xe đậu !

Người ta bảo đây là chổ ga-ra-sát-ne (garage charner), hành khách trên xe chen nhau xuống.

Tôi ôm gọn chiếc rương, một tay cầm mũ, đôi mắt lơ láo nhìn quang cảnh bốn bề mọi vật đều xa lạ, mênh mông trước ánh điện và trời sao, ôi ! phải chăng nơi ma thiêng nước độc chan chứa bao điều bí ẩn của con người mà ta đã đặt bàn chân tới đây? Đầu óc tôi như còn miên man, đôi chân cùng bước tới theo sau đoàn đoàn hành khách cười cười nói nói, hối hả trở về chốn cũ.

Tôi hỏi tên đường và số nhà, lòng càng hồi hộp, cứ nghĩ chốc nữa sẽ gặp anh hay chị trước?

Đi trên vỉa hè đất đỏ lổm chổm, đôi mắt tôi chiếu thẳng tường góc nhà hết sức thận trọng và chăm chú. Một người dân tộc Ê-đê mang gùi đi qua phớt nhẹ ngang vai la ó lên, nhưng cả hai bên ngôn ngữ bất đồng, chỉ nhìn nhau rồi bỏ đi.

Chị ! tôi gọi.

Ai đó ? Ồ Sáu đó hà mi! em vào với ai? Đi một mình hả? Trời ơi! tao mấy lâu cứ chờ mi mãi...

Chị tôi đang đứng bán hàng tạp hóa dưới bóng đèn điện, mặt quay vào phía trong nhà. Khi nghe tôi gọi, vừa kịp nhận ra mặt đã hỏi lia lịa, rồi hai tay vội vã đỡ chiếc rương xuống.

Chơ đau ốm hay sao mà tóc tai bồm xồm như vậy? - chị hỏi tiếp. Thế cha mẹ và anh chị em bà con ở nhà khoẻ cả chứ ?

Dạ khoẻ cả.

Rương có gì không mà mang đi lếch thếch thế này?

Chẳng có gì cả.

Thế áo quần được mấy bộ.

Được vài bộ chẳng ra hồn.

Tôi trả lời cho qua chuyện. Và, chẳng hiểu sao, chị tôi lùi lại phía sau thở dài... rồi ôn tồn bảo:

Để chị vào thổi cơm ăn. Còn em và đồ đạc đưa lại phía kia, nằm nghỉ.

Chị tôi vừa nói xong, quay sang học bàn đếm lại số tiền, bảo tiếp:

Này em cầm lấy 16 đồng bạc này, ngày mai lúc nào đó, khi có người đông đủ đưa lại cho chị, nói là nhờ chị mua cho ba mét vải ca ky để may bộ đồ sọc. Chị bèn hạ thấp giọng như để phân trần "chẳng lẽ là em mới tới, chị lại cho tiền may quần áo..." chị vội quay vào nhà nhưng còn quay đầu lại, bảo tiếp:

Ngày mai em đi với chi mua vải và vào tiệm mà hớt tóc đi luôn. Tóc tai chi mà bờm xờm trông đổ sợ!.

Đúng là ba ngày sau tôi đã có một bộ đồ ka-ki Ăng-lê mặc diện với thiên hạ. Hàng ngày tôi ngôi bên chiếc bàn đặt cạnh khóe cửa nhìn ra, bên kia lối vào là một đống gạo chất đầy bì, to tướng, độ vài tấn, cao tới hạ nhà.

Người quen vào nhà, ai cũng hỏi:

"Em cô Táo mới vào đó à",

" Vâng, em tôi ngoài quê mới vào, trong người mới ốm dậy chưa lại sức".

Năm ấy cuối năm 1942 anh tôi đã thôi làm công lục lộ cho Pháp, trở về nhà gây dựng một mảnh vườn độ 5 sào cách nhà độ 1 km. Hồi ấy thị xã này còn nhỏ hẹp. Ra khỏi thị xã một vài km là rừng rậm, có suối chảy quanh năm. Đất đai phì nhiêu trồng cây nào thì tốt. Ý định của anh tôi là tự lực cánh sinh bằng con đường tự túc nông nghiệp, đồng thời có kinh doanh một vài cây trồng khác. Anh tôi quyết định bỏ hẳn con đường làm công tôi tớ và hèn mạt cho Pháp.

Hàng ngày, anh chị tôi ăn cơm nửa buổi. Sau bận ăn, anh tôi lại mang dao rựa cuốc xuống tới vườn cuốc đất trồng lúa, khoai và các loại rau sống hoa thơm v.v. gần chiều, chị tôi mang giống gánh tới vườn thu lượm rau và hoa thơm mang về bán ở chợ tỉnh. Còn ở nhà do tôi trông coi và bán các đồ tạp hóa linh tinh kể cả mắm muối, mỡ gạo...tiền bán được bao nhiêu, tôi bỏ cả vào hộp bàn, đến tối về, chị tôi kiểm kê bỏ rương hoặc đi mua hàng khác về bán.

Thị xã tuy nhỏ, khách mua bán hàng ngày phần đông dân tộc Ê - Đê. Họ có tập quán cưa răng căng tai, có tiếng nói riêng. Tôi tuy mới vào nhưng cũng bắt đầu tập nói tiếng dân tộc cho quen để giao dịch mua bán.

Đường trong thị xã chưa được mở mang, có vài ba đoạn đường ngang dọc, chưa rải sỏi hoặc láng nhựa.Đi đâu cũng đất đỏ lởm chởm, khi nắng thì bụi mù, mưa thì đất dẻo như kẹo, đi giày dép đất dính từng mảng. Một khúc đường từ phía Bắc vào hướng Nam của thị xã mang tên một thằng Pháp trước đây có công lên khai phá vùng này, được rải nhựa khoảng 1 km. Hai bên đường cây cối xanh tươi bốn mùa.

Tôi vào đây chưa đầy một năm, nước nôi chưa quen, khí hậu thay đổi nên trong người phát sinh bệnh lở ngứa, táo bón. Thời gian ở với anh chị chín tháng thì chị tôi cho về quê để điều trị và thay đổi khí hậu rồi hãy vào anh tìm công việc cho mà làm.

Tôi trở về quê vào khoảng tháng 9 năm 1942, mang theo trong người dấu vết ghẻ lở khó chịu. Riêng bệnh táo bón lúc xuống Ninh Hoà thì khỏi ngay, lúc này trong gia đình anh chị Năm vẫn còn ăn ở chung với cha mẹ. Chị thấy em về ghẻ lở đầy người rất thương. Chị là con ông chắt Minh ở làng hạ - Ông bà rất tốt bụng. Hồi tôi còn đi học hay qua lại nhà. Ông bà cứ gọi tôi một chú, hai chú, coi tôi rất quen thân. Ông bà cũng có một cậu con trai đi học cùng tôi môt lớp - cậu Miên. Tôi còn nhớ rất lâu và đượm tình thương yêu của chị, mặc dầu ngày nay chị không còn nữa, chị đã chết bệnh trong nạn đói 1945, sau lúc đi kiếm gạo ở Mỏ Trì (Lào). Chị sinh được một cháu còn non 5 tháng rồi sau này cũng đau yếu mỏi mòn rồi chết theo mẹ.

Ngày ấy, tôi về thuốc thang cũng chẳng được như bây giờ. Người đau ốm chỉ đi cầu cứu ở các vị đồng bóng trong vùng hoặc đi một số thầy lang để cứu chữa. Bệnh ghẻ lở của tôi đầy người, nhất là phía sau lưng cương đầy máu mủ hôi tanh, ngứa ngáy, khó chịu. Thế mà chị chẳng quản ngại hôi tanh, luôn luôn lo tắm giặt cho em sạch sẽ. Tôi còn nhớ nhiều lúc đau nằm chẳng được, chị còn gải ngứa chích mủ cho toàn thân. Thử hỏi có ai làm được việc đó? May ra có mẹ. Nhưng mẹ thì mắt đã kém, tuổi già, nếu như người chị dâu không có tình thương cao cả đối với em chồng thì khó mà thể hiện qua cử chỉ và hành động cao cả đó? Mặc dầu ngày nay thời gian đã trôi qua gần 40 năm ma tôi vẫn còn nhớ như in những hình ảnh năm xưa trong quảng đời quá khứ của chị. Những lúc đó, bao ký ức xa xưa lại trở về với tôi, với tất cả những gì trong đại gia đình ngày trước đã cùng nhau chung sống, đoàn tụ ấm êm, đầy tình đầy nghĩa yêu thương trọn vẹn.

Là một xã hội phong kiến, ai biết thân phận nấy, nhưng cái qui luật trật tự gia đình vẫn được giữ gìn trong sáng, trên dưới biết nhường nhịn nhau. Ngày nay chúng ta đang sống trong trào lưu mới, xã hội đổi thay, nhưng do giáo dục gia đình đã lãng quên mất nguồn gốc. Kinh tế khó khăn, phát sinh nhiều tính hư tật xấu, chị em lủng củng, nói xấu, xỉ vả lẫn nhau, thật là điều bất hạnh. Những điều lành, chuyện tốt ai cũng cho mình là phải, là hay, cái cơ bản là tình thương yêu đoàn tụ trong đại gia đình - chưa nói đến dòng họ- đã để rơi vãi đâu mất.

Trong đời sống một con người, cũng có người thuận bước đường đi lên sung sướng, nhưng cũng biết bao người trải qua chặng đường khó khăn, đói khát để rồi chỉ biết kêu ca, nhăn nhó, căm tức mọi người xung quanh mà không biết chủ động tìm đến nguồn vui hạnh phúc ?...

Trải qua hơn 35 năm, bước đi đây đó khi sống trong không khí đất nước hòa bình, nhưng cũng trải qua nhiều năm tháng dài trong chiến tranh mà tôi đã từng lăn lộn lên rừng xuống biển. Tôi đã đi gần như tất cả chiều dài đất nước - và đã từng đặt chân lên mảnh đất Cà Mau vào tháng 5 năm1978, đâu đâu cuộc sống và con người cũng thế cả.

Tôi đã từng chung sống với nhiều gia đình nông dân trong cuộc chiến tranh, được chứng kiến nhiều điều bổ ích: Họ sống trong tình thương yêu thuận hòa nhường nhịn, bàn bạc làm ăn nhiều hơn là moi móc cắn xé, cau có, xúc xiểm lẫn nhau, đến nỗi đến đổ vỡ hạnh phúc cuộc đời mà người đời coi là những đối tượng "tù binh" trong cuộc sống.

Ôi, phải chăng là cái "duộc" đàn bà, đã trở thành căn bệnh lây truyền mà người đời thường hay nhắc tới.

Trong dòng máu mỗi con người mang đầy cá tính "ngược đời", đã sản sinh một số ít con người thông qua giáo dục người mẹ và tính di truyền, muốn tách rời tình cảm yêu thương vốn có cùng chung

dòng máu mủ. Điều ấy đối với con cháu, cần phải hết sức cảnh giác và đề phòng, đừng để cho hạt hồng cầu rơi ra ngoài vòng quĩ đạo của giống nòi, đã thấm máu cha ông truyền lại; có chăng, chỉ là sự quái dị điên rồ của kẻ giống người đứng ngoài vị trí...

Tình cảm của người chị dâu đối với chú em lúc bấy giờ là như vậy đấy.

Thế rồi sang đầu năm 1943, tôi tiếp tục trở vào chỗ anh chị lúc trước. Tôi vào đây được mấy ngày, anh tôi không để trông coi nhà cửa hay làm vườn như trước nữa.

Anh tôi bảo :

- Cậu chuẩn bị sáng mai đi với anh, vào ông chủ người Pháp để xin việc.

Gặp ông chủ người -Pháp, tôi nghĩ- Có gì bỡ ngỡ và khó khăn cho ta ư? Nỗi lo nơm nớp bắt đầu lan nhanh xâm chiếm lấy trái tim và rộn lên trong đầu óc của chàng thanh niên vừa lớn lên ở nơi đồng quê ngơ ngác tới đây, chưa gặp nói chuyện với một người Âu bao giờ.

Anh tôi đi trước, tôi theo sau; hai anh em đi bộ hơi nhanh băng theo mảnh đất hoang dọc theo đoạn đường rải nhựa trước nhà "Xec" (Ceroke- câu lạc bộ) người Pháp, rồi đi qua dinh cơ tên quan

đạo, nhà công sứ Pháp, hướng vào phía nam giáp với vườn cà phê của chủ đồn điền Mô-Ri người Pháp.

Anh tôi vừa đi vừa giải thích thêm:

Thằng này có hai đồn điền (Plantation) một cái ở đây, một cái ở cách xa 24 km gọi là Buôn Tua, chủ là một người Pháp vợ Việt nam, người ta gọi me-tây, hắn có một con trai chẳng biết có phải nòi giống của nó không, anh tôi cười mỉm, và một tay xỏ vào túi quần sooc đen, một tay chỉ về phía trước mặt:

- Đấy là nhà ở của nó, phía trên tầng sàn gỗ, lợp tranh, còn phía tay trái dưới kia là dãy nhà sàn của người Việt và Ê - Đê tới đây làm cu-li ở đó với dãy chuồng bò và chuồng dê hàng trăm con.

Còn bên này, anh tôi khuơ tay bên trái là cái khách sạn bằng gỗ của người Pháp nằm cạnh mé đường, phía sau là vườn cà- phê nấp bóng dưới dãy cây keo phủ kín lá.

Trong phút chốc, hai anh em đã tới trước cửa nhà của tên người chủ đó, ở đây nhìn rõ quang cảnh hơn.

Trong một khoảng rừng rộng và cây trồng, nổi lên một ngôi nhà sàn lợp tranh làm theo kiểu nhà 2 tầng vừa dài, vừa rộng phía sau có đài chứa nước. Cứ mỗi ngày một người dân tộc Ê-Đê bám sát nơi đây, hai tay lắc chao chiếc bơm ra-pi liên tục cho nước lên đài trên 10m. Nối tiếp với nhà trên là dãy nhà bếp phục vụ, cũng 2 tầng đấu theo hình chữ T với nhà chính. Ngoài ra bên phải là dãy nhà lợp tôn 5 gian bốc đầy khói và rộn tiếng máy quay xình xịch,

xè xè sau này tôi mới hiểu đó là nhà máy chế biến cà - phê. Vào đây mọi cái tai nghe mắt thấy đều lạ. Người ta đi lại trong khu vực rất ít. khi đã đến giờ sản xuất thì ai ở đâu, bám sát lấy đó căng gân ra làm cho thật nhiều sản phẩm. Thỉnh thoảng có một vài người qua lại coi ngó rồi lại đi.

Tôi đang bàng hoàng trước cảnh vật mới la, anh tôi bảo tiếp:

Ta lại đây- không biết hôm nay ông chủ có nhà không? anh tôi nói nhỏ trong miệng, nhằm hướng cầu thang bước tới.

Một người Việt nam thân hình mảnh khảnh, trạc tuổi 40, có đôi mắt sâu hoắm, nhoẻn miệng cười khẽ để lộ chiếc răng mạ vàng ở hàm trên phía bên phải, hất hàm hỏi :

- Các vu (vous tiếng Pháp là các anh) đi hỏi ai đó ?

- Muốn gặp ông chủ có tý việc - anh tôi đáp

Vậy tôi sẽ lên tin. Ra sao, sẽ trả lời sau.

Đoán chừng anh ta lúc đầu, tôi cũng nhận định đây là người cai trông coi tất cả vùng này. Thân hình anh ta đã cao mà lại gầy, bụng nép sát vào sườn sau, toàn thân dấu kín trong bộ đồ âu quần dài sát gót. Anh ta có giọng nói người miền Trung, sau này mới biết ở xứ Huế.

Bỗng trên sàn nhà vang lên tiếng động từ góc trong phòng bên bay ra như tiếng nhạc ngựa gõ đều đều : Lóc cóc - lóc cóc mỗi lúc một to dần. Đó là dấu hiệu của đôi dày đinh gõ nhịp đi ra phía cầu thang. Tôi ngước mắt nhìn lên, bắt gặp một con người khác thường. Ông chủ có tầm vóc cao to hơn những người Việt Nam mà tôi đã thấy. Đầu tóc trắng phơ của lão chông đứng hẳn lên. Đôi mắt của lão nhìn thăng xuống phía chúng tôi:

Anh tôi nhanh nhẩu cất tiếng chào :

- Bong - rua - mơ -si - ơ : (Xin chào ông)

Tôi cũng đồng thời làm theo động tác trên cùng với anh tôi. Lão ngúc đầu đáp lại.

- Uấy : (oui - vâng)

Anh tôi bắt đầu giới thiệu với lão về lai lịch của tôi - Người mà anh tôi đã từng liên hệ xin việc với lão trước đây.

Bỗng lão nghiêng đầu bên trái, hỏi tôi một câu ngắn gọn:

- Save - vous taperla machine à écrire? (anh đã biết đánh máy chữ chưa?)

- Thưa ông, chưa - tôi đáp

Lão ta nghiêng đầu, nhìn đôi mày, nhếch đôi mắt nhìn lên phía trên sườn nhà, trả lời trong tiếng thất vọng :

- Thôi được, chưa cần.

Thế rồi lão bước xuống cầu thang, đi thẳng một mặt xuống nhà máy.

Theo lão nói với anh tôi thì ngày mai tôi phải có mặt lúc 7 giờ sáng để làm việc.

Nhận công việc ở một đồn điền cà phê có gì khó khăn phức tạp ? Câu hỏi đó như đã thôi thúc nhiều đêm thao thức nằm khó ngủ. Nếu là công việc cày cuốc - tuy tôi chưa bắt tay thực tế vào làm nhưng ít ra cũng hình dung được công việc nhà nông theo thời vụ cày cấy và gặt hái như thế nào. Ở đây, đi làm công cho Pháp mà lúc này người ta gọi là thầy "thông" - thư ký bây giờ - thì lại chưa biết múi xơ ra sao cả. Thêm vào đó, vốn liếng học hành chưa thông thạo, khi tiếp xúc với lão không tránh khỏi khó khăn và bở ngỡ, liệu rồi lão có chê mình ngu ngốc không?

Nhớ lời anh tôi dặn mấy hôm trước: "giao dịch với nó không phải nói y như trong sách vở, thật đúng ngữ pháp mà làm gì. Ta có thể nói tắt và cho gọn làm thế nào nó hiểu là được, có khi người ta dùng cả cử chỉ và tiếng bồi nữa là khác.

Dầu sao, trong óc tôi lúc đó chưa thoát nhẹ nỗi lo âu.

Sáng hôm sau, vào một ngày đầu tháng 3 năm 1943, tôi thực sự vào làm công ở sở đồn điền người Pháp.

Trời vừa hửng sáng, chị tôi thức dậy sớm hơn mọi khi để kịp nấu cơm sáng cho tôi ăn. Còn anh chị và một con nhỏ chừng 11 - 12 tuổi, người ở Hương Phố (Hương Sơn) vào ở giúp việc thì ăn muộn hơn (cả nhà thường ăn 9 giờ sáng để đi làm vườn).

Tôi ăn bận hơi tươm tất, đầu tóc cắt ngắn gọn gàng. Với bộ đồ tây bằng vải lụa đồng phục mà anh tôi cho dạo nọ. Bây giờ mới đem ra mặc diện có vẻ đạo mạo. Nhìn bên ngoài đã thoát thai cái dáng dấp quê mùa mới ngày nào còn rụt rè, bẻn lẻn như cô gái chưa chồng.

Tôi vào trình diện ông chủ, lão nhìn tôi từ đầu đến chân có vẻ thăm dò thái độ của một con người thực sự xa lạvừa mới tới đây có gì khó hiểu - Hay nói đúng hơn, còn phải qua thử thách ban đầu để rồi mới có thể đặt lòng tin và giao công việc.

Lúc bấy giờ vào khoảng từ năm 1940 về sau, làn sóng cuộc cách mạng Nam kỳ khởi nghĩa và ở ngoài Việt Bắc thì mặt trận Việt

Minh đã hình thành còn ngân vang cả nước. Vì vậy trong đầu óc bọn thực dân thuộc địa, thằng nào chẳng từng qua một phần lo sợ khủng khiếp cách mạng, dấy lên bùng cháy lan tràn. Mặt khác các vụ việc bắt bớ các chính trị phạm khác được tha về các năm trước, nay đang truy lùng đưa vào nhà giam lại. Bọn chúng tôi tuy còn trẻ, nhưng lại là những con người từ mảnh đất Nghệ Tĩnh vào đây - Quê hương Xô Viết nên chúng tôi tất sợ cảnh "nuôi ong tay áo".

Đó là điều tất yếu.

Bỗng lão hất hàm, mắt nhìn ra phía nhà máy, gọi to:

- Et Hàm, venoz-ici ! (ê Hàm, lại đây)

Hàm là một tên quản gia, nghe chủ gọi, đã nhanh nhẩu ba chân bốn cẳng lao thẳn tới cầu thang, miệng lên tiếng đứt quảng:

- Oui, patron ! (Thưa ông chủ vâng ạ)

Đợi khi tên quản gia bước lại trước mặt tôi, lão nói:

- Hôm nay có một "thư ký" mới, mày đưa nó xuống dưới kia - một tay chỉ về nhà máy - tiếp tục giao công việc.

Nói xong lão quay gót bước vào phòng làm việc.

Tôi tự dưng bị hửng chân như còn đứng trên một chổ nào không vững.

Tên Hàm cầm tay tôi kéo đi về phía nhà máy. Sáng hôm ấy tôi bước chân vào sở làm việc trong tư thế một người "thư ký" của nhà máy. Một số lao công chừng 6 -7 người hoàn toàn nữ, trong đó một bà già. Số còn lại đã có chồng hoặc còn trẻ.

Một cô đứng tuổi, ngồi gần cửa ra vào, đưa mắt nhìn trộm tôi rồi buông lời bông đùa với cô em bên cạnh:

- Hôm nay có "khách" tới thăm đó kìa !

Cô em thúc bên hông người chị khá mạnh, làm tung tóe mớ cà phê còn để trên ô học bàn chưa kịp tuyển chọn vào mẻ sản phẩm...

Thế là có dịp cả nhóm người ngồi đây rộn lên tiếng cười khúc khích.

Hồi ấy đương độ tuổi thanh niên, lại vừa ở thôn quê vào, từ bước đi đến nụ cười, tiếng nói mọi cử chỉ tôi còn rụt rè, e lệ - Nhất là đối với món "con gái - đàn bà" thì lại càng thẹn thò vô kể. Hễ gặp con gái có bao giờ tôi chào hỏi hoặc lân la nói chuyện được nửa lời. Tôi như một anh chàng thanh niên nhà "sư" thật sự. Huống hồ khi nghe nhạo cười, người tôi cứ nóng bừng lên rồi đỏ mặt tía tai.

Tuy tiếng nói bông đùa làm rộn tiếng cười khoái chí, nhưng tôi chủ động tranh thủ bằng tiếng chào mọi người, ai cũng đáp lại:

- Vâng, xin chào thầy ạ !

Tên Hàm dẫn tôi đi lại phía cuối nhà máy, ở đây đã sắp sẵn nhiều bao bì đóng gói, có thứ đã cân đong vào bao tải, có thứ còn bỏ ngỏ.

Hàm nói với tôi:

- Vu (Vous - tiếng Pháp là anh) cùng moa (moa là tôi) lấy kim và dây, chúng ta đóng bao để có xe, chuyển vao Sài Gòn theo công -tơ - ra (hợp đồng) với khách hàng...

Suốt buổi sáng hôm đó tôi với Hàm cùng nhau hì hục may bao đóng gói, Hàm hỏi thăm quê quán, cha mẹ, anh chị em, nghề nghiệp làm ăn, quá trình học hành của tôi, và luôn miệng, hắn hỏi luôn:

- Hình như ngoài anh Cộng sản nhiều lắm. Tôi nghe nói họ cứng đầu cứng cổ và tàn ác lắm phải không?

Bị đột kích câu hỏi bất ngờ, tôi hơi choáng váng, thế nhưng tôi cũng nhanh trí kịp thời, lựa lời nói theo cách suy nghĩ và hiểu biết của mình:

- Tôi cũng vừa lớn lên đi học cũng chưa nghe và biết đến Cộng Sản là gì? ai đi làm Cộng sản cũng chẳng thấy. Chuyện đó anh cùng tôi cũng chỉ nghe và chưa thấy. Thôi, thì ta cũng chẳng cần biết đến nữa làm chi.

Tên Hàm nhe răng cười khanh khách, làm mấy cô công nhân ngồi gần đó lầm tưởng Hàm nói đùa tôi với cô em hồi nãy.

Làm xong công việc tôi mới bắt đầu đi xem đây đó, vừa để nghe Hàm giới thiệu tỉ mỉ thêm.

Thực ra đây là một nhà máy chế biến cà phê cỡ nhỏ về quy mô xây dựng cũng như công suất vài tấn/ ngày, máy móc gồm một hệ thống xát vỏ và sàng lọc trong vài gian nhà nhỏ gọn. Trên từng cao, một lò sấy để giải quyết khi mùa mưa có thu hái cà phê tươi về không kịp phơi. Nguồn điện dựa vào mạng lưới thuỷ điện của thị xã.

Công nhân trong này có hai loại: Loại lấy theo chế độ đi phu, trả tiền công nhật, đa số người dân tộc Ê Đê lên đây làm một vài tháng rồi đổi lớp khác tới thay, loại làm công nhật trong nhà máy v.v... còn lại 5-7 người ăn theo chế độ lương tháng...

Vì vậy, bên ngoài nhìn vào rất gọn nhẹ ít người.

Tôi vào làm đây trong những ngày đầu chưa động đến giấy tờ. Mọi việc làm đều do tên Hàm sắp xếp và điều khiển. Nào nó bảo tôi chấm công, đi lại đây đó xem xét các chỗ có người làm, thỉnh thoảng lúc rảnh rỗi, tôi lại đi ra vườn cà phê phía sau để chuyện trò, la cà với mấy người cu li làm cỏ hoặc hái cà phê...Cứ như vậy hết ngày này qua ngày khác, công việc không có gì đổi thay.

Thế rồi, dần dà ít lâu sau, ông chủ gọi tôi đến buồng giao thêm công việc:

-Mày hãy ghi chép sổ nhật ký thu chi hàng ngày theo mẫu in sẵn đây.Lão hướng dẫn tỉ mỉ và bảo tôi thêm :

- Hàng ngày mày phải lên đây làm việc, khi rảnh rỗi mới xuống đi ra ngoài.

-Tôi nhìn lên trên chiếc bàn bên cạnh, chiếc máy chữ cũ kỹ từ đâu đã đặt sẵn nơi đây lạnh lùng nằm đợi.

Tôi nhìn qua một lượt, bỗng trong đầu óc lóe lên một ý nghĩ khá độc đáo:"Ta sẽ học đánh máy cho được ". Học bằng cách nào? và cách tốt nhất là vẽ cóp nguyên xi hình mẫu trên máy rồi mới đi vào đánh thử,về nhà tập gõ cho quen. Cứ chịu khó tập đi tập lại cho quen các vị trí chữ bố trí trên máy, rồi lúc đó mới trực tiếp đánh trên máy thì mới nhanh hơn.

Quả thật tôi làm đúng như cách nghĩ trên. Lúc về nhà anh tôi nghe mổ lốp bốp trên bàn, ngồi trong nhà hỏi vọng ra:

- Cậu làm gì mà gõ mãi trên bàn vậy ?

- Em tập đánh máy ! tôi đáp.

- Anh tôi hãy còn chưa tin, hỏi vặn lại :

- Máy nào ? mượn của ai ?

Tôi đành không nhịn được cười mà phải nói thật ý nghĩ đó với anh.

Anh tôi bảo :

Cậu làm như vây cũng là sáng kiến và tốt hơn hết hỏi thêm kinh nghiệm ở những người đã đánh máy thông thạo.

Sau một thời gian không lâu, tôi đã biết đánh máy chữ theo cách tự học như trên. Học đánh máy lúc bấy giờ nếu không theo phương pháp đó thì sẽ có nhiều khó khăn. Một là thời buổi mới vào làm công nhân thì giờ đâu mà ngồi mò mẫm, gõ lóc cóc ngày này qua ngày khác. có khi không may làm hỏng máy thì lão chủ sẽ cúp lương hoặc đuổi ra khỏi sở, hai là tính sỹ diện đối với người ngoài, nhất là lão chủ đánh giá mình chẳng ra sao cả.

Một hôm, lão đưa tôi một lá thư giao dịch với một hãng buôn bán người tàu ở Sài Gòn. lão bảo tôi :

Mày dịch ngay lá thư này ra tiếng Việt để gửi ngay cho kịp ngày hôm nay.

Tôi nhận làm việc đó trong mối lo thầm kín.lo nhất là sợ không hiểu hết từ ngữ thương mại để dịch cho thoát.

Tôi đọc đi đọc lại hai lượt thì thấy lời của lão viết dễ hiểu, không có gì cầu kỳ. Trong đó tôi vấp ngay một chữ khó diễn đạt quá.Chữ"rác-gơ-lê"theo tôi hiểu lúc đó là"tính", chẳng lẽ ta lại dịch là tôi sẽ "tính, toán" với ông thì nghe ra cụt, ra sao ấy. Tôi nghĩ mãi chẳng tìm được chữ gì (như bây giờ thì hiểu ngay là"sẽ quy định thanh toán giá..." thì chẳng phải nói). Cho nên tôi đành phải đề chữ "rec gờ lê" trong ngoặc kép trong một bản dịch. Tôi hơi thẹn khi đưa bản dịch cho lão xem, thấy lão không có ý kiến gì. Tôi hơi yên chí và đi tìm giấy đánh máy gởi ngay chiều hôm đó.

Cầm trong tay lá thư giao dịch còn tươi màu mực in thơm phức, lão mở xem qua rồi vui vẻ hỏi tôi:

- Ờ mày đánh máy được rồi sao?

- Vâng - Tôi đáp

Lão không dấu vẻ hài lòng, miệng lẩm bẩm:

- Tốt, tốt quá !

Người ta thường nói "quen việc nhà mạ, lạ việc nhà chồng" câu chuyện đi làm công của tôi buổi đầu đi làm là như vậy.

Nhưng rồi ngày tháng trôi qua đã giúp tôi làm quen với công việc gắn liền với ngoại cảnh xung quanh: Bác Kiều lái xe, là bố vợ của Hàm cùng cả gia đình vợ và hai con trai cũng là thợ máy và lái xe

trong sở. Con trai Bác Kiều tên là Lô lấy cô Mùi em vợ của lão chủ - Con Thơm, me tây - có bà con thân thuộc với tên Hàm, gọi Hàm bằng chú. Nhờ sự chằng chịt mà cả gia tài của Mô - ri (Marry) đều phó thác cho tay quản gia Hàm quản lý, điều hành bên trong cũng như bên ngoài sở. Lòng tín nhiệm của lão chủ đối với Hàm không chút mảy may sứt mẻ. Tôi đi làm công cũng chỉ là người giúp việc cho tên Hàm mà thôi.

Tất nhiên vợ lão chủ là cháu của Hàm, mụ ta còn trẻ... Một thằng con lai ra đời đã 3 tuổi, còn đối với lão chủ phỏng gần 70 tuổi, nét mặt lão già hẳn. Nghe đâu ngày lão sang vơ vét gầy dựng cơ đồ ở đây thì ở bên Pháp lão cũng có một cơ nghiệp ở bên đó. Chủ bà là người Pháp đã già không sang được. Còn con cái của lão làm gì, mấy đứa chẳng ai biết được.

Câu tục ngữ Việt Nam "chồng gia vợ trẻ là tiên" đối với lão chủ chắc cũng cảm thấy vậy. So với tuổi tác của lão với người vợ hai thì cũng như cha với con. Ấy thế mà người đàn bà Việt Nam vì tiền nên chẳng quản sự cách biệt đó. Cho nên chủ bà hãy còn duyên dáng, đỏng đảnh thèm khát đối với đời.

Lúc này tôi làm việc đã quen. Lão giao thêm cho tôi nhiệm vụ theo dõi xuất nhập cà phê, gạo, kho phụ tùng máy móc v.v... Ngày thường, khi chủ ông lên xe cam-nhông vào sở 2 (ở Buôn Tua) lúc 8 giờ sáng thì bà chủ mới dậy ăn sáng, tô son má phấn đi lại vài nơi

trong nhà, xuống chỗ tôi xuất kho ngồi may vá thêu thùa gì đó, la cà nói chuyện bâng quơ, hỏi han quê quán... có lần, tôi còn ngồi nói chuyện với tay cu-li người dân tộc ở đài bơm nước, bỗng nhiên ả ta chạy trên nhà xuống ôm lấy cổ, bá vai bông đùa quá trớn:

- Thầy thông trẻ đẹp quá! giá mà thầy tới đây sớm hơn thì tôi gả con Mùi cho thầy rồi!

-Ôi ! Ông chủ mà thấy thi bỏ mẹ, tôi chỉ kịp kêu lên phản ứng đó.

Ả ta buông ra, nói lại hơi ngượng.

- Gớm, thầy thông ra có vẻ...!

Tôi vốn có tính đứng đắn từ lúc nhỏ, nên khi gặp phải sự bông đùa, cười cợt không đúng lúc thì rất ghét.

Bác Kiều tuổi cũng đã trên 50 thường khi rãnh rỗi, hay ngồi nói chuyện nhảm với tôi:

- Giá tôi mà được như thầy thì "đám ấy" đừng có hòng bắt nạt được. Ôi! thầy ôi là thầy...

Anh Lô, con trai của bác bảy Mùi, cũng xen vào thú vị :

- Chui cha: "của đến tay thì nắm ngay lấy". Ngon đấy thầy ạ!

Cả ba người cùng cười, theo lệ thường bác lại châm lửa, rút trong túi bao "Cô-táp" mời tôi hút thuốc.

Tôi nói lại với bác trong khói thuốc bâng quơ :

- Bác ơi, bọn cháu còn trẻ, nào biết chi đời, chỉ mong sao có ăn, mặc đẹp là thích rồi.

Một tay bác cầm chiếc búa gõ nhẹ xuống đe, mắt nhìn vào tôi, ngúc đầu nói lại khe khẽ :

- Ờ... ờ... cháu nói thế phải đấy. Trẻ quá, tương lai lại nhiều.

Ngày tháng lại trôi qua...

Một ngày vào cuối năm 1943, lão chủ gọi tôi lại nói :

- Mày làm với tao gần 1 năm rồi. Nay có ông Ri-các-đô-mi ở km17 đang cần một người giúp việc. Ông ấy xin tao cho mày xuống làm nơi đó. Mày nghĩ sao ?

- Nếu ông thỏa thuận - Tôi đáp.

Tôi bèn hỏi lại mức lương có gì thay đổi.

- Tất nhiên là khác với đây - Lão đáp.

Trước khi lão bước chân lên nhà còn ngoái cổ dặn thêm :

- Về đó làm ít lâu, nếu không thích thì trở lại đây tao sẽ thu nhận như trước.

Tôi về tin lại cho anh chị biết sự đổi thay chủ là như vậy, anh tôi chậm rãi nói lại :

- Thì cậu cứ đi, biết đâu nó thử mình, còn ta thì ở đâu có tiền - nhiều tiền là làm.

Ít hôm sau, tôi đón xe đi xuống sở đồn điền ở xa Km17. Về đây số người làm công trong sở nhiều hơn chỗ cũ. Sở có 1 tổ thư ký bàn giấy, 4-5 người ghi chép và hoạt động theo chế độ kinh doanh hạch toán như bây giờ.

Tên người chủ là Ri-các-đô-mi. Vợ nó ở đâu bên Tây, người thư ký lão luyện gọi là Châu. Anh này cả vợ người cùng ở Huế. Anh ta viết và nói khá thạo tiếng Pháp đã từng biết nhiều bài diễn văn (đít cua) để ca ngợi ông chủ, nói lên lòng trung thành của mình khi được giao nhiệm vụ.v.v...

Tôi về nhận công việc ở đây dưới sự điều hành của Châu, chuyên làm công việc ghi chép nhật ký thu chi, như trả tiền công, giao dịch mua bán.v.v... cùng với tôi, Trí con. Anh ta quê ở Quảng Nam, còn trẻ như tôi, khoảng 17 tuổi. Cả hai đứa có gia đình thân thuộc ở thị xã Buôn Mê Thuột.

Tuổi trẻ đi xa thường hay nhớ nhà. Cứ mỗi tháng vài chủ nhật, chiều thứ bảy chúng tôi lại xin phép Châu trở về nhà một hôm.

Hồi ấy chúng tôi ăn cơm tại nhà vợ Châu, ăn uống cũng không đến nỗi tệ hại và thiếu thốn lắm. Việc đi về chỉ là vì nhớ nhà, chứ không phải mò về để kiếm ăn, cải thiện chút ít.

Tất nhiên là đến ngày chủ nhật, chị tôi bao giờ cũng trông mong tôi, và đi mua sắm ăn uống hơn ngày thường. Đi mua thịt ở lò mổ Pa-đô-va-ni, loại thịt phơ-phi-lê(loại thịt dưới sườn). Cá thì mua loại ép nước đá từ Nha Trang chở lên. Bữa cơm nào cũng ăn thừa thãi.

Hai đứa ăn chơi được nửa ngày chủ nhật. Chiều độ 1-2 giơ, hai đứa lại kêu nhau - la tha, lếch thếch cuốc bộ xuống sở.

Cũng phải thừa nhận khi cách mạng thành công và cả đến quãng đời làm cán bộ sau này có kiến thức nghiệp vụ ít nhiều, chính là sự hiểu biết từ lúc còn trẻ học hỏi được ở thời kỳ đó nâng dần lên.

Tôi làm ở đây không thích bằng ở sở cũ. Một là vì xa nhà, hai là nơi đây cây trồng loại khác dùng trong công nghiệp, thời gian thu hoạch còn dài năm tháng, ít vui.

Có hôm gặp được một kỹ sư người Việt Nam, quê ở Hương Sơn- tên ông Tư. Biết tôi người đồng hương, ngủ chung phòng mấy đêm, nói chuyện đủ thứ. Ông kỹ sư trẻ thổ lộ sự đối xử của Pháp

đến từng lớp người Việt Nam, sự tự chủ độc lập về chính trị và kinh tế lệ thuộc nước Pháp ràng buộc bao ước mơ.v.v...

Tôi tuy trẻ, nhưng cũng có người khơi thông manh múi, ít nhiều thức tỉnh được đầu óc mê muội của mình. Tôi lại nhớ đến lúc dạy học ở Vạn Tân (Đức Giang) đã từng được xem bài "Pháp Việt đề huề" của cụ Phan Bội Châu - về quan điểm chính trị thì không đúng, nhưng ít nhiều đã xao động được trong tâm hồn người dân mất nước, một dân tộc mà "thịt một miếng trăm dao xâu xé".

Tôi về làm đấy được chừng 4-5 tháng, một hôm trở về nhà, nhân lúc ăn cơm, ướm thử hỏi anh chị :

- Có lẽ em sẽ thôi làm dưới đấy, vì xa nhà quá mà lại cảm thấy không thích thú bằng sở cũ. Anh tôi ngẫm nghĩ một lúc, nuốt dở miếng cơm, hạ thấp giọng :

- Nếu chủ cũ đã dặn rồi thì chiều nay khoan đi, đợi sáng thứ hai, em vào gặp lão trao đổi xem sao; và nếu trắc trở thì về đây anh em ta đi làm vườn.

Sáng hôm sau tôi vào sở cũ như thường lệ. Tôi phải tranh thủ đi đúng giờ, đề phòng lão đi vào sở 2 không gặp.

Đợi ở cầu thang một chốc, thấy lão trên nhà bước xuống, tôi lột mũ chào, lão hất hàm hỏi :

Tôi nói hơi lúng túng :

- Thưa ông chủ, tôi ở km 17 về hôm qua. Hôm nay tôi tới xin trình bày với ông tý việc.

- Việc gì ? Lão hỏi.

- Tôi làm dưới ấy được 4-5 tháng cảm thấy xa gia đình, muốn xin về làm lại đây. Mong ông vui lòng. Sự diễn đạt có khi ít trôi chảy, mặc dầu tôi đã nghĩ từ trước. Có khi lão dơ dơ cả 5 ngón tay lên thẳng sau lỗ tai để nghe rõ hơn.

Thấy mắt lão nguýt ngang nhìn chếch lên trần nhà - thói quen của lão - đôi môi chúm lại. Phút chốc suy nghĩ, lão cúi xuống nhìn thẳng vào tôi diễn giải.

- Về hay ở tùy mày. Ông Ri-các-đô-ni là bạn của tao, cư xử không tốt, ông ta tưởng lầm tao gọi mày về lại càng thêm rắc rối.

Lão trầm ngâm thêm và nhắc lại :

- Rõ chưa ?

- Vâng rõ ạ. Tôi đáp.

Bỗng lão quay đầu lại phía sau lưng nhìn qua, rồi hạ thấp giọng nói với tôi :

- Mày về cũng được, nhưng phải nói với ông ấy là xa nhà muốn về gần. Hãy khoan nói về sở với tao. Sau này tao dễ nói hơn.

Tôi về nói lại với anh, anh tôi cười, bảo :

- Chuyện Tây với Tây cũng phiền phức quá nhỉ ?

Hôm sau tôi lại xuống sở. Trì con đã đi từ hôm trước, tôi nói nguyện vọng đó với Trì. Cu cậu cũng xuýt xoa muốn về gần trên đó nhưng không biết nhờ cậy vào ai.

Tôi đưa chuyện này muốn nhờ Châu tâu trình với chủ. Lúc đầu lão khăng khăng từ chối. Nhưng vài ngày sau - qua Châu tác động và cân nhắc - lão Ri-các-đô-ni đồng chí cho tôi thôi việc vào cuối tháng.

Một bước lùi coi như thắng lợi của đời làm thuê đã trút được gánh nặng tương tư trong đầu óc của tôi.

Thực ra, tôi thôi được việc ở đây là phải nhờ Châu. Anh ta là tay chân người tín cẩn củ chủ, nhưng dễ có lòng thương yêu với anh

em bạn hữu cùng sở với nhau. Anh đã từng dìu dắt tôi trong công tác chuyên môn, coi bọn tôi như người em thực sự. Châu rất nghiện thuốc lá. Ở gần nhau, có lúc tôi quen hút thuốc đã cảm thấy thích thú, gần đi đến nghiện. Thuốc anh mua hút đã đành, nhưng thuốc anh còn đưa ra ép đại bọn tôi hút cho vui miệng. Cũng may thời gian ở với Châu không lâu, nên về sau tôi đã bứt hẳn được sợi dây tơ vương đó.

Đầu tháng sau, vào khoảng tháng 5/1944, tôi trở lại sở cũ làm việc.

Trở lại lần này mọi việc không còn xa lạ nữa, những người quen biết xưa kia nay gặp lại, tay bắt, mặt mừng, cười cười, nói nói. Vào lại nhà máy vẫn nghe tiếng máy quen thuộc chuyển động rền vang.

Trong thời gian này công việc đã ổn định trở lại. Nhưng rồi mọi sự bên ngoài xã hội không còn là chuỗi ngày dài phẳng lặng êm trôi. Chuyện lính Nhật ở Nha Trang có đâu chục thằng lên đuổi Tây chiếm 1 ngôi nhà ở làm gì đó chẳng hiểu; Chuyện tên đồn cảnh sát của tỉnh trong lúc hoan hỉ chè chén ở tiệm ăn, đã bị lính Nhật đuổi đánh cho thất điên bát đảo, y phải chạy trốn vào nhà tiêu đồng bào...

Rồi nào báo chí đưa tin bọn lính Nhật tràn vào ngày càng nhiều ở ngoài Bắc, trong Nam, chuyện loạn Cộng sản - Việt Minh đang dấy lên ở Việt Bắc.v.v... Từ đó ít ai tránh khỏi sự chấn động bên trong tâm hồn, đầu óc không sao có thể bàng quang trước thời cuộc...

Đối với tôi lúc ấy tuy chưa được giác ngộ hiểu biết gì đến ngoại cảnh, nhưng ít nhiều cũng là người sinh ra trên mảnh đất quê hương, đã từng nghe cha ông kể lại nhiều chuyện năm 1930 - 1931. Cũng trong thời gian này, nhiều cuộc đấu tranh nhà lao reo hò vang dội ra ngoài. Nhà anh tôi ở sát lề đường, thỉnh thoảng mỗi tháng có 5-7 lần tù chính trị phạm đi làm "cooc-vê" - như đi làm vệ sinh thành phố - qua lại trước nhà. Khi họ nghe nói tiếng quen quen người Nghệ Tĩnh, họ cố ý làm quen xin thuốc hút, trong đó có bác Hoành - quê ở huyện Nghi Xuân (Nghi Hoa) thường hay nói chuyện thập thò với anh tôi.

Một hôm bác lấy từ trong nhà lao đưa ra cho anh tôi ba quyển sách nhỏ : một quyển bằng ba bao diêm dày hơn 2cm, nội dung sách hướng dẫn và giải thích một số danh từ chính kinh tế học, là tài liệu huấn luyện trong nhà lao. Chữ viết rất nhỏ, mỗi dòng khít đều chữ, chẳng kém chữ viết lên trang giấy khổ rộng, một quyển "làm gì" (que fai-re) của Lê-nin, khổ sách lớn hơn, chữ viết rất tốt và nhỏ, một quyển cách mạng tháng Mười Nga, trình bày tóm tắt cả một giai đoạn lịch sử đó.

Ít lâu sau, bác thấy tôi hay điêu khắc, đưa ra cho bốn dụng cụ nhà nghề trong nhà lao. Tôi sung sướng vô kể. Đối với sách vở thì anh tôi bận việc ít xem. Còn tôi khi thấy của quí, vật lạ lại càng tò mò muốn biết.

Tôi còn nhớ năm trước, khi anh tôi đi Qui-Nhơn mua về một cuốn "Thi nhân Việt Nam" do Hoài Thanh biên soạn, tôi liền vớ lấy đọc ngấu nghiến, say mê đến nỗi thuộc gần hết các bài thơ và một số bình luận của soạn giả mà ngày nay tôi còn nhớ rõ.

Ngày hai buổi đi làm, khi công việc ở bàn giấy xong, tôi thường lẻn ra phía sau vườn cà phê đưa sách ra xem trộm. Số cu li làm cỏ, hái cà phê, thấy tôi thường đứng đọc sách say mê thì nó bảo "thầy học bài".v.v...

Nhờ mấy tập sách ấy, khi đọc xong như sáng mắt ra về Cách mạng Nga, về Lê-nin, về giai cấp đấu tranh, tư bản, phát xít, đế quốc, thặng dư giá trị tương đối và tuyệt đối... rồi tôi mới liên hệ với chủ nghĩa tư bản của sở đang làm, tới nhà máy.v.v... À té ra mình là dân mất nước, đang làm nô lệ, chịu áp bức bóc lột của bọn tư bản như thế đó...

Thế rồi đầu óc chán nản với nghề nghiệp cứ thấm dần vào người tôi, vào từng đường gân thớ thịt, làm tôi bại hoại cơ thể.

Có nhiều hôm tôi chẳng muốn đi làm, cáo ốm.

Chị tôi thấy thường ngày đi làm về thở dài thì lại lo cho em đau ốm gì, nhưng khi thấy ăn uống được thì chị lại lo :

- Có phải em bị chủ mắng hay sao mà buồn vậy ?

Đi làm với Tây thì ai mà chẳng có như thế, nhưng đối với lão chủ này thì ngược lại, nó ít khi la hét om sòm với ai bao giờ. Có phật ý thì lão cũng nói một cách vừa phải. Tôi còn nhớ có lần lão bảo tôi : "Mày xuất gạo phát cho cu-li, trong đó lão dùng chữ "phuốc-nia" (fournir) có nghĩa là cung cấp Tiếng Pháp và tiếng Việt tôi đều hiểu như thế. Nhưng chữ "cung cấp" tôi lại nghĩ là trong chiến tranh, gạo cơm nó cho không, làm gì cần trừ tiền lương... Đến kỳ lương cuối tháng, lão thấy tôi không ghi khoản trừ tiền gạo, nói rõ sự lẽ, lão ồ lên một tiếng rồi bèn nghiêm nghị giải thích về nguyên tắc quản lý kinh doanh có ai cho phép làm như vậy được. Trước mặt lão, tôi cảm thấy thẹn, về nhà cũng đâm ra hơi buồn vì mình quá dốt.

Sở làm việc gần nhà khoảng hơn 1km, việc đi về cũng như Chủ nhật nghỉ thoải mái. Nhờ có bộ đồ khắc nhà nghề, lại là người được biết tiếng điêu khắc giỏi trong thị xã - lúc bấy giờ thị xã không có tiệm điêu khắc nên tôi thường gặp một số người quen anh chị hoặc không quen biết tới nhà nhờ khắc con dấu riêng cho cá nhân, khắc chữ ký.v.v.. Trong đó có các người thông phán ở dinh Tuấn Vũ -Nam triều như Châu (Đức Đồng), Sửng (Hương Khê).v.v.. và có thầy dạy trung học Nguyễn Đình mà sau này là nhà thơ trào phúng chuyên viết đả kích Mỹ-Ngụy trong chiến tranh chống Mỹ. Tôi khắc cho thầy hai chữ "Nguyễn Đình" bằng một kiểu "phăng" rất đẹp dùng để in vào thiếp chúc Tết, làm cho ai cũng tấm tắc khen,

cho là tuyệt đẹp. Nhờ quen biết thầy làm thơ, tôi thường hỏi thầy cách làm thợ, thầy nói :

- Muốn làm thơ là phải tìm đọc nhiều thơ hay, xưa cũng như nay - đặc biệt là chuyện Kiều thì em phải đọc cho kỹ... Thơ là gì ? Thầy nhấn mạnh - Thơ là hình tượng văn học, là sự rung cảm trái tim. Ví dụ : "Nếu nói hôm nay tôi đi chợ mua hàng" Viết như vậy chẳng phải là thơ, phải nói thế nào đó cho người ta hiểu được ý nghĩa và hành động của mình muốn diễn đạt...

Những tập sách nhỏ và dụng cụ khắc tôi còn giữ lại cho đến sau Cách mạng Tháng 8 năm 1945, khi gia đình anh chị và tôi trở về có mang theo, nhưng trong những năm kháng chiến chống Pháp đi xa vắng, ở nhà các cháu Chứng và Hồng vứt xé đâu mất; đồ khắc chỉ còn lại vài dụng cụ nữa mà thôi.

Sự buồn bực, chán chường của kiếp sống làm thuê, đời nô lệ cứ nhích từng ngày tháng nặng nề trôi qua. Việc tìm nguồn vui điêu khắc chỉ là bước đi thử thách, điêu luyện tài nghệ chưa có ý đồ làm tiền. Ai nhờ tôi cũng khắc cho vui.

Tôi trở về lại sở làm việc được gần một năm thì đùng một cái : Tin Nhật đảo chính Pháp !

Hôm ấy, nửa đêm rạng ngày 6 tháng 3 năm 1945, Buôn Mê Thuột cùng một lúc với các tỉnh trên toàn cõi Đông Dương, giặc Nhật đã

lật lưng thực dân Pháp một cách gọn nhẹ. Hành động bí mật và mau lẹ của bọn cướp nước, đến nỗi nhân dân trong thị xã không một ai biết tý gì, trong cái đêm kẻ cướp vào nhà mà chủ còn ngủ ngon say như thế đó.

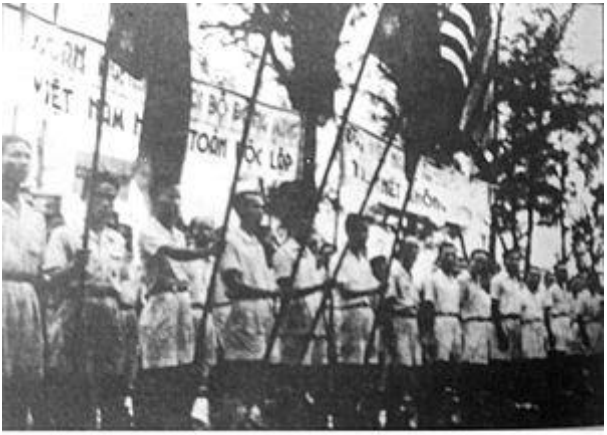

Thanh niên Tiền Phong chuẩn bị diễu hành, 21/8/1945.

Sáng sớm tôi đi vào sở bỗng thấy hai bên đường xuất hiện nhiều bản "bố cáo" của giặc Nhật treo lơ lửng trên các gốc cây bên những tường nhà dọc đường quanh phố.

Dọc đường, một vài xe vận tải chở một số lính Nhật chạy qua chạy lại rầm rì, chúng nghi binh như có nhiều quân đội đang chiếm giữ vùng này.

Đến trạm gác đồn khố xanh, tôi đã thấy lính Nhật đứng ung dung trong tư thế canh gác. Lính tuần tra từng tốp 3 người béo lùn, áo

quần lụng thụng, đầu cạo trọc, đội mũ chụp kiểu nhà binh và có thằng đeo gươm dài sát gót đi lại dọc đường ra dáng oai vệ.

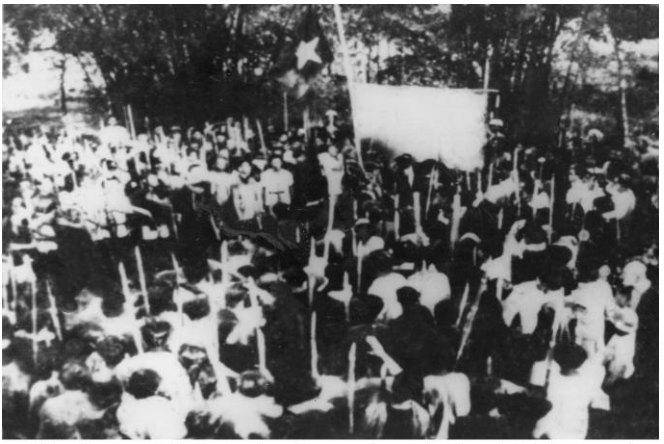

Nhân dân ngoại thành với tầm vông vạt nhọn kéo vào nội thành tham gia Tổng khởi nghĩa ở Sài Gòn ngày 25/8/1945.

Tôi vào đến sở thì lão chủ chưa bị bắt, nhưng mặt lão cắt không ra máu.

Thấy tình thế đã đổi thay, tôi trở lại ngay về nhà. Lúc này nhân dân trong khu phố hết sức ngơ ngác. Ai cũng bàn tán rất nhiều. Nào là đêm nay mấy nhà vùng quanh nhà tên quan Hai, Ba, Tư, Năm người Pháp có nghe tiếng động nhưng nào có ai ngờ chuyện Nhật bắt Tây trong trường hợp chúng mò về nhà riêng ngủ với vợ. Rồi...nào chuyện đã xảy ra của Nhật và Pháp ở nơi đây...

Lá cờ Nhật Hoàng xuất hiện đều khắp các công sở. Nó ra lời kêu gọi các công chức trở lại bàn giấy làm việc chiều ngày hôm đó.

Tôi về được một hôm, định không đi làm nữa, nhưng cũng sợ hành động phát xít của chúng, nên vài ba hôm sau vào lại sở trong khung cảnh rời rạc về tổ chức lao động sản xuất và sa sút về tinh thần.

Ít lâu sau lão chủ cùng vợ con gia quyến bị bắt dồn về Nha Trang.

Lúc này tên Hàm còn ở lại trông coi một số ít người làm trong nhà máy cho đến ngày chính phủ Nhật chịu đầu hàng vô điều kiện. Nhật đi để lại các cơ nghiệp về sau đến ngày 23 tháng 8 năm 1945, ta tổ chức cướp chính quyền thì sở đồn điền này lại qua tay chính quyền cách mạng quản lý được trên 3 tháng.

Khi thực dân Pháp trở lại gây hấn ở Nam-Bộ rồi trở lại đánh chiếm tỉnh lỵ Buôn Ma Thuột vào ngày 23 tháng 12 năm 1945 thì sở này lại trở về tay thực dân Pháp quản lý.

CHƯƠNG III
Ánh sáng cuộc đời

Nhật đảo chính Pháp, chính phủ Trần Trọng Kim lên. Bao nhiêu đổi thay trong chế độ mới đang hình thành. Phong trào thanh niên Phan Anh, một lực lượng trẻ đang vươn vai trổi dậy. Bài hát "tiếng goi thanh niên" như tiếng kèn thúc trận ngân vang khắp mọi chỗ. Với tuổi trẻ, chí hăng như dòng thác dồn vào cuộc.

Thời gian này tôi vẫn đi lại sở làm việc. Một hôm còn xa xẩn bên vườn cà phê phía sau đường cái, tôi gặp một người đứng tuổi khoảng trên 50, ăn bận bình thường đi ngược lại phía tôi. Người ấy cất tiếng chào hỏi. Tôi vui vẻ tiếp chuyện. Sau một lúc tìm hiểu tình hình đời sống,

quê quán của nhau, tôi được biết anh ta là một đồng chí chính trị phạm mới được giải phóng sau lúc Nhật đảo chính Pháp.

Anh ta với tay hái mấy quả cà-phê chín bỏ vào miệng ngậm, rồi chậm rãi trao đổi cho tôi biết tình hình bên ngoài, nào tin tức thế giới rồi trong nước v.v.

Anh nói: "Bọn Nhật sang đây hất cẳng Pháp thì chế độ cai trị thuộc địa trên xứ Đông Dương này vẫn không thay đổi. Bây giờ tình hình thế giới có nhiều thuận lợi : quân Đồng minh đã giúp vũ khí cho Việt Minh - một tổ chức gọi là Việt Nam độc lập đồng minh hội, viết tắt là VIỆT MINH -đang hoạt động trên núi rừng Việt Bắc..." anh ngẫm nghĩ rồi nói tiếp: "Đồng minh giúp ta vũ khí, phải thả bằng dù, có khi mắc "tòng teng"- từ anh ta dùng- trông rất buồn cười..." Chuyện ấy tôi về nói lại với anh, anh tôi cười, một tay với lấy chiếc điếu cày rít một hơi nghe rõ ngon, nhả làn khói trắng bay tỏa lan lan. Anh tôi nói nhỏ giọng : "Bây giờ có lẽ đã đến lúc thời cơ sắp đến"... Câu nói buông lững chỉ có thế. Đó chỉ là sự nhận định theo linh tính và dự đoán tình hình : bởi vì phong trào Cộng sản năm 1930 - 1931 không còn là chuyện mơ hồ đối với anh tôi lúc

còn đi học, ít nhiều các anh đã từng tai nghe mắt thấy và đã từng hoạt động làm liên lạc trong tổ chức bí mật của Đảng.

Tin Nhật đầu hàng vô điều kiện chỉ được biết rõ trong vài ngày.

Sở làm việc của chủ đồn điền Pháp có bọn Nhật đóng, trên 10 thằng. Sáng sớm tôi đã thấy nhiều hiện tượng khác với ngày thường. Trên sàn gác, chúng đi lại nhốn nhác nói năng xi xồ. Một chốc sau, chúng khuân vác giấy tờ tài liệu trên gác xuống dưới sân châm lửa đốt. Một thằng chuyên môn đưng gạt giấy tờ vào lửa cho cháy hết sạch, mọt thằng thì dằng xé từng tập sách báo ra tờ rồi vứt vào đống lửa đốt.

Thấy tôi đứng lại xem, một thằng đoán chừng là chỉ huy, gọi lại nói bằng tiếng Pháp chưa thông thạo lắm :

-Chúng tao cho mày một số vải dùng, không nên đưa ra chợ đen.

-Vâng ! cám ơn ông - tôi đáp.

Thực ra tiếng Nhật lúc ấy tôi có tự học được một số từ thông dụng. Đối với tiếng "a-ri-ga-tô" thì ai cũng biết đó là "cám ơn".

Một thằng khác vác xuống một cuộn vải đưa vứt vào lửa, rồi lên vác tiếp các cuộn khác. Khi nghe thằng chỉ huy ra lệnh nó vứt ngay một tập nhỏ đưa cho tôi.

Lúc về nhà lấy thước đo được hơn 16 mét vải đen chéo, tôi bèn nói vui với chị; "thế là em không may lấy phải loại vải xấu rồ..." Chị tôi cười, nói lại: "của người ta cho, được sao hay vậy".

Thị xã Buôn-Ma-Thuột lúc này nhao nhác hẳn lên. Từ người già đến trẻ em, ai cũng biết Nhật đầu hàng Đồng Minh. Những câu hỏi thường được đưa ra sau cái tin Chính phủ Nhật bị đánh bại: "Nhật thua có còn ở lại đất nước này nữa không ? và, ai sẽ đứng ra làm chủ đất nước này?" Người thì quả quyết Pháp sẽ trở lại. Họ lý luận cho rằng sở dĩ Pháp thua là do Nhật hất cẳng. Bây giờ Nhật thua thì Pháp sẽ trở về. Có người thì cho là Nhật thua thì bên nước nó, còn ở bên ta đang mạnh, nó có thua Pháp đâu mà về... đó là những lời bàn tán của các ông bà "vô công rồi nghề", nói mách với nhau đầu đường xó chợ. Còn đa số những người lớn tuổi, những người có chí hướng, nhưng vì bất lực trước cuộc đời, vì cảnh sống cơ cực, bị áp bức bốc lột nên phải bỏ nhà ra đi tới nơi đây kiếm kế làm ăn, mong gây dựng cơ nghiệp thì họ nghĩ khác.

Cứ mỗi ngày vào giữa muà Thu, năm 1945, sau những đêm dài rét khan đến 15-16 độ, khi từ phía chân trời ló lên ánh hồng đỏ ở phía đông như đang báo hiệu một điềm vui sắp đến, người ta mở toang cửa, chạy ra đường phố vươn vai, dướn chân, hít căng không khí đầy lòng ngực, để rồi sắp bước vào một ngày lao động đầy ý nghĩa. Họ thường bàn tán với nhau" Đất nước này thời cơ đã đến phải do người mình tự quản"

Tuy bề ngoài câu nói bao trùm ấy chỉ để khẳng định niềm tự tin vào mình, nhưng bên trong ít ai hiểu ra múi xơ gì cả. Tôi chỉ nhớ lúc ấy, vì ở trong tổ chức thanh niên, thường ngày có anh Thu - Một người làm nghề nhiếp ảnh ngoài Bắc vào đã lâu - thường tới chơi nhà anh chị, đôn đốc thanh niên họp hành, luyện tập năng nổ.

Bài hát "tiếng gọi thanh niên" ngày đêm rộn vang khắp phố. Gậy gộc, giáo mác đều được chuẩn bị, những buổi tập dượt đi đứng đầu bước đều ở trong tư thế sẵn sàng.

Bây giờ thời tiết sang thu, khí trời mát dịu. Những trận mưa rào thường đổ xuống thất thường sau một vài giờ, sắc trời lại trong xanh, êm ả. Gió ở vùng Tây Nguyên từng cơn từ Đông Bắc thổi về lất phất êm nhẹ thấm vào da thịt mát dịu. Những buổi anh Thu tới nhà nói chuyện với anh tôi hoặc những lúc bàn cãi nơi hội họp đông người, anh đưa nhiều tin mới lạ: "Việt Minh đã về hoạt động trong nước, một số tỉnh ở miền Bắc đã võ trang khởi nghĩa cướp chính quyền, lật đổ chính phủ thân Nhật.... "Anh Thu nói lúc nào nét mặt cũng nghiêm nghị và làm cho người ta càng chú ý. Với giọng nói úp mở, anh kể tiếp "Nghe nói ở miền Trung có những nơi đã cướp chính quyền. Ở Quy Nhơn, Nha Trang có lẽ nay mai họ sẽ võ trạng khởi nghĩa. Còn bên ta - anh cũng nói úp mở như vậy, nghe nói Việt minh sẽ cử (?) người lên trực tiếp gặp Tuần Vũ để đòi giao trả chính quyền....".

Có người nghe ra dễ dàng quá, họ vặn lại ? "Thế cụ Tuần không chịu giao thì sao ? Có đời nào cụ lại chịu giao cho Việt Minh, vì cụ là Tuần Vũ cai trị cả vùng này kia mà...".

Anh Thu lại nói : "Việt minh họ mạnh lắm, họ gan góc vô kể, nếu cụ Tuần không nghe thì họ sẽ dùng lực lượng quân sự đánh cướp lại chính quyền, lúc đó liệu cụ có ôm giữ lấy "dấu ấn" nữa không ?.. Tiếng cười lại nổ ran. Câu chuyện như vậy được nhân lên nhiều cách nói đủ thứ. Và rồi trong mấy ngày này tôi cũng chẳng thấy Việt Minh ở đâu, đại diện của họ là người như thế nào ? Ai đã vào cụ Tuần để bàn việc đó?.

Thế rồi ngày 23/8/1945, chúng tôi trong đoàn thanh niên được lệnh võ trang gậy gộc giáo mác để đi cướp chính quyền.

Sáng sớm tinh mơ, từng đoàn người thanh niên, dương cao ngọn cờ đỏ sao vàng, vũ khí trong tay đã được tập trung nhiều ngả đường, hùng dũng tiến quân về sân vận động thị xã, bước chân rầm rập, miệng hát vang bài "tiếng gọi thanh niên" hô vang khẩu hiệu "Đả đảo đế quốc Pháp, đánh đổ phát xít Nhật".

Có lẽ những ai đã sống trong những ngày tổng khởi nghĩa tháng 8 năm 1945 mới thấy ý nghĩa sục sôi của ngày lịch sử vĩ đại đó.

Đường gân, thớ thịt như căng ra, máu cứ sôi lên, khi nghe tiếng gọi của Tổ quốc thì không một ai quản ngại gì đến gian nan khổ hạnh, đến đời sống riêng rẽ của bản thân để sẵn sàng lao vào thời cuộc...

Lúc này đây, sân vận động đã nêm chặt đầy người, sắp theo thứ tự chỗ đứng : thanh niên, phụ nữ, già trẻ... Người Thượng lẫn người Kinh. Bên kia trại lính, bọn Nhật ở tập trung lại một chỗ không dám hành động gì cả.

Trên bục cao thấy mấy người có mang súng lục, oai vệ bước chân đi theo sau là Tuần Vũ Tôn Thất Hối, mặt mũi nhợt nhạt, dáng đi nặng nề, lấm lét quay mặt lại với các tầng lớp vũ trang. Hắn đứng im thin thít. Trên đầu hắn, chiếc khăn định đội chụp xuống quá trán như muốn che bộ mặt xấu xa của kẻ làm tay sai cho Pháp - Nhật; chiếc áo lưng dài lụng thụng như muốn xé tung ra nhiều mảnh dưới con mắt mọi người.

Một người thân hình thấp nhỏ, nét mặt tươi vui, bước chân lên bục cao, dõng dạc tuyên bố: "Hôm nay, chính quyền nhân dân cách mạng và thành lập. Vì vậy, chúng tôi đại diện cho mặt trận Việt minh tuyên bố với đồng bào trong tỉnh biết: Kể từ nay Chính phủ Nam-Triều thân Nhật ở thị xã Buôn Ma Thuột buộc phải trao trả lại chính quyền về tay nhân dân; họ phải trao trả tất cả của cải vật

chất, tiền bạc, giấy tờ lại cho chính quyền cách mạng quản lý". Dứt lời, tiếng hoan hô vỗ tay, tiếng hô khẩu hiệu đả đảo tầng tầng lớp lớp dạt dào vang động như làn sóng. Và người ấy lại nói tiếp : "Ai không tuân theo chính quyền cách mạng sẽ bị nghiêm trị đúng mức"…

Tiếp sau đó Tuần vũ Tôn Thất Hối bước lại gần bục cúi đầu xin nhận bàn giao tất cả, yêu cầu chính quyền cách mạng cử người vào tiếp quản...

Một chị phụ nữ bận áo dài đen, tuổi tác khoảng trong 40 với nét mặt cương nghị dưới làm tóc quấn lờn vờn bên má, bước lên bục diễn thuyết. Lúc bấy giờ người ta không nói, phát biểu ý kiến như bây giờ. Chị đứng nói chẳng còn giấy tờ gì cả, song lời nói của chị cứ thao tháo như nước chảy.

Sau này tôi được biết chị ấy tên là Thuyết, vừa mới trong nhà tù ra ở lại đây hoạt động, còn người đứng lên tuyên bố lúc đầu tên là Kiệm, người mà tôi có dịp gặp anh ấy trong vườn cà phê, cũng là chính trị phạm vừa mới được giải phóng sau khi Nhật đảo chính Pháp.

Trước ngày khởi nghĩa, có lẽ các anh đi tìm hiểu một số tình hình công nhân ở nhà máy, vì đó là động lực đấu tranh cách mạng.

Buổi chiều được tin thêm bọn lính Nhật đã chịu đầu hàng Việt minh và giao nộp vũ khí tất cả.

Ôi ! có nguồn vui nào bằng nguồn vui sức mạnh vô biên của một dân tộc sau bao nhiêu năm chìm đắm trong cuộc đời nô lệ đã vùng lên nắm lại chính quyền, nắm lại giang sơn đất nước để tự mình đứng lên làm chủ vận mệnh.

Khí thế sục sôi, bừng bừng của những ngày khởi nghĩa nơi đây tỏa nhanh bao trùm lấy núi rừng Tây Nguyên hùng vĩ. Trong khoảng khắc các đội tự vệ vũ trang được thành lập, đoàn thanh viên cứu quốc được tổ chức lại chặt chẽ hơn. Chúng tôi được đi tập luyện suốt ngày đêm, một số người được tuyển dần vào giải phóng quân. Ít lâu sau đội quân nam tiến ngoài Bắc vào tiếp sức thêm một đại đội.

Như vậy là sau một thời gian, quân giải phóng được tổ chức trên 2 đại đội. Chỉ huy phần nhiều là cai, đội khố xanh phụ trách và huấn luyện.

Ủy ban hành chính kháng chiến được chỉ định một số người trong nhóm quan lại, mà chủ tịch là ông Tham Vinh, chính quê ở Thành Vinh- Nghệ An. Ông ta là tham biện lục lộ - như trung cấp ta bây giờ - đã lên đây làm công cho Pháp từ lâu, cả gia đình ở thị xã.

Chính quyền mới được thành lập, song chưa có con dấu, nếu phải cử người xuống Nha Trang đặt khắc thì chưa biết khi nào xong mà công việc hành chính thì cần.

Một buổi sáng, sau khi chính quyền thành lập được vài hôm, tôi thấy ông Tham Vinh, với cương vị chủ tịch tỉnh, tới nhà anh chị tôi hỏi thăm tình hình và nói với chị tôi: "Nghe nói chú em đây khắc giỏi lắm, chính quyền muốn nhờ em khắc hộ một con dấu". Chị tôi gọi lại bảo : "Em đã nghe bác nói gì chưa? Nếu làm được thì em nói thật với bác, việc này quan trọng lắm, không phải nói chơi đâu nha".

Bác hỏi-
Thế nào ?
-Vâng ạ - tôi đáp.
- Bác hỏi lại :
- Khi nào thì xong - cố gắng càng nhanh càng tốt
- Thưa bác, chiều nay khoảng 3 giờ chiều thì cháu sẽ làm xong.

Thế thì quý lắm, và bác dặn thêm : "To nhỏ tuỳ em lựa chọn làm đúng hình mẫu và nhớ làm cho đặc điểm trong một vài đường nét chữ hoặc trên vành tròn...".

Câu chuyện khắc con dấu cho chính quyền cách mạng đã để lại cho tôi một kỷ niệm sâu sắc nhất trong đời mà sau này, vào các trang sau tôi sẽ kể tiếp.

Chính quyền mới thành lập. Mọi việc đều mới, song từ con người đến công việc đều phải sử dụng bộ máy cũ hoạt động trở lại. Không phải như bây giờ là "đứng trên quan điểm, lập trường này nọ"để cân nhắc xem xét đề bạt tổ chức con người vào bộ máy.

Lúc bấy giờ không khí cách mạng tháng 8 như dòng thác lũ, đã cuốn hết thảy mọi tầng lớp nhân dân quay hướng về nền độc lập dân tộc, chưa phân hóa được hận thù giai cấp. Mặc dù, có những kẻ trước đây làm tay chân đắc lực cho Pháp - Nhật trong các sở mật thám, những phường lý hào đàn áp, hống hách với dân thì giờ đây họ cũng nghiêng hẳn 180^0 về cách mạng khi đã thấy cách mạng nắm chính quyền.

Trong thực tiễn của cuộc cách mạng, sau này cũng đã mở sáng mắt được nhiều người, rồi họ được từ đám bùn lên tắm ánh sáng, giác ngộ cho họ đi theo cách mạng đến ngày nay.

Song vẫn còn một số ít người do mang sẵn máu cũ, tật xưa, khi thấy cách mạng gặp khó khăn trong vùng kháng chiến hoặc vùng tự do thì con đường phản dân hại nước của họ lại như cũ. Trong bước đường cách mạng phản đế, phản phong, họ đã lộ rõ nguyên hình.

Trải qua trong vòng 4 tháng, thị xã Buôn Ma Thuột vừa mới thoát khỏi ách kìm kẹp của Pháp - Nhật thống trị, nhân dân được sống trong không khí tự do dưới chế độ "Dân chủ nhân dân".

Dù một người dân không được học hành đến đâu, thì khi vừa mới ở trong bóng tối ra nhìn lại cuộc đời, họ cũng hiểu được thế nào là một người dân mất nước, nay đã nhờ cách mạng trả về đời sống tự do.

Đối với chính quyền dân chủ nhân dân còn biết bao nhiêu công việc đã làm và đang phải làm cấp tốc để ổn định đời sống, ổn định tổ chức cách mạng vừa được thành lập...

Thế rồi... ngày 23 tháng 12 năm 1945, vào một buổi sáng sớm, khi tôi đang ngồi trong nhà xem sách, bỗng nghe một loạt súng liên thanh từ xa dội tới. Một vài phút sau, tiếng súng to nhỏ cấp tập nổ, nhá liên hồi ở phía trại lính vọng ra giòn giã.

Chuyện gì vậy ? Ai cũng hỏi nhau ngơ ngác "Ôi" đánh nhau rồ! đánh nhau rồi!.

Ai đánh ? đánh với ai chưa rõ ! Nhưng dân chúng la van nhốn nháo, đến gần trưa được tin chính thức : Quân Pháp đã chiếm được đồn, quân ta bị đánh bất ngờ, thiệt hại nhiều.

Anh chị tôi bàn với nhau : Thôi ta tạm thời sơ tán ra rừng và dưới vườn cũ cùng anh em làm công ở đó. Chiều hôm đó chúng tôi ra đi không kịp mang theo đồ đạc vật dụng trong gia đình. Cả gia đình và anh em vào làm công với anh chị tôi đi sâu vào rừng, để tránh giặc.

Khi ra đi có mang theo ít gạo, quần áo chỉ mặc trong người. Tất cả những gì còn lại bỏ vào nhà, khóa cửa lại. Anh tôi ra đi chỉ mang theo một chiếc cặp, trong đó có một chiếc đồng hồ bàn, một quyển thi nhân Việt nam mà sau này tôi rất tiếc là anh tôi bỏ quên bên bờ suối.

Cả thị xã đêm ấy nháo nhác trong trong rừng sâu. Những trận mưa xối xả tắm ướt mọi người, không áo quần thay, không chỗ ngủ, sên, vắt, tha hồ hút máu. Đến nay tôi nghĩ lại còn rùng mình ghê tởm. Những bữa cơm nấu trong rừng phải mượn nồi của nhau. Cơm khi sống khi nhão choẹt, miễn sao có ăn, mỗi người chỉ được chia một nắm cơm bằng trứng gà. Buồn cười nhất là có lúc nấu cơm gặp trời mưa, lửa lúc tắt đi, tắt lại, nấu hàng giờ mà vẫn chưa có ăn.

Tình thế gay go, ai cũng đang trong cơm hỗn loại. Sau ba ngày đêm, tin quân Pháp rút, nhân dân lại trở về thu xếp nhà cửa để rồi trong tình thế bất trắc có giặc trở lại, họ lại ra đi... và đi đâu chưa ai định trước được.

Lần này chúng tôi trở về lại về nhà có tất cả 15 người, thu xếp rất khẩn trương. Theo nguyên vọng của mọi người, thì chuyến này có giặc trở lại, dứt khoát tìm đường rừng về xuôi để trở về quê.

Quả đúng như dự đoán trên đây, quân Pháp tuy có rút đi, nhưng chỉ là kế nghi binh để đánh lại tiêu diệt sinh lực ta.

Sau vài hôm, chúng trở lại. Hai bên lại đánh nhau.

Thôi thì lần này anh tôi quyết định vài bài "chuồn" là thượng sách.

Chúng tôi trở về quê trong những ngày căng thẳng nhất. Cơm gạo mang theo có hạn. Chiến tranh xảy ra bất ngờ, gạo cơm hàng ngày hết nhẵn. Chúng tôi ra về trong một buổi sáng, đạp băng rừng nhằm hướng về xuôi. Hành lý mang theo người ngoài áo quần gọn nhẹ, còn có dụng cụ nồi niêu để nấu ăn dọc đường.

Cuộc hành trình thật là táo bạo. Cả đoàn 15 người ra về chỉ nhằm hướng đông mà đi. Tôi được anh giao cho đi trước cùng một người nữa để làm nhiệm vụ liên lạc dò đường. Lúc này tôi đã biết nói tiếng dân tộc Ê-đê khá thành thạo. Qua một buôn (bản làng), tôi lại vào gặp người chủ buôn đó hỏi thăm tình hình đường sá nối tiếp về xuôi qua buôn tiếp cận và yêu cầu họ cử người dẫn đường tới chỗ, mới bàn giao cho người khác.

Bao giờ công tác tuyên truyền giác ngộ cho bà con dân làng cũng đăt ra hàng đầu. Tôi phải nói cho họ nhận rõ người Việt Nam mà

tiếng họ gọi là "Doằn" với người Ê-đê là một cha, một mẹ "Xa ma-xa mít" ý nói cùng một Tổ quốc. Vì vậy chúng ta phải thương nhau, giúp đỡ nhau để đánh Tây. Nhưng khi hết gạo, vận động họ bớt bán cho ít nhiều ăn đi đường. Họ thường vui lòng giúp đỡ.

Cuộc hành trình đã đến ngày thứ 5, chưa biết bao giờ tới giáp huyện miền xuôi thì cũng vừa lúc hết gạo dọc đường. Chúng tôi phải nhịn đói một đêm nằm ngủ giữa rừng. Khốn nỗi, chị tôi lúc này lại vừa có thai cháu Việt ba bốn tháng, chân bước đi không nổi nữa, tôi thì hai chân đã rệu rạo vì đi đường đã năm ngày rồi, bụng thì đói, đôi mắt có hoa lên toáng đốm, không tài nào bước đi được nữa.

Nhìn hướng trước mặt bỗng xuất hiện một ngôi nhà sàn, tự nhiên mọi người reo lên và động viên nhau gắng sức mà bước tới, may chi kiếm được gạo ăn và nghỉ ở đó.

Đi đường rừng ở miền núi từ buôn (bản) này tới buôn kia có khi mất cả ngày mà vẫn chưa tới. Người dân tộc, họ sống tự do, phóng khoáng trên núi rừng, mỗi buôn sống độc lập như một quốc gia nhỏ. Trong cả vùng rừng núi rộng lớn không có chợ búa, không trường học gì cả. Chữ nghĩa chưa có, trẻ nhỏ trần truồng, người lớn bận khố, phụ nữ bận váy.... Khi họ cần mua một vật gì như muối chẳng hạn thì phải lên tỉnh, hoặc về giáp huyện miền xuôi. Mọi việc ăn, học, thực phẩm đều tự túc hoàn toàn.

Chúng tôi tới nơi trèo lên ngôi nhà sàn thì thấy bỏ trống. Gà, vịt, lợn, bò ở tầng dưới cũng không thấy gì.

Lại một trở ngại lớn, gần như tai vạ sắp đến với chúng tôi. Con sông trước nhà rộng trên 100 mét, đầy áp nước lũ cuốn chảy phăng phăng, từng đợt thác va vào đá bắn nước lên tung tóe, gây nên những âm thanh ồ... ồ... rào... rào nghe càng ghê sợ. Các anh chắt Phong, anh cu Chín và cu Hinh người cùng xã với anh tôi đến nay vẫn còn sống, và anh Toàn, vài ba người nữa đi tìm kiếm lá tàu bay. Lúc ấy chỉ có bò đi từng bụi vơ vét mỗi người vài nắm mang lại, leo lên sàn sẵn có củi của chủ nhà, luộc lên chấm muối ăn. Ăn xong, tuy có đỡ, nhưng vì đói lâu ngày, thiếu cơm nên đôi chân ai cũng mềm nhũm, rả rời, ê ẩm khó chịu vô kể. Chúng tôi nghĩ lại một đêm đợi nước rút hết mới liệu tính được đường đi.

Ôi! Cái đêm đói khát, thất vọng và nặng nề đó của năm xưa tôi không thể nào quên trong trí nhớ. Mỗi khi nghĩ lại càng thấy rùng mình, Cái đêm ấy thật là dài. Có ai đã đếm được bao nhiêu lần trăn trở trong đêm với đôi mắt không tài nào chợp lại một chút. Bụng đói cồn cào, nôn ọe đủ thứ. Sáng ra, lại ngồi dạy ngắm hướng sang sông. Đi ư ? Không có cách nào vượt được. Ở lại thêm, không tránh sao có người chết đói.

Thần chết đang gõ cửa.

Nỗi thất vọng chán chường đè nặng tâm can. Nhìn trước, nhìn sau núi rừng trùng điệp không bóng người qua. Dưới sông nước chảy rào rào vang vọng âm thanh đều đặn buồn nản. Cả 15 cái miệng thi nhau ngáp dài, nước miếng chảy ra dàn dụa. Tiếng ho khàn thèm thuốc của anh tôi và một vài người khác cứ nức lên rồi im bặt.

Chị tôi có khi phải ngồi khóc, hết nhìn trước lại nhìn sau. Bỗng chị hét to lên : "Voi" "Voi" có vòi đằng phía xa kia. Mấy người nhô lên xem, xác định là voi nhà có người quản, chứ không phải voi rừng.

Trong nỗi thất vọng có khi cũng phải bật cười và xúc động vì một lẽ nào đó. Cả mấy người ngồi dây trố mắt nhìn về phía sau, trên nền cỏ gianh và rừng cây lơ thơ trùng điệp, chú voi khổng lồ từ từ tiến thẳng phía chúng tôi. Anh Chắt Phong kêu lên sung sướng "Phúc nhà! -Phúc nhà!". Tôi trong nhà trườn ra hỏi người quản voi bằng tiếng dân tộc "Ti noốc y nao" (Mày đi đâu) Nó đáp lại : "Kảo nao xang buôn" (tao đi sang buôn). Tôi lại hỏi có gạo thì bán cho "Doăn" một ít. Nó ra hiệu cho con voi dừng lại, nói :

Chúng mày cần gạo thì đổi cho tao cái nồi - tay nó chỉ vào cái nồi 3 - rồi tao trở về nhà lấy gạo ra.

Cả đoàn 15 người được 2 cái nói nhỏ, mỗi lần nấu ăn phải chia làm 2 lượt. Nếu còn lại một nồi thì làm sao bây giờ ? Chị tôi hết sức băn khoăn. Tôi thương lượng với nó để trả tiền. Nó không chịu. Anh tôi

bảo : "Thật thì đằng nào cũng phải liệu tính mà đi, không lẽ nằm đây chết cả".

Nó đánh voi quay lại thấy hơn lâu. Mọi người thất vọng. Một lúc sau người và voi lù lù tiến tới. Nó đưa trên voi xuống cho tôi lưng mủng gạo chừng năm ký. Lúc đó chúng tôi mừng rỡ hẳn lên, bàn với nó dừng lại một lúc, đợi ăn xong, cho voi tải người sang sông. Công này người quản voi của dân tộc Ê-đê tốt bụng thật thà đó không tính tiền. Nó đồng ý.

Ăn xong, chúng tôi chia làm 2 tốp leo lên voi ngồi trong chiếc mai nứa uốn tròn, ung dung nhờ voi tải sang sông. Nước ngập quá đầu voi, nó phải dùng chiếc vòi mò mẫm mãi mới qua được 2 chuyến. Khi voi quỳ xuống tôi hấp tấp nhảy lùi, đã bị lật nhào lộn cổ xuống đất.

Chiều tối hôm ấy, chúng tôi tới huyện Củng Sơn thuộc tỉnh Khánh Hòa (Phú Khánh nay). Thị trấn ở đây rất đông vui. Dân chúng phần đông là Hoa kiều buôn bán làm ăn thịnh vượng.

Sáng hôm sau, chúng tôi đi về ga Tuy Hoà. Dọc đường đi, biết bao cảnh vật và lòng người phơi phới đang vui. Những con kênh đào dẫn nước thuỷ lợi thẳng tắp chạy chằng chịt dọc ngang qua nhiều cánh đồng mênh mông chở nặng đầy màu xanh của lúa. Từng đàn cò trắng chao lượn trên không, chốc chốc sà xuống cánh đồng xanh, tô điểm thành nhiều chùm hoa đốm bạc rất đẹp mắt.

Bây giờ thời tiết đã sang xuân, song khí hậu ở đây không lạnh như ngoài Bắc. Đoàn người chúng tôi đi dưới ánh nắng ban mai như đang hâm nóng lại cuộc đời. Dân chúng đi lại làm ăn vui vẻ. Hai bên đường, từng chặng cống chắn dẫn nước, bà con dùng nhiều phương tiện tưới, vó đánh cá dưới dòng nước chảy rất tài tình. Một vài chóp núi nhấp nhô trên cánh đồng phủ kín màu xanh cây như chiếc bát úp xuôi, tô cảnh đẹp thiên nhiên thêm mơ mộng. Tôi thầm nghĩ ước ao : "Giá mà được sống nơi đây thì thú biết mấy".

Khi đoàn người về tới ga Tuy Hoà trời gần tối. Chúng tôi xuống ga hỏi thăm thể thức cho người tản cư về quê thì bất kỳ ai cũng phải có giấy của chính quyền.

Trong lúc đang suy nghĩ và lúng túng, chưa tìm ra phương kế, tôi chợt nhớ ra tờ "Ang-tét" (giấy in sẵn có dấu) của bác Tham Vinh, Chủ tịch tỉnh Đắc Lắc đưa lại còn bỏ quên trong túi. Tôi bèn nghĩ ra một kế, song còn phải hỏi ý kiến anh, thấy anh hơn ngạc nhiên. Tôi nói rõ lý do hôm bác nhờ khắc lại con dấu lúc chạy giặc mới về...

Anh tôi mừng hẳn lên : "Ồ thế thì được".

Tôi lấy bút viết thêm mấy dòng giới thiệu với các bến xe, ga tàu, chứng nhận cho 15 đồng bào này được trở về Nghệ Tĩnh theo lệnh tản cư của tỉnh, cuối giấy mạo danh ký tên chủ tịch.

Chuyến trở về quê hương lần ấy, cả đoàn chúng tôi không ai mất tiền tàu xe.

Câu chuyện đã mấy chục năm qua, ngày nay, đối với tôi như đã ghi sâu vào ký ức khó quên trong lứa tuổi thanh nên còn ham mê nghệ thuật, đã gặp may mắn trong bước gian nan...

BƯỚC VÀO NGÀY VUI MỚI

Đầu tháng giêng năm 1946, tôi trở về quê trong nỗi niềm hân hoan khó tả. Đồng quê đang bật lên sức sống mãnh liệt. Những ruộng lúa hai bên đường vừa mới cấy xong đang chuyển sang màu xanh biếc. Xóm làng ngày đêm rộn rập tiếng hát ca. Cờ đỏ sao vàng tung bay reo vui khắp nơi theo làn gió mới, xao động trong ánh nắng vàng tươi.

Gia đình lúc này có sự thay đổi : Cha mẹ còn mạnh khoẻ, anh Năm còn ở chung trong nhà với một đứa con nhỏ dại, đau ốm suốt ngày. Chị thì mất sau nạn đói 1945 cách đây mấy tháng, đứa em sau - O Bảy - đã lấy chồng ở cạnh kề nhà.

Lực lượng lao động chính trong nhà chỉ có cha còn anh chị Năm tuy còn ở chung nhưng ăn riêng bếp. Thường ngày đi cày bừa và bố mẹ đã có người cháu giúp việc - con o Căn thường hay gọi cái tên không đẹp lắm : "Cặc Em". Ngày mùa, khi bận công thì đã có o Căn về giúp. Ruộng đất lúc bấy giờ còn khoảng 1 mẫu.

Tuy về nhà, nhưng tôi không tham gia lao động sản xuất. Đến nay, tôi mới tự trách mình chưa làm tròn trách nhiệm của một người con trong gia đình. Hồi ấy, tôi sống trong gia đình được cha mẹ anh chị nuông chiều, lại vừa mới ở Buôn Ma Thuột chạy giặc về, trong đầu óc của tôi đang mơ màng nhiều nỗi : hoạt động cho cách mạng để giữ vững và bảo vệ nền độc lập cho dân tộc, ước mơ đi đây đi đó cho thỏa chí tang bồng....

Tôi về được mấy hôm thì gia nhập ngay vào Đoàn thanh niên, sau đó được bầu làm phân đoàn trưởng trường đoàn Hoàng Diệu, dạy bình dân học vụ trong xóm, ít lâu sau tôi được bầu làm ban chấp hành thanh niên xã Minh Tâm-làm phó bí thư, sau đó đổi thành xã Đồng Công (gồm Hòa, Lạc, Ân) và làm cán bộ tuyên truyền viên hai xã Minh Tâm - Đại Đồng.

Phạm vi hoạt động lúc này là đã mở rộng, thường đi tổ chức tuyên truyền nhiều nơi trong xã nên quen biết nhiều người, nhất là lứa tuổi thanh niên, học hành với nhau, nam cũng như nữ, tình cảm đối với nhau rất đậm đà. Chúng tôi đi hoạt động suốt ngày đêm, ít khi về nhà, gặp đâu ăn ở đó bà con ít ai suy tính đến tốn kém, thiệt hơn. Tất cả cho cách mạng, tất cả cho nước nhà.

Chúng tôi là thanh niên hoạt động rất hăng say, quên ăn, quên ngủ. Hễ ăn cơm trưa xong ai nấy đều lo nhiệm vụ đi dạy bình dân học

vụ trong xóm độ hai giờ; sau đó, bà con mới được ra đồng làm việc. Học sinh toàn là các cụ già bà lão, các anh chị đã lớn tuổi.

Vì vậy, việc truyền thụ cho học viên rất khó khăn, ấy thế mà sau một vài tháng, việc học hành của bà con ai cũng tiến bộ rõ rệt.

Lúc bấy giờ người ta dùng nhiều hình thức kiểm tra văn hoá. Họ tổ chức kiểm tra dọc đường trong các phiên chợ, nếu ai không đọc được thì buộc phải trở về. Cứ như vậy, trong một thời gian đã thuộc mọi người phải biết viết biết đọc chữ quốc ngữ.

Đầu năm 1946, các đoàn thể đã được tổ chức hoàn chỉnh. Riêng đoàn thanh niên do tôi làm phân đoàn trưởng đã tổ chức được 12 người hoàn toàn là nam, anh em đều đã học hành chút ít. Số thanh niên mù chữ chưa vào đoàn còn khá hơn.Phần đông anh chị em nay còn đi ở cho người khác hoặc nghèo đói không có điều kiện vào đoàn sinh hoạt. Chúng tôi tổ chức làm một "hội quán" tức là cái trụ sở của đoàn để sinh hoạt ở xóm Trung sau nhà cố Tốn - chỗ ở của ông Nịu hiện nay.

Điều mà tôi nhớ nhất là thường ngày chúng tôi hay ra vào nhà o dượng chắt Lựu, một người o hiếm thấy trên đời với con cháu trong nhà cũng như con cháu khác và người hàng xóm tới chơi . Dượng lấy o trước -chị ruột cha tôi- o đã sinh được hai trai hai gái. Người anh đầu đi phu mỏ Trì rồi ở hẳn bên Thái Lan. Vào khoảng năm 1958-1959, khi Chính phủ ta can thiệp với Chính phủ Thái

Lan cho Việt kiều hồi hương, anh mới trở về mang theo bệnh hoạn gầy còm và tuổi tác già nua sống được thêm mấy năm cuối đời rồi chết. Hai bà chị lấy người trong xã, chị Hệ và chị Ký, đến nay các chị đều sinh trưởng con cháu đông vui. Người con trai sau - anh chắt Canh cũng đã trưởng thành, có gia thất - o tôi chết lúc nào tôi không nhớ rõ. Thế rồi dượng tôi tìm bạn với một bà dì người Đức Lạc - người mà sau này chúng tôi được sống gần gủi nhiều nhất, đã gắn bó tình cảm o cháu rất quý mến (*gọi là bà Canh. theo tên con trai trưởng ông Hanh, tức là anh Canh .-bàCanh trước là vợ ông Kiên, em ông Nghệ, khi ông mất bà kết với ông Lựu* -chú giải của người giới thiệu *)*

O về đây đảm đương với một gia đình còn nặng gánh với con chồng và một bầy cháu nội còn nhỏ dại. O chỉ sinh được hai người con gái. Nhưng đối với con chồng và đàn cháu nội không bao giờ o tỏ vẻ phân biệt đối xử, làm mất lòng ai, cả một đại gia đình thường xuyên thuận hoà trên dưới nhường nhịn. Đối với chúng tôi là con cháu thường ngày vào ra hội họp, chơi bài, o rất quan tâm đến việc học hành, ăn uống.

O chết trước dượng mấy năm, nhưng công ơn của o cũng như đức hạnh của một bà dì thật là quý giá và hiếm có, đã lo trọn vẹn gia thất cho con cháu học hành, cửa nhà đầy đủ trước khi nhắm mắt xuôi tay vĩnh biệt cuộc đời...

TỔ QUỐC GỌI

Tôi về hoạt động ở quê trên một năm trong bầu không khí bừng bừng vui nhộn thì tiếp được thông báo tuyển sinh lớp hoạ đồ do khu 4 mở.

Đầu năm 1947, vào khoảng tháng 2, tôi và anh Cù Huy Thước con cụ Cận lên đường ra Vinh dự lớp tuyển sinh này. Anh Thước đã học đến đệ tứ, nhưng vì tuyển sinh không hạn chế đến học lực, nên trong số đi còn có Nhung, Xán và Tín ở Đức Lạc cũng đã học đến đệ tam. còn tôi học thua các anh ba, bốn lớp.

Chúng tôi ra Vinh ở vào nhà chị Khuyến - bà chị anh Thước đã lấy chồng còn ở trong thành. Chị là em gái kế sau anh Cận, tên là Trà, nhưng khi đã lấy chồng, người ta hay gọi theo tên chồng. Lúc này chị đã có cháu Chiều. Người chồng làm ở sở Công Thương Nghiệp khu 4.

Thí sinh về dự kiểm tra văn hoá và kiến thức chuyên môn trên 80 người nhưng chỉ đủ điểm chuẩn 20 người. Một điều rất bất ngờ đối với tôi là được xếp vào loại ưu tú trong số 10 người - nghe nói đậu thứ ba - không phải nộp học phí. Còn ba anh đi với tôi phải nạp học phí, vì lớp trúng tuyển quá ít, sau phải lấy người trong lớp thể dục thể thao sang bổ sung thêm.

Đầu tháng 4 năm 1947, chúng tôi lên đường ra Vinh, thực hiện theo ước mơ của tuổi trẻ. Biết bao kỷ niệm êm đềm của năm tháng trôi qua, lúc này đây, chưa được bao lâu, nay lại phải tạm gác lại để ra đi, cái mà tôi thường gọi là " giấc mộng hiên ngang, thúc ngựa tiến lên đồi " để rồi cuộc đời " chiếu đất màn sương " và nơi "chân trời góc bể...".v.v...

Bước vào học chuyên môn thời gian 4, 5 tháng thật là thú vị. Một lớp học thường xuyên di động trên trục đường từ Vinh lên Đô Lương, vừa học lý thuyết và thực hành.

Lúc mãn khóa thi tốt nghiệp, tôi cùng ba anh em trong xã đều tốt nghiệp một lúc khóa họa đồ đầu tiên của khu mở vào cuối tháng 8 năm 1947.

Học xong lớp Họa đồ, tôi nhận quyết định của Quân khu điều động vào công tác ở mặt trận Bình Trị Thiên.

Thật là hồi hộp và sung sướng khi cầm trong tay bản quyết định để lên đường đi nhận công tác mới.

Thời gian về nghỉ chỉ được 4,5 hôm, mọi việc chuẩn bị để lên đường hết sức khẩn trương. Lúc bấy giờ ra chiến trường cũng không ai đưa đón, hỏi han gì cả - dù là những người thân cận nhất. Tôi đang túi bụi vào việc thu xếp tài liệu thì được một tin vui : "Chị ấy đang hỏi thăm anh" do một bạn thanh niên nói lại.

Tôi sực nhớ tới câu chuyện đã cách đây gần 1 năm, tự dưng lòng cảm thấy bồi hồi vô hạn. Ay là : Giấc mộng chưa thực hiện được mà điệu tơ lòng đã vùng dậy trong lòng ta"... ?

Nhưng rồi... tôi cũng đành lòng dẹp lại để ra đi...

Đầu tháng 8/1947 tôi lên đường ra khu nhận nhiệm vụ. Chúng tôi cùng đi trên một chiếc xe ôtô vào Kỳ Anh. Lúc đi qua thị xã Hà Tĩnh, xe dừng lại ăn trưa. Cuộc kháng chiến đang bước sang giai đoạn phá hoại triệt để. Phố xá, nhà cửa không còn nguyên vẹn. Các ụ đề kháng mọc lên khắp ngả đường. Tới chiều chúng tôi đã tới huyện Kỳ Anh, ở đây đồng bào Quảng Bình tản cư ra rất đông. Họ ăn trưa, ngủ dọc đường, xó chợ. Tối hôm đó chúng tôi nghỉ ở mấy nhà xung quanh chợ Quảng Bình lúc này đã bị giặc Pháp đổ bộ chiếm đóng hầu hết các huyện. Trong số sáu huyện thì giặc đã chiếm hết năm, còn lại huyện Tuyên Hóa giáp huyện Hương Khê và Kỳ Anh do chính quyền Cách mạng ta kiểm soát. Vì vậy việc đi vào Nam hay ra Bắc chỉ có 2 con đường : Theo tuyến đường sắt từ Hương Khê vào Tuyên Hóa hay con đường Thượng Kỳ Anh qua Tuyên Hóa xuyên rừng Ba Rền vào Miền Nam. Chúng tôi đi theo con đường này. Sáng hôm sau, chúng tôi đổ bộ lên thôn Lạc Sơn, hình như nay là xã Kỳ Lâm, xuyên qua rừng tới Lù-Bu-Kịn, ở đó cũng là nơi tản cư - chiến khu tạm thời của Quảng Bình - cho đồng bào và một vài cơ sở sản xuất.

Chiều hôm đó, chúng tôi tới địa phận huyện Tuyên Hóa và ở lại Minh Cầm.

Khi đoàn đi qua đây, tôi được cấp trên chỉ định ở lại công tác tại Tiểu đoàn 274. Anh Thước theo đoàn vào mặt trận Bình Trị Thiên. Tiểu đoàn 274 lúc bấy giờ còn đang đóng quân ở Tuyên Hóa, riêng Tiểu đoàn bộ đóng ở mé rừng thuộc thôn Thiết Sơn. Cơ quan phải làm lán trại tạm ở trong rừng sâu. Ít lâu sau, cả cơ quan dời ra ở chung với nhà đồng bào.

Tuyên Hóa là một huyện trung du cũng có một số dân tộc ít người ở vùng Qui Đạt, Qui Hợp cho nên cũng có thể vừa là trung du vừa là miền núi - theo tôi hiểu bấy giờ.

Tuyên Hóa có một địa thế rất đặc biệt, là nơi núi non trùng điệp, hiểm trở lại dựa lưng vào hai huyện Kỳ Anh và Hương Khê của vùng tự do Thanh - Nghệ - Tĩnh vững chắc; địa thế có hai dãy núi chạy dài từ cuối huyện Hương Khê đi về xuôi giáp huyện Quảng Trạch. Rạch giữa hai dãy núi là hai con sông bắt nguồn từ đất Hương Khê và Kỳ Anh, hội tụ ở ngã ba Minh Cầm rồi đổ chung về cửa lạch, sông Gianh. Do đất canh tác hẹp, núi rộng, sông dài nên đã hình thành từng chụm, từng vệt dân cư ở rải rác dọc theo hai bên bờ sông.

Hàng ngày, hé mở mắt ra là thấy ngay bức màn xanh chắn đứng sừng sững trước mặt, che lấp hẳn chân trời tươi đẹp lúc bình minh

đang lên hay buổi chiều tà tráng lệ của mùa hạ oi bức... Ai chưa hề từng sống quen nơi đây, lúc mới tới không tránh khỏi nỗi nhớ nhung xao động, buồn bực, khó chịu; ra khỏi nhà nhìn trước, nhìn sau, đâu đâu cũng núi, cũng lèn, nhưng có một điều dễ làm cho người ta quên hết mọi nỗi : đó là tinh thần yêu nước nồng nàn "tất cả cho tiền tuyến, tất cả cho kháng chiến"... Nhân dân, cán bộ và bộ đội đang ngày đêm dốc sức vào công cuộc kháng chiến trường kỳ.

Chúng tôi đã di động đóng quân khắp các vùng trong huyện từ Đồng Lê, Đồng Lao, Chợ Cát, Phúc Sơn về Minh Cầm rồi lại lên Qui Đạt vào Troóc, quanh đi quẩn lại gần suốt 2 năm; Ôi! bao nhiêu điều mơ ước, nhớ nhung đang khuất mờ dần trong tâm trí, phương xa lại càng xa tít chân trời...

Nhiệm vụ của tôi bấy giờ là làm công tác họa đồ ở tiểu đoàn 274. Công việc ở tiểu đoàn chưa có gì bề bộn, vì lực lượng chủ lực của Tỉnh chỉ mới có đến tiểu đoàn, mãi đến cuối năm 1949, sau khi toàn bộ đơn vị rút ra Hà Tĩnh luyện tập và bổ sung thêm mới thành lập trung đoàn.

Một điều không may đến với tôi : tiểu đoàn bộ để lại bốn người trong đó có tôi, còn tất cả đơn vị được đưa ra vùng tự do.

Chúng tôi ở lại cũng chẳng làm trò trống gì. Hàng ngày chỉ ăn chơi, đi đây đó. Có một lần tổ chúng tôi còn ở Bồng Lai - một địa điểm dưới chân núi Ba Rền, gần trục giao thông phía Bắc vào. Khi được

tin có giặc từ Lệ Sơn - Minh Lệ vào, cả bốn người hợp lực cùng ba chiến sỹ hoạt động độc lập chạy tản vào mé rừng thì được tin thêm giặc ở trên núi Ba Nền đi xuống. Chúng tôi liền bố trí cho ba chiến sỹ dùng súng liên thanh chặn đánh cánh quân từ ngoài vào. Theo như kế hoạch đã bố trí, lũ quỉ giặc kéo đi hàng một, dìu nhau lội qua suối thì lập tức súng liên thanh ta nổ, hất ba thằng bổ nhào xuống nước. Chúng bị trúng đạn, hò hét om sòm, nằm lăn xả hai bên mé đường, đạn bắn tứ tung vang dội núi rừng, lá cây rơi lả tả...

Chúng tôi ngồi cách đó 200 mét cùng với mấy Việt kiều (lính ONS) ở Pháp về, còn chơi bài, bất chợt, có anh hộc cả máu ra miệng. Tất cả đứng lên chạy tản xa hơn.

Đầu năm 1950, tiểu đoàn 274 đã trở thành danh hiệu trung đoàn 18. Tôi là một cán bộ trong ban Tham mưu trung đoàn, liền đứng ra tổ chức cấp tốc một lớp Họa đồ cho các tiểu đoàn và đại đội cử người tới dự lớp huấn luyện. Lúc này trong ban Tham mưu có Phùng Thế Lộc làm trợ lý tổng hợp. Anh có trình độ học thức khá, viết lách, nói năng lưu loát. Tuổi tác tuy chưa nhiều, nhưng trông con người anh rất nghiêm nghị, làm cho trên vị nể, cấp dưới sợ. Anh yêu cô Tuệ là y tá cùng cơ quan bộ. Sau thời gian đi luyện tập về trông người anh khỏe mạnh, tính tình vẫn như xưa. Còn Nguyễn Lắc quê ở huyện Quảng Ninh, đi bộ đội đã có người yêu, anh nhắc nhở đến người yêu luôn. Đó là câu chuyện "cơm chưa ăn, gạo hãy còn" mà mỗi khi anh kể đến, bọn tôi ôm bụng cười nôn cả ruột.

Lắc làm công tác cơ yếu. Đi đứng, nói năng điềm đạm, biểu lột đức tính chân thật với cấp trên và bạn bè. Anh ở với tôi từ khi quen biết lần đầu cho đến khi cả đơn vị chuyển ra Hà Tĩnh, không hiểu sao lúc đó cấp trên vẫn bố trí anh cùng tôi vẫn ở lại hoạt động vùng hậu phương này.

Từ ngày tôi vào nhận công tác ở tiểu đoàn chưa được sáu tháng thì tổ chức đã phân công Lắc và Lốc theo dõi giúp đỡ tôi trong công tác cũng như tư tưởng để sau này trở thành người trong tổ chức của Đảng.

Vào cuối năm 1950, nhiệm vụ của trung đoàn là phải mở rộng chiến trường hoạt động. Quân số đã bổ sung thêm gần gấp ba lần lúc trước, lại vừa mới đào tạo huấn luyện về, nên khí thế chiến đấu toàn quân rất sôi nổi...

Trung đoàn bắt đầu hành quân chuyên vùng từ Bắc vào hoạt động phía Nam của tỉnh. Chúng tôi lại bắt đầu làm quen với con đường độc đạo cheo leo : Ba Rền, U Bò, mà ai đi qua cũng phải thốt lên cửa miệng : "một rền, hai rển, ba rền". Quả thật, khi đã đi qua khỏi hai nơi này thì đôi vai và đôi chân như mềm nhũn, chỉ ngồi ngáp dài và rên.

Quảng Ninh và Lệ Thủy là hai huyện lúa của tỉnh Quảng Bình. Bởi vậy người ta thường ví "Nhất Đồng Nai, nhì hai huyện" để nói lên nơi sản xuất nhiều thóc, gạo.

Lúc bấy giờ trung đoàn bộ về đóng quân ở thôn Lộc Long cách đồng Xuân Dục 3 km. Tình cảm quân dân rất thắm thiết. Việc nắm địch tình cũng như bảo vệ cơ quan đoàn bộ được nhân dân ủng hộ triệt để. Tuy ở gần địch, nhưng cơ quan vẫn ca hát nhộn nhịp ngày đêm. Tôi là thanh niên lại ham thích ca nhạc, nên chỉ một cây đàn "băng rô" cũng đủ gây cảm tình nhiều người xung quanh trong vùng. Nhất là đám nữ thanh niên quí đến vô kể. Những bài hát xưa phổ biến rộng ở vùng tự do nay đưa vào vùng địch hậu lại càng hấp dẫn. Thời bấy giờ, nông thôn chưa có đài, nên khi nghe âm thanh phát ra từ một vài dây kim loại, đã cuốn hút được hàng trăm lỗ tai vểnh lên thưởng thức. Chơi đàn phải tùy theo lúc và lứa tuổi để chọn bài mà chơi, nhằm kích động đến lòng dân tham gia kháng chiến hoặc nuôi cho cô em tâm hồn mơ mộng nhớ nhung đến người ra đi, hẹn ngày về.

Chúng tôi ở được một thời gian thì gặp lúc địch tổ chức một trận càn quét lên thôn Lộc Long. Dân làng và một số lực lượng thanh niên ở lại đã bị địch bắt đi một số... nhưng rồi chúng cũng thả ra sau một vài ngày.

Sau thời gian này, cả Trung đoàn bộ về đóng ở Vạn Xuân rồi vào Mỹ Đức. Các tiểu đoàn đóng ở các thôn, thuộc Huyện Lệ Thuỷ kề sát các đồn bốt địch.

Vào giữa năm 1950, địch tổ chức một lực lượng quy mô truy lùng lực lượng ta để tiêu diệt. Một cuộc chiến đấu đã xảy ra trên đất Xuân bồ ở bên này và bên kia sông Kiến Giang. Lực lượng ta có tiểu đoàn 436 giáp chiến suốt một ngày rất anh dũng. Quân ta có lợi thế làng chiến đấu cầm cự, địch ỷ lại vào vũ khí trọng pháo, máy bay và bộ binh áo ạt từ ngoài tiến vào. Hai bên giằng co nhau suốt một ngày. Có đơn vị địch mở đợt tiến công vào trong làng gần một đại đội lê dương, quân ta kịp thời mở gọng kìm bao vây ngoài đánh vào, trong đánh ra, quân hai bên đánh giáp lá cà, ôm vật, cắn nhau rất dữ dội. Và, cũng chính trong trận này, nhiều chiến sĩ đã viết lên trang sử oanh liệt, đánh dấu trưởng thành của quân đội chính quy trong chiến thuật vận động chiến đấu bước đầu. Tiêu biểu nhất trong trận đánh này là thiếu uý Lân. Anh đã vật lộn với địch cho đến khi chết nổi lên bên bờ sông, hai tay vẫn còn ôm ghì lấy tên lính lê dương, không chịu rời bỏ. Theo tin ta đưa đã tiêu diệt gần 500 tên địch?. (phỏng đoán).

Cuối năm 1950 vào khoảng tháng 12, tôi được lệnh cùng tiểu đoàn 436 vào bổ sung cho trung đoàn 101 ở Thừa Thiên.

Sau nhiều đêm tổ chức hành quân vượt qua sông vào Quảng Trị đi theo tuyến miền biển không được, toàn đơn vị phải quay về đi tuyến trên, vượt sông Ba Lung. Đầu năm 1951, chúng tôi vào tới chiến khu D - Dương Hoà - chiến khu của tỉnh Thừa Thiên. Thời gian này tôi đã được bổ sung về đơn vị 07 - Một đơn vị cối 81, do anh Tráng làm Đại đội trưởng, tôi phụ trách công tác chính trị đại đội - lúc này chưa có chính trị viên đại đội.

Từ chiến khu, chúng tôi chuyển về hoạt động đồng bằng, đóng quân từ xóm Mác phía trên quốc lộ, lại vượt qua đường, qua nhiều bãi cát rộng về thôn Tây Hoàng, ở vào một nhà nông dân nghèo. Cái tết năm ấy - không rõ âm lịch gọi năm nào - chúng tôi ăn tết

chẳng có một bữa cơm, ở vào một gia đình tên gọi anh chị Kết lại nghèo, nhưng rất quý mến bộ đội...

Chiến tranh giằng co giữa ta và địch ở thế cài răng lược làm cho kinh tế nông nghiệp không phát triển được. Nhiều gia đình không có cơm ăn, những bữa chính toàn khoai, rau cháo, nhưng có điều bà con rất quý mến bộ đội. Quân với dân rõ ràng như cá với nước. Chúng tôi lại chuyển về Phong Chương, cứ mỗi địa điểm ở được hai ba ngày là nhiều,khi thì ở bên này, khi thì vượt qua phía Tam Giang sang bên kia, hết đóng quân ở thôn Kế Môn, lại về Thế Chí vòng trở lại thôn Ông Dong rồi Kế Xương, Thanh Hương v. v...

Tôi đã từng dự các trận đánh Thanh Hương, một trận vận động chiến lớn đầu tiên, tiêu diệt 400 tên địch, đi đánh đồn Hiều Sỹ, kim chế hỏa lực để cho đơn vị bạn công đồn; Đã tham chiến trận Thanh Lam Bồ, một trận đánh lớn thứ hai cũng tiêu diệt nhiều sinh lực địch ở phía nam tỉnh Thừa Thiên.

Sau trận đánh này, tôi được điều về ban chính trị trung đoàn vào đầu tháng 8 năm 1951, tôi về đây công tác được giao một số công tác tuyên huấn, lại có năng khiếu yêu thích văn nghệ nên ban Chính trị lại cho bổ sung vào đội văn công văn nghệ trung đoàn, làm biên tập viên tờ báo " Đánh giặc" trung đoàn, có nhiệm vụ sưu tầm, ghi chép biên soạn, bài vở, bố trí tranh ảnh trên trang báo. Mỗi việc tôi đều tham gia gần như làm chủ bút của tờ báo - Tất

nhiên việc này phải là trưởng Ban chính trị chịu trách nhiệm. Báo chí lúc này còn in bằng li - tô trên bảng đá thanh mài nhẵn. Mỗi lần in phải viết thật nhỏ và gọn trên hai hoặc bốn trang giấy rộng, mỗi tuần ra hai kỳ đều đặn. Vì vậy việc đưa tin và bài vở lên báo phải cắt gọt thế nào cho gọn, thiết thực là việc rất khó. Thông thường bài vở, tin tức từ các đội, hoặc tiểu đoàn gởi về chỉ phản ảnh lên "người thật, việc thật" với yêu cầu động viên cổ vũ phong trào rèn cán, chỉnh quân, biểu dương thành tích chiến đấu v.v... Nhưng nghề làm báo thì phải biết chắt lọc lấy cái cốt lõi của phong trào mang tính chất thời sự nóng hổi để chọn bài đăng cho hợp với nội dung và yêu cầu phục vụ chính trị của từng thời kỳ. Đó là những vấn đề mà khi soạn thảo làm bài "phong" hay nói để hiểu hơn là bài "xã luận" phải nêu bật lên ý nghĩa chính trị của thời kỳ đó.

Công việc thì rất tự do, khi đi biểu diễn văn nghệ - chủ yếu của tôi là ca nhạc hoặc đi thu thập tài liệu vốn sống thực tế ở cơ sở đơn vị, chiến đấu là do tinh thần tự nguyện, thoải mái và cũng là sở trường của bản thân ngày đêm phấn đấu hăng say quên hết mọi việc.

Nhưng rồi cuộc đời và con người không phải có đầy đủ sức mạnh phi thường để chắp thêm cho đôi cánh mệt mỏi...

Vào giữa cuối năm 1952, bệnh mãn tính gia tăng, sức khỏe ngày giảm sút, hiệu suất công tác cũng xuống. Lúc này cơ quan còn ở Kế

Môn - Vĩnh Lương, thuộc,huyện Phong Chương. Tôi gặp anh Năm ở thôn Đông Dương. Hai anh em nói chuyện hồi lâu. Anh sắp ra vùng tự do khu bốn cũ.

Phần vì ốm đau mệt mỏi, phần vì anh sắp ra về vùng tự do, bao nhiêu tình cản nhớ nhung cứ dồn về nơi đồng quê yêu dấu "Nơi ấy... có con đường tắm nắng vàng tươi, bờ tre, nhà tranh, vách lá... nơi ấy..." Bài hát năm xưa vang vọng đâu đây càng thắm đượm tình yêu quê hương tha thiết, tự dưng lòng tôi xúc động bồi hồi càng thắm đượm tình yêu quê hương tha thiết. Nhớ đến cảnh cũ làng quê. bao nhiêu đêm mong ước ngày về ra vùng tự do cứ hiện ra rồi lại tan biến...

Cuộc kháng chiến còn trong giai đoạn quyết liệt, lực lượng quân đội ta đã trưởng thành trong chiến thuật vận động chiến, ít nhiều đã giáp địch vài trận. Cán bộ và chiến sỹ đã dày dạn kinh nghiệm chiến đấu, rút ra được bài học kinh nghiệm; về công kiên chiến đồn địch chưa thành công. Các vùng hậu phương, chiến tranh cài răng lược giữa ta và địch đã hình thành thế trận. Bởi vậy việc đóng quân phải di động thường xuyên. Đối với người ốm đau, bệnh hoạn là rất cực nhọc. Vì vậy, theo chủ trương của Bộ chỉ huy mặt trận phân khu và trung đoàn thì số người ốm đau và kém sức khoẻ, sẽ được tổ chức cho ra điều dưỡng ở vùng tự do.

Tôi được cấp trên chỉ định dẫn một đoàn cán bộ và chiến sỹ trên 10 người đi ra khu bốn vào khoảng tháng 5/1952.

Thời gian này tôi ra quân khu bàn giao xong, trở về quê nghỉ phép. Và cũng vừa lúc gia đình có ý định từ lâu, nay nhân lúc tranh thủ về nghỉ cho thu xếp xây dựng gia đình. Buổi ấy cũng có nhiều khó khăn, nên tôi đã sáng tác bài thơ "Bên kia mùa" lời thơ còn đậm nét:

"... Ngược xuôi bên bờ sông
Qua nhiều khuất khúc
Từ ngày tôi xuôi ngược
Đã mấy tháng trờ
Những khi đồng lúa xanh tươi
Khi đậu còn xanh tốt
Khoai còn nhỏ củ;
Đến nay
lúa đã tốt rồi…
Mùa tới nơi
rồi mùa lại hết
Luống cày đã lên màu mới đất
Đồng nhộn nhịp sớm hôm..."

Cưới được mấy ngày tôi lại ra đi. Tôi vào đơn vị được một thời gian ngắn thì tình hình sức khỏe kém sút hẳn, sau một thời gian công tác không cưỡng nỗi với bệnh tật, Ban chỉ huy trung đoàn có quyết định cho ra quân khu điền trị.

Ngày ra đi, bạn bè đưa đón niềm nở. Những người cùng quê lo viết thư thăm gia đình. Anh Phú quê Đức Hòa lấy con bà Giản sang chơi một buổi lo viết một bức thu thật dài cho vợ; mỗi lần tôi gặp bà mẹ Phú, bà nhìn tôi không cầm được nước mắt ấy là khi nhớ con, thương dâu...

Thế nhưng ở đời thật khó hiểu cho mẹ chồng, con dâu. Phú bị bắt trong trận giặc càn đánh chính diện với trung đoàn, sau khi tôi rời khỏi địa điểm Vĩnh Xương - Kế Môn trước đó một vài hôm, tăm tích người con của bà bị mất hút, thì tình cảm của mẹ chồng, nàng dâu bị chia lìa đôi ngả... Và rồi hạnh phúc lứa đôi cũng tan vỡ khi Phú được trao trả trở về sau chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954.

Mãi đến sau này tôi mới được biết rõ trận tấn công ác liệt lần đó là do tên Hối- Tham mưu trưởng trung đoàn làm nội phản; hắn có vợ vào ra buôn bán thường xuyên trong vùng địch. Nhân lúc trung đoàn tổ chức cán bộ họp, y đã mật báo cho địch tới đánh úp bất ngờ làm tan rã cả trung đoàn, số đông bị bắt và bị chết gần hết. Trung đoàn trưởng Thuyết dẫn một đơn vị mở đường máu thoát

vây cũng bị hy sinh. Phần đông cán bộ tiểu đoàn đại đội đều bị bắt và bị chết.

Tôi sực nhớ lại kể chuyện với bà con thì ai cũng cho là nhờ ơn "Tổ tiên phù hộ" cho là "phúc nhà " lớn, nếu chỉ chù chừ một vài hôm thì không tránh khỏi bị bắt hoặc bị nghiền nát dưới bánh xe tăng của giặc rồi!.

Trong đời chuyện may rủi là như vậy đấy.

Lần này tôi trở ra đi theo đường giao liên phía dưới biển. Vì ra đi một mình, ngại đường lên Chiến khu Mặt trận bộ làm một vài giấy tờ cần thiết, nên ở đơn vị điều dưỡng ra về, gặp một số thủ tục nguyên tắc ảnh hưởng sau này...

Tôi về nhà phải bồi dưỡng và chữa bệnh hơn một năm mới thuyên giảm được bệnh ho hen, tức ngực, bệnh sưng khớp chua khỏi, thì đầu năm 1954, đứa con đầu lòng ra đời hơn 01 tháng thì cũng vừa lúc anh rể tôi - Dượng Táo, làm việc tại Ủy ban hành chính tỉnh xin việc cho tại ty Tài chính thể theo nguyện vọng của chị tôi đã thúc dục anh lo việc cho tôi.

CHƯƠNG IV

Năm tháng êm đềm

Ba lô trên vai, tôi còn ngoái cổ hôn con một lần nữa, hỏi lại vợ:

- Anh đi lần này, con mới sinh, có gì trở ngại?

- Thì anh cứ đi - vợ tôi đáp.

Chuyện gia đình và đời sống mẹ con tất nhiên có khó khăn. Hơn nữa, nếu tôi có ở nhà thì cũng không ai để cho yên tâm sản xuất. Tôi là một người chưa hề quen lao động sản xuất nông nghiệp.

Cuộc kháng chiến trường kỳ sắp chuyển sang giai đoạn phản công trên một số chiến trường Việt Bắc, Trung Lào...vv. Lực lượng dân công ngày đêm ùn ùn kéo ra mặt trận như kiến cỏ. Những chuyến đi dân công dài ngày được đưa ra bình xét chu đáo. Có người xin đi mà không được đi, có người không xung phong vẫn đưa ra bình xét phải đi. Trước tình hình nước sôi lửa bỏng, chẳng lẽ còn tuổi thanh niên tôi lại làm thinh để không hòa mình vào dòng thác chảy sao?

Tôi phải ra đi vì lẽ sống, tìm lấy một công việc phù hợp với trình độ và nghị lực để đo sức với đường dài.

Lúc bấy giờ vào đầu tháng 3/1954 tôi vào Uy ban kháng chiến Hành chính tỉnh để nhận công tác. Cơ quan còn đóng ở Nga Lộc.

Sau khi làm các bước thủ tục, tôi được giới thiệu chuyển qua ty Tài chính. Cơ quan đóng ở Vĩnh Lộc, gần chợ Nhe. Nhiệm vụ của tôi được giao là tổng hợp và theo dõi tình hình tài sản gửi phân tán trong kháng chiến.

Mỗi lần về xã, anh Hồ Anh bên Ủy ban tỉnh và tôi phối hợp cùng nhau đi hết nơi này qua nơi khác. Việc đi lại còn phải ngang tắt đường làng không dám ló đầu ra khỏi đường Quốc lộ vì sợ máy bay hoạt động. Thời kỳ này nông thôn đương phát động phong trào giảm tô. Một số địa chủ đang bị đấu đá. Không khí đấu tranh ở nông thôn ngày đêm nhộn nhịp. Tình đoàn kết Việt-Trung-Xô thể hiện qua lời ca tiếng hát rạt rào thắm thiết khắp nơi. Ngoài kia chiến trường đang đòi hỏi sức người và sức của dốc ra tiền tuyến ngày một nhiều. Tiếng súng trên mặt trận Điện Biên Phủ đang mở màn. Tin thắng trận dồn dập bay về reo nức lòng quân dân cả nước.

Riêng tôi trước đây đã từng lăn lộn ở chiến trường, nay sống và làm việc trong những ngày khốc liệt. Người công nhân viên chức

bàn giấy với một ít phụ cấp gạo và tiền vừa đủ sống lúc ban đầu, chưa ai cấp chế độ lương bổng theo ngành bậc...

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954, cơ quan chuyển dời về thị xã Hà Tĩnh. Thị xã còn hoang tàn đổ nát. Các cơ quan còn phân tán xung quanh vùng phụ cận. Ty Tài chính về ở xóm Quế, nhân dân làm nông nghiệp nhưng còn phải làm thêm nghề chạy chợ.

Ít lâu sau, khi làm được nhà trong thành, toàn bộ cơ quan mới tách ra khỏi nhà dân.

Lúc mới về thị xã thì chợ vẫn họp trong thành cũ phía đông. Bốn bức thành và bốn cổng ngõ môn ra vào đã bị phá hoại nham nhở trong mấy năm trước. Thành chỉ còn lại đất đá lổm chổm, đường hào qua thành vẫn đầy nước vây quanh. Cho mãi đến hai, ba năm sau, vào cuối năm 1955, trong khí thế phát động cải cách ruộng đất ở nông thôn, tỉnh mới huy động lực lượng dân công các xã vùng quanh lên san lấp luỹ thành phía nam để làm sân vận động và hội trường, cho tổng kết cải cách ruộng đất.

Tập quán ăn mặc lúc bấy giờ ở các xã xung quanh thị xã chưa được cải tiến. Phụ nữ đến các em gái nhỏ còn bận váy nâu, các em chăn trâu hay ở nhà cũng đều thế cả. Ai được đi học mới bận quần, chứ không phải như bây giờ đi đâu cũng thấy lộng lẫy màu sắc đẹp tươi như hoa nở bốn mùa.

Cơ quan dời về thị xã một năm thì dân chúng đi sơ tán các nơi nay cũng lục tục kéo nhau về làm nhà ở dọc các phố.

Đất nước trải qua tám, chín năm chiến tranh, thị xã Hà Tĩnh cũng chịu trong cảnh bị phá hoại đổ nát hoang tàn, cây cỏ xanh tốt um tùm, ai đi qua đó cũng không hình dung nỗi bộ mặt nguyên lành của phố xá ngày trước nữa.

Chiến thắng Điện Biên Phủ đã đánh dấu bước ngoặc lịch sử của dân tộc ta chống ngoại xâm. Hội nghị Giơ -ne -vơ đã được ký kết. Đất nước tạm chia thành hai miền Nam - Bắc. Quân của hai bên phải được qui về một phía. Bao nhiêu công việc dồn dập đưa tới, tập kết quân dân ta từ trong nam ra bắc, tổ chức các lực lượng quân cần vào, tiếp quản các thành phố và thị xã miền Bắc, nông

thôn rộn ràng trong mùa chín rộ của cuộc đấu tranh cải cách ruộng đất v.v...

Thắng lợi quân sự cũng như chính trị thật là vĩ đại nhưng đời sống và lương thực sau chiến thắng vốn đã khó khăn lại càng thêm khó khăn. Bao nhiêu tiềm lực kinh tế hầu như dốc vào các mặt trận ở tiền phương để quyết giành phần thắng lợi cuối cùng đã kiệt sức, chính quyền đã dùng nhiều biện pháp điều hoà trong nông dân, nhưng không có cách gì trang trải nỗi, nhân dân vấp ngay lấy một trận đói khủng khiếp, nếu như không có chính quyền cách mạng thì dân chúng đã chết như năm 1945. Đó là sự so sánh của bà con ta liên tưởng lại. Chúng tôi ở cơ quan vẫn mỗi người được cấp 500gr gạo ăn uống, tiết kiệm buổi sáng, may ra mỗi tháng còn dư dật một vài ký.

Tôi còn nhớ vào cuối năm 1954, sang đầu năm 1955, sau khi thanh toán với quản lý nhà ăn còn thừa 2 kg gạo. Tôi vội mang về cho vợ con, ra về trong chiều thứ bảy lòng thấy nhẹ nhõm, vui sướng, nhưng nỗi lo năm, ba ngày sau, tính mạng vợ con, cha mẹ, anh chị lỡ có ai bị rủi ro bệnh tật hay đói khát? Tôi mang về một chiếc màn và 2kg gạo đèo theo xe đạp. Về đến nhà cứ đấu tranh mãi với cách sử xự như thế nào cho phải lẽ. Cha mẹ lúc này đã ở riêng vào trong núi, ở nhà chỉ mình vợ và con- cháu Thơ chưa đầu năm. Cái đói đang đe dọa từng giờ, từng ngày với mọi người xung quanh mỗi bữa ăn chỉ có rau khoai với hạt muối hay một vài thứ rau

khác. Đói khát dứt bữa lâu ngày, mặt mũi ai nấy bạc phơ, thụng xanh cả lên, đến nỗi không ai dám nhìn thẳng vào ai trông đổ sợ!. Trong nhiều gia đình ít ai còn gạo để nấu tí cháo. Mỗi lần tôi về chỉ ở được một đêm, sang chiều sau là phải vào cơ quan, vì cái nạn ăn rau trừ bữa không chịu nổi bụng cứ ùng ục đánh tháo suốt ngày, tay chân bải hoải, đi đứng nặng nề.

Vì vậy đối với hai ký gạo tôi mang về có một giá trị đặc biệt cứu đói thực sự. Với hai ký gạo lúc bình thường không thành vấn đề, nhưng lúc này phải có sự thuận vợ thuận chồng tôi đành ướm hỏi.

- Có lẽ ta bớt cho ông bà 1 kg và 1 chiếc màn được không?

- Biết gì nhà anh được! Vợ tôi đáp.

Nghe câu nói có vẻ đay nghiến, nặng trịch của vợ tôi cũng đoán ả ta không bằng lòng. Nhưng vì sao lúc bấy giờ trái tim của tôi lại cho làm chỉ thị cho làm việc đó?.

Tôi cũng như vô vàn đứa con khác, sinh ra và lớn lên lại không chịu công ơn của cha mẹ chắt chiu từ khi còn trứng nước đến trưởng thành?.

Cha tôi ít nói, lao động thì cần cù. Đối với con cháu, ít khi ông mắng nhiếc nặng lời hoặc đánh đập thậm tệ. Các anh chị trước ra sao, tôi không được rõ, nhưng đối với tôi chưa bao giờ bị cha đánh nửa roi. Tất nhiên việc quan tâm cho bước đường đời con cái,lúc trước

khác với bây giờ. Người ta có con lớn lên, có cho học hành chỉ là vấn đề phụ thuộc mà ai cũng chỉ lo đến gia đình vợ con và ruộng vườn để rồi thừa kế cha ông nối nghiệp sinh sống. Việc này đối với cha tôi cũng vậy. Bởi thế, ngày mà tôi về là đứa con sau chưa có vợ, cha tôi cũng lo dành dụm chút ít gỗ vườn còn lại - chỉ có mấy cây xoan đậu và vài ba chiếc cột mít ngâm - gọi là chuẩn bị nhà cho tôi. Còn những loại gỗ quý khác cha không để ý.

Ngày 1/9/1957 (tức ngày 7/8 năm Đinh Dậu) cha tôi đã vĩnh biệt cuộc đời trên mảnh vườn đồi trơ sỏi đá, sau một chiều sản xuất.

Trước một ngày cha mất, hai cha con đã gặp nhau trong một bữa giỗ ông Miên. Cha về trại gánh phân bón cho chè trên núi còn nói với mẹ rằng "Chắt Miên làm giỗ tươm tất đại... cơm xôi đầy đủ." Còn tôi ăn giỗ xong, trở về nhà lên xe vào cơ quan. Cháu Lan đi với người bác anh của chồng vào thăm ông bà, bà còn nằm ở nhà trong, nhân lúc khoai đã luộc chín, cháu chạy đi mời ông vào ăn... thì ôi thôi; ông đã ngã mình sau mảnh vườn sản xuất!.

"Cho đến khi tắt thở
vẫn triêng gánh kề đầu
Yên giấc ngủ sau một chiều sản xuất..."

(*bài thơ Nhớ thương)*

Sáng hôm sau vừa đúng ngày 2/9, cơ quan hoãn họp tôi trở lại nhà nghỉ lễ. Lúc về đến Sơn Long vào nhà cháu Lan thì cháu đã không còn ở nhà, mới biết tin đột ngột đó.

"Hỡi cha ! Người chết nhẹ tự lông hồng
Không trăng trối được một lời lần cuối".

(*bài thơ Nhớ thương)*

Tôi đã bùi ngùi nhớ thương cha trong nỗi lòng thầm kín. Con cháu nhớ thương khóc lóc thảm thiết làm cho tôi xúc động sáng tác bài thơ "*Nhớ thương*" để kính dâng hương hồn của cha khi đã quá cố.

Với mẹ tôi, ít lâu sau bà về ở với tôi độ hơn 1 năm. Lúc bấy giờ bà đã già yếu, song còn đi lại nấu nướng được.

Vào những năm 1959-1960, phong trào đổi công với lực lượng sản xuất cá thể thi đua trong lao động sản xuất hết sức sôi nổi trên miền Bắc và ở tỉnh, tổ chức hợp tác hóa đã bắt đầu hình thành qua những nơi có phong trào đổi công khác.

Bởi vậy, trong mỗi gia đình việc đồng áng đang hết sức bận rộn. Tôi tuy ở riêng từ cuối năm 1954, khi đã có cháu đầu. Việc sản xuất bắt đầu tự lực cánh sinh. Ngày mùa bận rộn hay khi vợ con đau ốm thì có dì Xuyến lên giúp anh chị . Mọi việc đều dựa vào ông bà ngoại, đặc biệt ông có tình thương con, thương cháu thường đi lại thăm dom, hoặc khi bận thì sai phái các cậu, các dì lên giúp anh

chị. Nào cậu Nhuyến lên thưng phên khi nhà vừa làm xong, cậu Diêu và Nhưng lại tới thuốc thang cho chị lúc có thai cháu Kỳ; dì Xuyến thì lo nước nôi, đồng áng khi chị sinh nở. Dì Xuyến hồi này mới học hết lớp bốn, người nhỏ thấp nhưng rất cam cháu. Mỗi lần lên giúp việc tuy ăn uống chẳng có gì nhưng vẫn vui vẻ. Dì chăm nom giặt giũ khi cháu ỉa đái mà vẫn không e ngại. Bởi vậy, sau khi dì thoát ly đi học đánh máy vào năm 1960, đến lúc gì sắp lấy chồng, biên thư về hỏi ý kiến anh chị, tôi đã trả lời với nỗi cảm kích nhớ khi dì còn ở nha, với hai câu :

"Ru ri ru rỉ ru rì…
Dì đi lấy chồng, dì nhớ cháu không....?".

Bởi tiếng ru của dì còn đọng trong tâm can khi cháu lớn lên chúng mới quý trọng dì, chứ tuổi thơ dại thì làm sao chúng đã biết quá khứ ?

Nghe nói khi dượng chộp được thư mở ra đọc, đã phát cười khúc khích một mình vì câu ca dí dỏm.

Tình cảnh thoát ly công tác của đời làm cán bộ lúc bấy giờ rất là vô tư. Phụ cấp lương bổng chưa có. Đi làm việc chỉ lấy "tiếng" chứ chưa có "miếng". Thế mà ai cũng muốn đi ra theo chí hướng và mục đích riêng.

Còn đối với nông thôn sau mùa cải cách ruộng đất đến năm 1959-1960 thì kinh tế trong nông nghiệp còn tự do phát triển. Năm 1959 là năm được mùa lớn, ngang với năm 1939 dưới thời thực dân Pháp. Sản phẩm nông nghiệp làm ra dồi dào. Đời sống và sinh hoạt rất thoải mái.

Vì vậy, chúng tôi khi thoát ly công tác ở cơ quan nhưng ít khi bận tâm đến ở nhà như nạn đói đầu năm 1955. Đi làm đã không đủ tiền mua sắm quần áo mà còn lấy tiền của vợ bù đắp thêm nữa là khác. Tôi cũng ở trong tình trạng đó. Chiếc áo bờ-lu-dông ka-ki Nam Định chẳng phải đã bán mất 50kg lạc. Tôi mặc chẳng được bao nhiêu lại bỏ xó vì tư tưởng bài xích kiểu áo Mỹ nên không dám dùng đến nữa.

Nông thôn trong bước quá độ từ chế độ dân chủ nhân dân tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội...

Công việc nhà nông ai cũng bận. Nào cày, cấy, lúa khoai ngày mùa, nào che* mía làm mật...vv.

Một hôm tôi đi công tác ghé về, không thấy bà ở nha, hỏi ra mới biết bác đã đưa mẹ về trên đó. Tôi buồn vô hạn và cứ phân vân có phải xích mích việc gì đó mà mẹ phải bỏ đi. Song, việc được xác minh, đó là bác muốn đưa bà về trên đó. Nhưng tôi vẫn thấy nỗi buồn rười rượi. Bởi vì tôi có được một chút học hành là do công ơn của mẹ chắt chiu đùm bọc qua dòng sữa từ khi gia đình làm ăn

còn thiếu thốn. Hàng năm mẹ đã lận đận đi luồn cúi bà con hàng xóm vay mượn chạy bữa về nuôi con.

Năm tháng lớn lên, tôi đã đi học, mẹ lo cho con học thông thạo chữ hán, rồi chữ quốc ngữ để mong mở mặt mở mày với thiên hạ. Đối với con cái, mẹ tôi la van bày vẽ làm ăn, có lẽ là chị tôi và em gái tôi là bị trực tiếp nghe lời chửi mắng nhiều nhất. Chị tôi thường hay còn gọi con "Lù", cái tên lúc bấy giờ không đẹp lắm, còn em gái tôi - o Bảy mẹ hay gọi con "Hược"- mẹ cứ bảo là "hớ hếch như con Hược"!. Hược là ai và là người như thế nào cũng chẳng ai rõ. Nhưng có điều con "Hược" thật thì đi đâu, thấy gì, đứng ngó ngớ ngẩn. Chỉ việc mẹ bảo đi bến rửa rau cũng đủ buồn cười. Thấy con cá nhảy dọc sông, em cũng đứng nhìn chăm chú, thấy người chống bè vật vã trên sông em cũng ngơ ngác nhìn theo không mỏi mắt. Thế rồi quên cả rửa rau, gánh nước về cho mẹ nấu ăn. Mẹ tôi hay chửi là như vậy đó. Đối với tôi thì mẹ gọi thằng "Lơ" với ý nghĩa chiều chuộng ghép cho cái thằng "Vanh-lơ" trơ tráo.

Ngày tôi còn làm việc tại ty Tài chính vào khoảng năm 1957-1958, lúc bấy giờ mẹ còn ở với gia đình tôi, nhiều lúc cũng suy nghĩ nhiều vì mẹ có phần đau ốm, già nua, đôi chân đi lại yếu ớt; Nhân lúc đi công tác Hương Khê, tôi mua được 1 lạng cao khỉ cũng phải đưa về cho mẹ uống trong trường hợp vợ sinh nở cũng phải nhường nhịn, dù biết rằng có lời xúc xiểm của vợ thì trách nhiệm của tôi cũng chỉ phải làm như thế.

Trong cuộc sống đua chen và đời làm cán bộ lúc bấy giơ; tôi cũng đã dự đoán và xác định cho mình chưa làm tròn trách nhiệm đối với cha mẹ. Đối với sự đền ơn trong tuổi già nua bệnh hoạn của mẹ cha chắc cũng bất lực.

"... Mẹ ơi! con biết mẹ ngày mai
Nhắm mắt buông tay lòng chẳng vui
Trọn kiếp vì con - đời khổ cực,
Chưa ngày hưởng chút sữa như ai..."

Mãi đến những năm tháng cuối đời của mẹ còn lại sau này, tuổi tác

càng già, đi đứng không được nữa, thân mẹ phải ăn ở nhờ vả vào mấy đứa con - con lại con dâu, mỗi người mỗi vẻ, kiếp sống lênh đênh, rày ở đây, mai đi nơi khác... kinh tế khó khăn, bao phen no đói...

Ôi! Đau đớn thay đời khổ cực của mẹ: miếng cơm chẳng đủ, huống chi vật lạ của ngon.

Thời đại đang căng gân. Đạn bom cày xới. Đó đây tội ác của giặc chồng chất thêm lên. Tôi cũng ít được đi về. Mỗi khi nghĩ đến mẹ già thì chẳng biết mua gì cho mẹ; quà bánh thì "người ta" cấm ăn vì sợ vấy bẩn vì không tắm giặt được, có chăng cũng phải dấu lén. Ăn

uống đau bụng tháo da, có phải vì đồ ngọt với mỡ thịt quá nhiều đâu, mà chỉ là vì thiếu vệ sinh trong ăn uống, chén bát ôi thiu, không ai rửa ráy cho sạch sẽ. Mỗi lần tôi về gặp mẹ, nhiều lần rưng rưng nước mắt. Cho nên đối với con tôi,hai cháu đầu, mỗi lần đưa cơm đi cho bà có tỵ nạnh nhau thì tôi quát tháo thực sự; có khi phải dành lấy phần công việc của chúng, thì hai cháu lại phân công nhau đi. Câu tục ngữ Việt nam "con hư tại mạ". Đối với tôi thì rất nghiêm khắc với con cái trong vấn đề đối xử với bà. Có một điều là các cháu rất ngoan.

Mẹ tôi thường nói: " Tao phải cái tội sống". Nếu đổ tội cho Trời thì chẳng phải, mà là đời chúng con làm nên như vậy.

Đã đến lúc phân công nhau nấu cơm bữa - và cũng chỉ phải làm như thế, có bữa đói, bữa no dưa cà kéo dài qua năm tháng... kinh tế gia đình gắn liền với kinh tế xã hội trong những năm dài chống chiến tranh phá hoại của Mỹ-Ngụy vốn đã khó khăn lại gặp khó khăn, nhiều năm mất mùa đói kém làm cho nội bộ gia đình thiếu đoàn kết trong quan hệ cha mẹ, vợ chồng, anh chị em...

Thật là tai hoạ cho chuỗi đời của mẹ phải chịu cuộc sống thoi thóp kéo dài cho đến ngày 20 tháng 12 năm1972 (tức ngày 20 tháng 10 năm Nhâm Tý) mẹ tôi đã buông hơi thở cuối cùng ở nhà người anh thứ hai.

Lúc này tôi còn làm việc ở một địa điểm sơ tán về xã Thạch Liên-huyện Thạch Hà. Người ta báo tin cho tôi có con vào. Lúc đầu tôi còn ngờ ngợ chưa tin, nhưng lại là sự thật. Cháu Thơ vào báo tin buồn với tin vui cùng một lúc: " Bà sắp tắt thở phải về gấp! - Con lại có giấy báo ngày giờ đi học đại học ở Hà Nội..."

Thật là xúc động và xốn xang khi con người không chủ động được mình nữa; cha con lại lật đật ra về giữa nỗi buồn đau xót và nỗi lo thầm kín cho ngày con ra đi dọc đường an toàn tuyệt đối.

Cha con về đến nhà vừa kịp đứng vào linh cữu thì cũng là lúc xóm làng đưa mẹ về nơi an nghỉ cuối cùng.

Hỡi con cháu mai sau! Cuộc sống và đời người mẹ cha là như thế đó. Với người MẸ đã cưu mang sinh đẻ ra ta, NGƯỜI là linh hồn ru ngọt đời ta từ thuở bé. Chính mẹ là nguồn cảm nghĩ truyền vào hồn ta nỗi buồn vui,thơ mộng từ buổi ban đầu.

Là nhà văn nhà thơ, nhà nghệ sĩ... và cả đến những vị anh hùng... các người có được trí óc thông minh khí phách lẫm liệt do đâu đưa lại? Hạt thóc nẩy mầm đâm chồi trên ruộng lúa tốt phải chăng là giống tốt hay do công vun trồng? Nhưng với con người có đầu óc và tư duy khác với sinh vật thì cả hai đều quan trọng. Nếu người mẹ không nuôi dạy ta chu đáo từ khi còn tấm bé, dắt dìu ta từ lứa tuổi này đến lứa tuổi khác để rồi thả ta ra dòng thác đời mênh mông, chắp cho ta đôi cánh bay xa không biết mệt mỏi, luyện cho

ta đôi mắt nhìn sâu thăm thẳm thấu tận chân trời và đến cả những nơi thiên hạ xa lạ?... Ấy là công lao của ai không ngoài người mẹ.

Bởi vậy, nhà thơ lớn Liên Xô, Mác-Xim-Gooc-Ki đã từng ca ngợi:

" Trời không ánh sáng hoa không nở
Dạ vắng yêu đương cảnh những sầu
Đời vắng mẹ hiền- không phụ nữ
Anh hùng thi sĩ hãy còn đâu ?"

Trong đời, tấn tuồng của những đứa con bất hiếu đã diễn ra nhiều lúc trái với đạo lý. Hỡi ai đó - dù là học thức hay ngu si đần độn thì họ có phải là vật từ trên trời rơi xuống hay dưới đất chui lên để rồi không có chút lương tâm làm người - dù là Mẹ "ANH" hay Mẹ "TUI" cũng thế cả.

Một đứa con ra đời là dòng máu hóa vào nhau chảy về cội rễ - thấm máu cha ông. "Anh" hay "Tôi" có còn là ranh giới cách biệt?

Mỗi khi nghĩ đến mẹ cha, tôi lại càng thấm thía câu ngạn ngữ của cha ông:" Nuôi con mới biết công ơn mẹ thày"!. Đúng là lời nói có tính chất tổng kết khái quát đầy ý nghĩa. Với nạn đói năm ấy, chỉ 1 kg gạo còn lại, mẹ nó chỉ dành cho đứa con đầu lòng mỗi bữa ăn chừng nửa lon, nấu trong một cái siêu bằng nắm tay, xới ra dính hết nồi niêu, còn chưa đầy đọi. Ấy thế mà mẹ nó vẫn dành trún hết

cho con, không dám thử nửa miếng. Cha đưa gạo về cũng đứng nhìn mà thôi...

*

* *

Buổi ấy cơ quan mới dời về thị xã, làm việc ở trong thành, bên cạnh Uỷ ban Hành chính tỉnh. Trước nhà là một cái hồ chữ nhật rộng và sâu 4 mét, mặt nước thường xuyên trong xanh. Trụ sở cơ quan còn làm tạm bằng tre lá, vẻn vẹn có 3 dãy nhà. Biên chế chưa đầy 30 người. Anh Lê Trọng Cự người Sơn Hoà làm Trưởng ty, anh Lê Công Tình quê ở Quảng Trị làm Trưởng phòng Ngân sách, anh Triều quê ở Quảng Trị được bộ Tài chính bổ nhiệm về làm Phó ty.

Cơ quan mới bắt đầu về ăn ở và làm việc còn tập trung, cán bộ tuy còn ít nhưng việc đóng góp và tham gia vào các đội, đoàn cải cách ruộng đất đều được chấp hành triệt để theo số lượng của trên giao.

Ở nông thôn phong trào đấu tranh chính trị dâng lên như thác lũ. Việc đi về nhà lúc này hết sức hạn chế. Chẳng phải là cấp trên cấm đoán, nhưng ai cũng lo ngại đến quan hệ gia đình hoặc bị vạ lây. Thời gian này, nhân lúc đi công tác Hương Sơn, tôi có ghé về nhà được một vài hôm nhưng cũng rất lo ngại. Mỗi lần về nhà phải đi trình diện đội trưởng hoặc đội phó cải cách ruộng đất. Họ có gật cho mới được ở nhà. Lúc này thì đúng là "Trên trời dưới đội". Tính

mạng con người đều nằm trong tay họ. Chỗ họ dựa là bần cố nông lớp dưới. Đối với tôi khi liên hệ đến quan hệ cha mẹ, anh chị em cũng xác định mình chưa phải là đối tượng đưa ra để đấu tranh. Nhưng nói chung bà con ai cũng sống trong tâm trạng lo âu, nhất là tầng lớp có quan hệ đến xã hội phong kiến thời Pháp thuộc, hoặc những gia đình có làm ăn khấm khá chút ít. Đối với những người không có quan hệ gì thì lại lo họ quy ghép vào phản động chống lại cải cách ruộng đất(!).

Bởi vì người ta tự thấy sống hôm nay chưa biết chuyện ngày mai, dù một cử chỉ, lời nói vô ý thức cũng dễ dẫn tới tai họa...

Việc đấu đá đem lại thắng lợi ra sao, gây thêm thiệt hại và tổn thất như thế nào ở quê nhà thì đã được lịch sử ghi nhận vào tiềm thức của người đương thời để truyền lại cho người đời sau nói nhỏ cho nhau nghe mà thôi !

Ở cơ quan cũng có những cuộc đấu đá nhau trong nội bộ, có người nhân cơ hội thừa gió bẻ măng,hòng ngoi đầu lên để trị thiên hạ.

Truyện ngắn " Trên trang sổ dở" phản ánh được một phần nhỏ tình tiết trong giai đoạn này. Hoặc trong đoạn bút ký "Những ngày sáng lại" đã nói lên tâm trạng của cán bộ và không khí trong chỉnh đốn tổ chức hồi đó.

Câu chuyện xảy ra đã gần 30 năm qua, Những ai đã từng sống và chứng kiến trong cảnh ngộ mới thấy được tác hại và sai lầm nghiêm trọng việc lãnh đạo và chỉ đạo tình hình thực hiện cụ thể. Chúng ta bị giáo điều sách vở và mê tín đường lối cách mạng, phản phong của Tàu hồi đó. Đó là đường lối bài phong thuộc hệ tư tưởng Mao-ít, gây thêm tổn hại đến tình cảm cách mạng Việt Nam... May sao, khi Bác Hồ còn sống, đã kịp thời phát hiện sai lầm để đứng ra nhận khuyết điểm sửa chữa...

*

* *

Bước sang năm 1956, Nhà nước đã có chính sách lương bổng. Lại một lần nữa làn sóng đấu tranh xâu xé nội bộ của người nọ đạp lên đầu của người kia để nhô lên vì địa vị và sự sống còn về quyền lợi đang giành dật nhau khá sôi nổi.

Trong đời làm cán bộ bàn giấy ai mà chẳng cảm thấy nhàn hạ trong cảnh thanh bình ngày tháng dần qua...

Chiến tranh đã kết thúc trên nửa đất nước, nhưng nước nhà chưa được thống nhất thì máu lửa vẫn còn. Đường lối cách mạng miền Bắc và cách mạng miền Nam của Trung ương đã chỉ rõ nhiệm vụ cho toàn đảng toàn dân là phải tiếp tục đấu tranh cách mạng kết hợp với vũ trang bạo lực để tiến tới thống nhất nước nhà.

Lúc này tôi ở cùng với Ngô Đức Lộc, một cán bộ miền Nam tập kết ra Bắc đầu năm 1954. Lộc quê ở Quảng Nam. Anh rời mẹ già trong tình cảnh nhớ thương vô hạn. Cho nên ngày ra đi, lòng anh cứ đinh ninh "hai năm nữa ta sẽ về". Tôi rất thông cảm đến nỗi nhớ thương của anh:

"...
Lòng mỗi ngày xót xa
Bắc- Nam chưa thống nhất
Mẹ già luôn thầm nhắc
Trên khóe mắt lệ mờ..."
(Bài thơ Tình Bắc-Nam)

Hồi mới về, anh chưa có vợ, nên sống gần nhau, tôi rất hiểu anh, anh lại trực tính. Bởi vậy, trong cơ quan thường xuất hiện một số tiêu cực thì anh hay đấu tranh, làm cho số ít người ghen ghét. Ngày anh ra đi học bổ túc công nông, tôi đã tỏ tình tâm sự:

" Cho dù mưa nắng nhạt phai
Thì nay ta vẫn thẳng người bước đi..."

Và, bước đường đi tới của anh sẽ có ngày thành đạt :

" Bạn ơi mong ước hơn gì
Khi đi hoa nở, ngày về nở hoa
Nam-Bắc chóng họp một nhà

Tình ta vẫn giữ tình ta mặn nồng
Thanh niên chí khí hùng cường
Đấu tranh la lẽ sống còn của ta
Bạn về quê mẹ năm xưa
Tìm nhau chốn cũ hẳn chưa phai lòng
Vì ai cách trở đôi đường
Cho tình lỗi hẹn, cho lòng nhớ thương...”
(Bài thơ tạm biệt)

Trong cuộc sống có khi tưởng là phẳng lặng, nhưng cơn bão lòng không ngừng bừng cháy bất kỳ ở đâu. Ở mặt trận ư ? đó là đạn bom máu xương chồng chất để cứu lấy sinh linh của giống nòi.

Nhưng rồi trên mặt trận kinh tế, người ta cứ lầm tưởng là êm đềm như dòng nước lững lờ trôi thì lại khác.

Tôi đã từng sống trong nhiều ngày tháng gay gắt.Bản chất tham lam vô đáy của những con người tự vỗ ngực “ta đây” là được mặc áo thời đại đã bộc lộ đa dạng nhiều khía cạnh để giành dật lấy phần thắng về mình trong bước đường quyền lợi và công danh, có lúc làm cho tôi choáng ngợp :

“... Bên tôi, tiếng nói cười
Như ngô rang dậy lửa
Đôi mắt tôi mở
Nhìn qua cửa

Nhói hào quang
Tự dưng tôi bàng hoàng
Nhìn trời... nhìn đất "
(Bài thơ Bên tôi)

Ở đời sự may rủi hay thắng lợi trong bước đường kinh doanh không phải là số Trời định sẵn "Thiên mệnh" mà là ở con người quyết định tất cả. Con người đã sáng tạo ra lịch sử được, thì ngược lại họ cũng có thể bóp méo được "sự thật" không phải là chuyện khó khăn. Cho nên, nếu ai cũng ngồi chờ ở sự ban bố "công bằng" thì khó mà đạt được ý muốn. Cả một thời đại - dù là ưu việt, tốt đẹp như người ta thường ca ngợi thì sức mạnh "đồng tiền, hạt gạo" vẫn còn bá chủ trong đầu óc của mỗi con người, khó tránh khỏi tham danh và địa vị.

Trong một tổ chức cơ quan, thì thủ trưởng là người quyết định tất cả.

Đành rằng trí tuệ tập thể cần được xem xét, không phải lúc nào cũng cho là sáng suốt để vội kết luận, mà phải đứng trên quan điểm nhìn nhận khoa học để minh định và duy trì sự đoàn kết trên dưới, trong ngoài êm thắm là quan trọng, đừng để cho tính cách cá nhân thiên kiến của kẻ khác và bản thân mình xâm nhập vào khi nhìn nhận, đánh giá một việc làm hay của người khác một con người không thuộc về bản chất v.v...

Trong kháng chiến lúc bấy giờ ít khi thấy xuất hiện sự đòi hỏi đãi ngộ công lao, dù là cương vị to hay nhỏ. Đến lúc hòa bình khi chế độ lương bổng ra đời, sự phân chia địa vị và quyền lợi lại nhoi lên, lấn át tất cả.

Có lẽ đã đến lúc người ta không còn ngồi tụng kinh thuyết vì…này, vì…nọ, để động viên một cách chung chung mà thực tiễn sẽ soi vào cuộc sống hơn kém, thắng bại... điều đó rất dễ hiểu :

" Đi giữa lòng đời như đi giữa lòng thuyền nghiêng
Chập chững, mon men, sợ hãi
Sóng gió, đầu gềnh, cuối bãi
Bóng theo thuyền, sóng dõi bên nhau...?"
(Bài thơ Bên tôi)

Sau hòa bình, trên nửa đất nước từ năm 1954 đến năm 1959, miền Bắc bước qua hai giai đoạn ; Hai năm khôi phục, ba năm cải tạo quan hệ sản xuất, tôi sáng tác bài thơ "Tỉnh nhỏ" vừa lúc Đài tiếng nói Việt Nam phát động cuộc thi thơ, tôi liền gửi bài đó đi dự thi. Thực ra lúc bấy giờ tôi có làm đôi thơ có tính chất tự sự nội tâm chưa có những bài mang đề tài phục vụ theo nội dung chính trị, phục vụ kịp thời những vấn đề nóng hổi... cho nên tôi thường nghĩ thơ mình làm ra nội dung và chất lượng đã đạt đến mức nào thì làm sao mà đánh giá được. Việc gửi bài thơ đi dự chỉ là bước thăm

dò thành công hay thất bại - ở đây chỉ mong đánh giá đạt yêu cầu, chưa dám mơ ước chất lượng khá.

Bài vừa gửi đi chưa được một tuần, thì tôi nhận ngay một giấy báo của đài tiếng nói Việt Nam cho biết bài sẽ đưa vào sử dụng trong giờ phát thanh thơ vào lúc 22 giờ ngày 27 tháng 12 năm 1959.

Tin này đến với tôi hết sức vui mừng, và chỉ nao nức chờ đến ngày giờ phát thanh để theo dõi cụ thể.

Sau đó ít hôm tôi gửi tiếp bài thứ hai "Bài ca dâng Đảng" để dự thi trong đêm phát thanh mừng ngày sinh nhật Đảng 3/2/1959. Và, sau đó cũng trong vòng một tuần, tôi nhận được giấy báo thứ hai của đài tiếng nói Việt Nam báo tin ngày giờ sử dụng phát thanh trong đêm mừng ngày kỷ niệm sinh nhật đảng 3/2/1959, lúc 20 giờ ngày 5/1/1960.

Với bài thơ "Tỉnh nhỏ" tôi viết rất mau le, chỉ có một buổi trưa và sau một vài đêm sửa chữa là xong. Ấy thế mà khi nghe lời giới thiệu của bài lại hay hơn mình viết. Bài thơ này do nghệ sĩ Nguyễn Thị Hồng trình bày, cứ mỗi đoạn hoặc vài ba khổ thơ có xen lời giới thiệu và ca nhạc phụ họa càng nâng chất liệu thơ thêm bay bổng hoặc lắng trầm. Cả suốt bài thơ được minh họa và phát thanh trọn vẹn.

Tiếp đến đêm phát thanh thơ "Bài ca dâng Đảng" làm cho tôi càng thêm náo nức bồi hồi. Đêm ấy, cái đêm kỷ niệm lịch sử, sau một vài lời giới thiệu của phát thanh viên mở đầu của buổi phát thanh về cuộc thi thơ thì ba bài được chọn lọc: "Bài ca dâng Đảng" của tôi, "đi qua đường Trần Phú" của một bạn ở Hà Nội và bài "Tiếng máy" của một công nhân xưởng in nào đó.

Có một điều thú vị là trong ba bài được tuyển chọn trên số mấy nghìn bài dự thi, lúc đi vào sử dụng có sự khác nhau Bài "Đi qua đường Trần Phú" được giới thiệu đầu do một phát thanh viên giọng nam trầm đọc theo lối "Độc tấu" nghe rồ rồ chứ không ngâm, không nhạc phụ họa. Bài thơ "Tiếng máy" giọng nữ ngâm có nhạc phụ họa đầu và cuối bài. Bài ca dâng đảng thì lời giới thiệu của đài - mỗi khúc, mỗi đoạn đều có nhạc đệm phụ họa theo lại được chọn đưa vào cuối buổi.

Lời thơ khắc họa vào niềm tin vào ngày mai thống nhất vang động lên không trung ngày ấy cho tới nay, đã thành sư thật :

"... Còn miền Nam bất khuất- Thành đồng
Dù cay đắng bao tầng áp bức
Vẫn tin Đảng. Vào ngày mai thống nhất
Đảng bên mình luôn nhắc nhở đấu tranh
-Phá tan đi! ôi nhục hoành hành
Đạp cái chết để dành quyền sống..."

Cách mạng tháng Tám thành công cho đến sự lãnh đạo của đảng trải qua hai cuộc kháng chiến chông thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, đã lãnh đạo nhân dân ta đi hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, lịch sử được ghi nhận :

"...
Công ơn Đảng mênh mông biển rộng
Dài hơn sông, cao hơn núi sánh sao bằng
Ba mươi năm trường chiến đấu không ngừng
Đưa Tổ quốc huy hoàng sáng lạng
Cảm ơn Đảng - Đảng là sao chói sáng
Triệu nghìn lần trong muôn triệu trái tim..."

Với hai bài thơ sáng tác lúc bấy giờ được tuyển chọn trong số mấy nghìn bài dự thi đã cổ vũ cho tôi rất nhiều trong bước đường đi vào sáng tác thơ ca. Vào thời điểm lúc đo ít nhiều có giá trị phục vụ kịp thời và nghệ thuật thể hiện cũng đã rõ.

Thời kỳ này tôi được giao nhiệm vụ về xây dung nhà máy cơ khí địa phương, sau này tên gọi "Ấp Bắc" lấy tên gọi để ghi nhận một trận đánh thắng Mỹ đầu tiên ở miền Nam dưới thời Mỹ Diệm. Lúc đầu ban kiến thiết do tỉnh chỉ định 3 người, trong đó có một công nhân tên là Khê, xưởng trưởng sửa chữa máynhà ga Chu Lễ (Hương Khê) một chủ tịch xã là anh Tuất, phụ trách công tác di

dân và đất đai, còn tôi chuyên lo tập trung thiết bị nhà cửa trong tỉnh về địa điểm mới xây dựng ở xóm Tiên Bạt, trên bờ sông Cụt phía đông thị xã, còn Khê thu lượm một số máy móc cũ ở xưởng và nguyên liệu ở nhà ga Chu Lễ, đồng thời tuyển chọn một số công nhân ở đó đưa về tổ chức xưởng mới.

Thời gian xây dựng chỉ trong vòng ba tháng, xưởng máy đã đi vào sản xuất 1 số mặt hàng phục vụ nông nghiệp. Lúc bấy giờ anh em công nhân đã quen biết, đi đâu anh em cũng nói vui gọi tôi là "Nhà thơ" chẳng phải là họ đùa đã đành, nhưng khi họ nghe đài tiếng nói Việt Nam giới thiệu và phát thanh hai bài thơ cùng một lúc trên đài, đồng thời báo Hà Tĩnh lại đăng tiếp trên mặt báo, làm cho mọi người càng quen biết thêm. Sau khi bàn giao công tác xây dựng cho xí nghiệp đi vào sản xuất, tôi viết tiếp một bài báo nhằm giới thiệu những cố gắng của tỉnh nhà trong việc xây dựng công nghiệp địa phương. Gửi báo cho trung ương lấy nhan đề "Tiếng máy bên bờ sông Cụt". Bài được toà báo sử dụng và cho đăng (Báo lao động- số 709 ngày 18 / 2/ 1960).

Xong nhiệm vu, tôi trở về ty Tài chính thì cũng là lúc tỉnh ra quyết định điều về Ủy ban Hành chính tỉnh bổ xung vào ban Công nghiệp, lúc này do anh Quách Vịnh làm trưởng ban.

Lúc mới về chưa có việc, nói là ban nhưng mới có dăm ba người, anh Vịnh bảo tôi :"chưa có công việc mấy, nhờ cậu giúp cho công

tác xây dựng cơ bản, làm cho cơ quan trụ sở mới, rồi mới tách ban, thành lập ty Công nghiệp tỉnh.

Công việc tuy mới nhưng sau ít hôm đi lại xin thiết kế bản vẽ nhà cửa ở ty Kiến trúc không được, tôi tự nghĩ - Việc này khó quái gì mà ta không làm được. Tỷ lệ ư ? thì ta học họa đồ rồi, còn đơn giá dự toán ta có thể dựa vào một bản vẽ và thiết kế nào đó mà rút ra... Tôi đi bàn với ty Kiến trúc được họ nhất trí. Thế là sau 3 tháng, trụ sở ty Công nghiệp đã xây dựng xong trên vùng đất nhà lao cũ trong thành. Điều đó tôi đã phỏng đoán trong bài thơ "Tỉnh nhỏ" sáng tác cách đó trước một năm.

" Nhà lao biến đất cồn đá sỏi
Dựng xây trường mái ngói đỏ tươi,
Quốc doanh hợp tác khắp nơi
Thành nơi bến bãi sân chơi bóng chiều..."

Xây dựng xong trụ sở ty Công nghiệp, tôi được tin Ủy ban Hành chính tỉnh định rút sang ban Kế hoạch - trực thuộc Ủy ban Hành chính tỉnh để theo dõi công tác vật tư. Tuy chỉ mới nghe qua trưởng ban Tổ chức tỉnh gặp hỏi dọc đường, nhưng đối với tôi lúc bấy giờ chẳng hăm hở gì đến việc thuyên chuyển đến cơ quan mới nữa, nên cũng khước từ.

Một hôm anh Nguyễn Trọng Thể, quê ở Cẩm Nhượng huyện Cẩm Xuyên tới trực tiếp gặp tôi và ông Quách Vịnh trưởng ty Công

nghiệp tỉnh. Lúc này anh Thể còn ở cương vị Phó chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh đồng thời là cương vị chủ nhiệm phụ trách kế hoạch vừa là thường vụ Tỉnh ủy.

Anh nói :

- Tôi sang đây đã gặp anh Vịnh, định trao đổi với anh để Uy ban ra quyết định thuyên chuyển anh về bên kế hoạch, miệng anh nói, song đôi mắt anh vẫn nhìn chếch lên phía trần nhà,và chậm rãi nói tiếp :

- Ủy ban cũng đã cân nhắc kỹ trong số cán bộ ở đây, nhằm rút ra một người có đủ năng lực và có trình độ tổng hợp để đảm nhiệm công tác này.

Tôi sang Ủy ban Hành chính tỉnh từ đầu năm 1961. Là một cơ quan Ủy ban kế hoạch nhưng biên chế mới có trên 20 người. Mỗi bộ phận chỉ có 1,2 người . Công tác nghiệp vụ còn mò mẫm, chưa mấy người được đào tạo qua trường lớp kế hoạch hóa. Song công tác kế hoạch lúc bấy giờ cũng còn đơn giản. Mỗi kỳ làm kế hoạch quí hoặc năm cũng mới tổng hợp và lên biểu được một số kế hoạch chủ yếu, chưa đi vào cân đối toàn diện.

Mãi đến sang đầu năm 1964, tôi mới được cử đi học nghiệp vụ vật tư kỹ thuật ở trung ương trên 3 tháng.

Có học được nghiệp vụ và nguyên lý kế hoạch hóa kinh tế quốc dân, nhận thức về công tác kế hoạch được mở rộng, giúp cho công tác nghiệp vụ này đi vào nề nếp.

CHƯƠNG V

Giặc trời và cướp biển

Thời tiết đã sang thu. Những ngọn gió từ biển đông tuôn vào thị xã Hà Tĩnh mỗi lúc mang theo hơi mát dịu thấm vào đất liền, lay động cành cây ngọn cỏ thức tỉnh.

Mùa hạ đã qua rồi, nhưng hơi nóng như lửa bỏng vẫn chưa chịu rời bỏ cái xứ sở quái ác cay nghiệt này - nắng hạn còn kéo dài chưa dứt.

Ngoài đường phố, chợ búa, người đi lại làm ăn bình thường. Trụ sở cơ quan vẫn người vào ra, lui tới. Chuông điện thoại thỉnh thoảng lại reo lên từng hồi gọi nhau giao dịch công việc.

Trước một đống sổ để trên bàn, tập kế hoạch vật tư năm 1964 phơi bày ra những con số kế hoạch phân phối cho từng ngành, từng huyện, đôi mắt tôi như dán vào đấy, dò xem chỗ này đến chỗ kia để rút ra những kết luận trong việc thực hiện kế hoạch quí ba, dự kiến cho điều chỉnh quí bốn.

Trước mặt, ánh mặt trời xuyên qua khung cửa sổ dọi thẳng vào đôi mắt, làm cho chiếc kính lão 0,5^{o} càng thêm choáng ngợp, mệt mỏi. Tôi nghĩ bụng : Cái tuổi 40 lại đổi kính tăng thêm độ hay sao?

Đôi chân tôi duỗi thẳng chéo dưới bàn và hai tay vươn ngả ra sau, ưỡn ngực phía trước ngáp dài như để xì bớt hơi nóng bức trong lồng ngực, với nỗi mỏi mệt, bực dọc vì những con số rối ren không biết nói, chỉ có đánh thức mới chịu dậy.

Lúc này cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam đang bước sang giai đoạn mới. Mặt trận giải phóng dân tộc đã được củng cố và tăng cường hơn trước; Chính phủ Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã ra mắt đồng bào, các hình thức đấu tranh đã kết hợp ba mũi giáp công : chính trị - vũ trang kết hợp với ngoại giao chỉa thẳng vào mặt kẻ thù là đế quốc Mỹ và bè lũ tay chân Nguyễn Văn Thiệu, Tổng thống miền Nam Việt Nam.

Vì vậy, trung tâm kế hoạch là phải thể hiện cho được tính chất hai mặt, nhằm xây dựng Xã hội Chủ nghĩa ở miền Bắc và làm hậu thuẩn cho cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam.

Một bạn ở phòng bên chạy thẳng lại trước bàn báo 1 tin mới đột ngột. Cậu ta như vẻ hãnh diện là người biết đầu tiên trong việc nghe đài đêm qua :

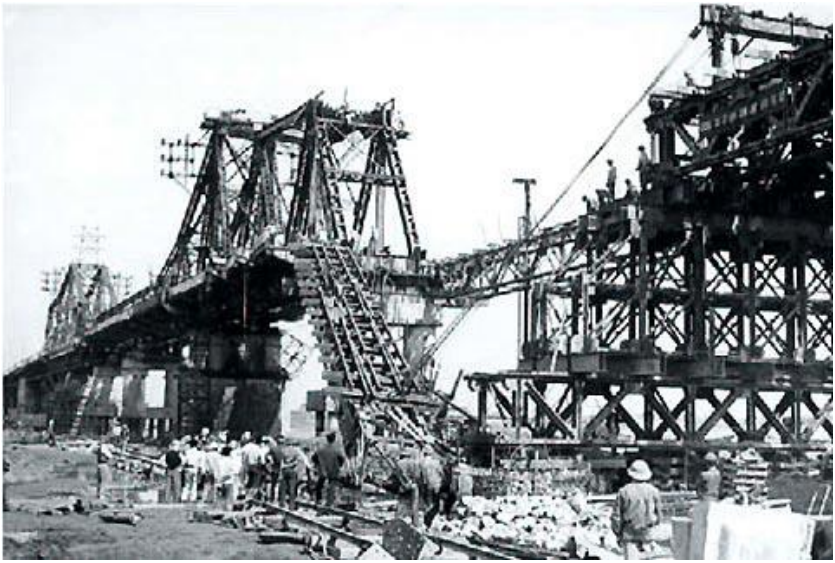

- Nguy rồi! Mỹ lại đánh ra Vịnh Bắc bộ.

- Vịnh Bắc bộ ? - Tôi hỏi.

- Đài đưa tin là sự kiện Vịnh Bắc bộ. Ngày mùng 5 tháng 6 năm 1964 vừa qua, chẳng biết chuyện gì, nhưng chắc là đánh nhau ngoài biển.

Tin này Chính phủ ta tố cáo trên đài làm cho náo động cả nước và thế giới. Đến những người xưa nay hờ hững nhất với thời cuộc, nay cũng phải dừng nghe trong các bản tin hàng ngày.

Thế là các cuộc hội nghị từ Trung ương đến địa phương cấp tốc gọi các thủ trưởng về dự họp. Xong mỗi cuộc họp, lại chia nhau về triển khai thực hiện theo Nghị quyết của cấp trên.

Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh chỉ thị cho các cấp tự vệ tỉnh các ngành chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu chống trả máy bay. Lúc bấy giờ nói cho đúng máy bay phản lực siêu âm hay con ma thần sấm gì gì nào ai đã được biết mô tê gì.

Công việc chuẩn bị hết sức khẩn trương, y như chốc nữa hay ngày mai, bom sẽ rơi lên đầu, làm cho mọi người không kịp ăn, kịp thở. Các cơ quan và nhân dân đều triển khai gấp rút hầm hào trong một lúc phải xong theo hạn định, chủ yếu là hầm cá nhân, còn hầm lớn xây đắp nổi chỉ dành cho các cơ quan đầu não.

Thị xã Hà Tĩnh là nơi bình độ thấp, so với mặt biển cao hai mét nên hầm hào phải đắp nổi theo kiểu cá nhân nhiều hơn.

Tiếp đến những ngày sau đó, đế quốc Mỹ ngang nhiên tuyên bố sẽ đánh phá trả đũa ra miền Bắc bằng không quân theo kiểu leo thang.

Hàng ngày tin tức trên Đài tiếng nói Việt Nam tố cáo kịch liệt về hành động tàn bạo của đế quốc Mỹ lúc nơi này, lúc nơi kia về thiệt hại người và của, thiêu hủy ruộng vườn làng mạc của nhân dân hết sức thảm hại...

Nối tiếp đến Thanh Hóa, Lạch Quèn, Lạch Trường đến thành Vinh, Bến Thủy,Quảng Bình đâu đâu cũng có bom đạn của Mỹ dội xuống hàng ngày.

Một số bộ đội và dân quân tự vệ các nơi đã anh dũng bắn rơi máy bay phản lực siêu âm, lập nên những kỳ tích anh hùng đầu tiên như đơn vị Nguyễn Viết Xuân ở tuyến lửa Quảng Bình.

Tin tức chiến thắng trận đầu hàng ngày đưa về làm nao nức và sôi động mọi nơi, tăng thêm khí thế chiến đấu chống trả quân thù.

Báo chí, các đài phát thanh trong và ngoài nước tranh nhau đưa tin ra rả về thành tích bắn rơi máy bay của quân dân ta hôm chỗ này, mai chỗ nọ...

Hà Tĩnh nói chung, thị xã nói riêng vẫn còn nằm trong tư thế chờ đợi, nơm nớp lo âu, đâu sẽ là nơi đẫm máu, nếm mùi bom đạn đầu tiên ; ai sẽ là đơn vị hay cá nhân lập nên kỳ tích bắn rơi máy bay đầu tiên trên mảnh đất anh hùng này ? Bao nhiêu câu hỏi hàng ngày cứ chập chờn như tỉnh như mê, hiện ra rồi bay biến đâu mất, làm cho ai nấy ăn không ngon, ngủ không yên và cứ đoán già, đoán non đâu làm trọng điểm, đâu là mũi chính diện...

Tất nhiên đối với những nhà quân sự thì họ có đầu óc quan sát thực tế hơn, mục tiêu vẫn là thị xã và Đèo Ngang trước tiên (mục tiêu quân sự).

Vào một ngày đầu tháng Giêng năm 1965, trong sáng sớm tinh mơ, bầu trời vẫn còn vẩn đục mây mù u ám, gió mùa đông bắc hun hút tràn về thấm vào da thịt lạnh buốt. Ngoài biển gió ù ù thổi làm lay

chuyển mấy tàu lá chuối và cuống đu đủ đu đưa sột soạt. Bỗng một tiếng động xé trời, y như sét nổ ngang tai, hất tung người văng ra ngoài cửa, ngơ ngơ ngác ngác. Có anh mặt mũi nhợt nhạt tái xanh như tàu lá, đôi mắt láo trông chẳng ra hồn.

Tôi bắt gặp anh Lê Trọng Cự, lúc bấy giờ là Phó chủ tịch Ủy ban kế hoạch hớt ha hớt hãi chạy đi tìm kiếm hầm, miệng lẩm bẩm nói không ra lời : "Ôi ! Chết thật ! m... máy bay phản lực ghê thiệt... b... bay nhanh như thế... thì l...am làm sao mà chạy kịp..."

Lại một lần nữa hầm hào được củng cố vững chắc thêm.

Sau đó ít hôm, các cơ quan nhận chỉ thị của Bộ chỉ huy quân sự, cấp tốc cho sơ tán tài liệu vào dân và di chuyển cơ quan ra khỏi thị xã.

Cơ quan Uy ban Kế hoạch chọn một địa điểm tại Trường Trung cấp kế hoạch bên cạnh ngã tư đường nước (giao điểm đường ống nước và đường quốc lộ 1) xem đây là nơi tạm thời di tản được (sau này nhìn lại thì quả là đầu óc các "nhà kinh tế" còn quá ấu trĩ). Câu nói của Chủ tịch Nguyễn Lự mà anh em thường nhắc lại : "Các cậu đi tạm một thời gian 15 đến 20 ngày... một thời gian rồi ta sẽ về làm việc chỗ cũ"...Và thực ra, lúc bấy giờ cũng chưa ai dung được mức độ đánh phá sẽ đi tới đâu và đến bao giờ thì kết thúc. Cơ quan dời về địa điểm mới lại phải bắt tay vào xây đắp hầm hào trước tiên. Kinh phí bỏ ra mua tre cũng khá lớn. Song ai cũng cảm thấy sự chết chóc đau thương như sắp ập tới lên đầu, bao trùm lấy xóm làng và thị xã thân yêu khó tránh khỏi. Đối với cán bộ thoát ly xa gia đình thì ngày đêm canh cánh đến vợ con ở nhà, liệu rồi có may mà bom qua, đạn khỏi trong vận hội này không ?

Ngày đêm trên các loa phát thanh công cộng, từng giờ, từng phút, Bộ chỉ huy quân sự Tỉnh thường xuyên thông báo tình hình máy bay khi gần khi xa... ngoài biển khơi, nơi nội địa...

Thế rồi một ngày cuối tháng 3, đúng vào ngày thành lập Đoàn thanh niên 26.3.1965 thị xã Hà Tĩnh phơi mình trong cơn nóng bỏng cháy sém thịt da.

Buổi trưa oi ả, không một ngọn gió, không một tiếng chim, một sự im lặng và chờ đợi. Bỗng chốc, trên các loa phóng thanh phát ra tiếng động rè, rè... Bộ chỉ huy hối hả ra thông báo : "Có máy bay xuất kích cách thị xã 70 km về phía nam Kỳ Anh... Tất cả sẵn sàng". Chưa dứt lời thì 1 tổ máy bay đã ập tới vồ lên đầu thị xã như lũ quạ. Tất cả đang ở trong cảnh hỗn loạn, bất ngờ, súng chưa kịp cầm tay, người chưa kịp chui ra hầm thì đã nghe tiếng đạn rốc-két nhả vào cụm ra-đa núi Nài đùng đoàng mang theo tia lửa xanh kéo dài từ trên máy bay phóng xuống như chiếc lưỡi thần liếm vào mục tiêu ỳ ục, khói đất bụi mù tung tóe khắp nơi.

Tiếng bom đạn bất ngờ, lúc đầu ai cũng nơm nớp lo sợ, người chui xuống hầm trốn mà mắt không dám nhìn lên. Sau dăm bảy phút mới hoàn hồn, người can đảm thì ngóc đầu lên khỏi mặt đất nhìn máy bay nhào lượn. Các đơn vị phòng không của ta nào 37, 57, 12,7 li và các loại súng khác thi nhau nhả đạn tứ tung, xa cũng bắn, gần cũng bắn. Mặc sức ai cũng mong giành giật thành tích về mình. Những thần sấm (F 105) con ma (F 4H), AD6 thi nhau vẽ vòng vòng rít gầm lên như cơn giông tố sắp đánh trời sập xuống trần gian nghe rất dữ tợn. Ấy thế mà những viên đạn chống trả của quân dân ta vẫn không ngớt tung lên như nắm thóc vãi lên trời có

thấy trúng trật sao đâu. Cuộc chiến đấu cứ diễn ra mỗi lúc một ác liệt trên mục tiêu ra-đa, trên các hầm pháo, đã gây nhiều thiệt hại và thương vong... song cũng chỉ kéo dài trong vòng hai tiếng đồng hồ thì kết thúc.

Chúng tôi trở lại vị trí làm việc thì trước trụ sở cơ quan, cách đó 50 mét, có một tổ 12,7 li bố trí trận địa trên một gò đất nghĩa địa, đang gọi nhau í ới... Tôi, Đàm, Bính, Tam bảo nhau cử Đồng là một quân nhân phục viên - nhân viên văn thư ra thăm dò trận địa, xem họ cần gì.

Cùng trong một lúc, các tổ phục vụ giải khát cũng kịp thời mang quà bánh ra khích lệ động viên bộ đội tại trận.

Đồng ra hiệu cho anh em ra giúp nạp đạn, chuẩn bị cho đợt chống trả sắp tới. Đồng chí phụ trách đơn vị cho biết hai máy nạp đạn bị hỏng, cần sự giúp đỡ của anh em. Bọn chúng tôi bắt tay ngay vào việc. Trần Trọng Bính với cương vị bí thư, Nguyễn Tiến Đàm, thư ký Công đoàn liền cử tôi lo chữa máy nạp đạn. Bởi vì thường ngày anh em thấy tôi hay sửa chữa máy móc như máy tính, máy chữ nên cũng cử bừa vậy thôi. Bản thân tôi cũng còn ngờ ngợ chưa tin vào mình có thể làm được, song anh em đã cử thì dù khó khăn mấy cũng bắt tay ngay vào việc, suy nghĩ mà làm.

Tôi hỏi một đội viên :

- Máy nạp đạn đâu?

- Dạ đây ạ! - Cậu ta đáp lại trong giọng nói hốt hoảng với hơi thở hổn hển. Cậu ta cũng là lính mới. Có lẽ lần đầu mới cầm súng đối đầu với kẻ thù nhưng không ở mũi chính diện mà đã quýnh đít lên.

- Vậy còn bộ phận gì thêm - Tôi hỏi tiếp

- Dạ, hết ạ !

- Chắc không ?

- Dạ, chắc.

Tay cầm chiếc máy nạp đạn lem lấm bùn đất mà lòng cảm thấy nơm nớp lo âu. Lo là vì chưa thấy mặt mũi nó bao giờ. Tôi bắt đầu quan sát tỉ mỉ hai lượt thì thấy thiếu mất một ròng-đèn và một lò xo, vì theo cấu tạo tự động thì phải có nó.

Tôi đánh bạo hỏi toáng lên giữa khẩu đội :

- Còn một "lòng- đèn" và một lò xo ở đâu, các cậu tìm xem, nếu không thì lắp làm sao được. Một cậu đội viên khác lúi húi ở một góc hào bên cạnh, nhặt lên 1 vật như đồng tiền, và 1 đội viên khác nhặt chiếc lò xo cách xa chỗ đứng, hắt tung bay lên khỏi đầu, reo lên phấn khởi :

- Đây rồi, chắc hắn đây rồi !

Thế là chưa đến 15 phút sau đó, tôi đã lắp xong chiếc máy thứ nhất, sau 10 phút xong chiếc thứ hai, chúng có thể thay cho hàng chục người nạp bằng tay trong 1 lúc.

Với chí hăng, lòng nhiệt tình lo làm cho được việc, không tưởng nhớ đến giờ phút giải lao của ngành dịch vụ mang tới ủng hộ cho bộ đội chiến đấu : nào bia, kẹo bánh mặc sức tiêu xài...

Sau trận đánh hôm đó, tới ngày chúng tôi được lệnh di chuyển lên Thạch Tân một vài hôm, rồi tiếp tục chuyển ra làm việc tại xã Thạch Tiến (Thạch Hà) cách thị xã 7-8 km về phía tây bắc.

Vào một buổi sáng tháng 5 (7/5/1965), lúc ánh bình minh vừa xuất hiện lóe sáng ở một góc trời phía đông, tôi cùng vài anh em được giấy triệu tập đi họp ở Ủy ban Hành chính tỉnh ở xã Thạch Thanh nằm sát đường Quốc lộ 1, sát cầu Cày. Chúng tôi đi tới nơi văn phòng ở, có anh vào đỡ rọ khoai của bà mẹ Xuân - chủ nhà ở đó - cầm vội một củ chưa kịp ăn thì đã nghe tiếng súng phòng không nổ mấy phát lụp đụp trước nhà. Mọi người vừa chạy ra khỏi nhà thì đã thấy một ngọn lửa bám lấy một chiếc máy bay, nhìn xa đã thấy ánh lửa luồn dưới bóng ngọn tre làng ngóc đầu vút lên nền trời trong xanh, nhằm hướng dãy núi phía tây lao tới. - Máy bay cháy! Máy bay cháy! Hoan hô! Hoan hô! Hình như cả huyện Thạch Hà vang lên tiếng reo hò cùng một lúc. Ngọn lửa đi theo máy bay mỗi lúc một bùng to lên, làm cho bầu trời rực lên ánh lửa đỏ. Trên

đồng ruộng, nhân dân còn cày bừa làm ăn bỗng trở nên nhốn nháo. Những chiếc phản lực khác, AD6, máy bay trực thăng từ căn cứ không quân ngoài biển vào ngay đất liền, xông vào cứu vớt giặc lái. Trâu bò còn cày bừa, lợn gà thét rống bay nhảy tứ tung, chúng mang cả cày bừa mà chạy khắp đồng hết chổ này đến chổ khác chẳng có người điều khiển nữa. Trong làng, trên đồng ruộng và đường sá, chợ búa người đi lại cũng bị hút theo ngọn lửa thần kỳ bay đi, bay đi... Trên đầu lại dày đặc nhiều kiểu máy bay, đủ loại vẽ vòng nhào lượn như bầy ong vỡ tổ... Rồi từ trên bó đuốc khổng lồ về phía rừng xanh xa xa thuộc địa phận xã Thạch Ngọc một chấm đỏ tách rời khỏi bó đuốc khổng lồ từ từ lơ lửng rơi xuống.

Tiếng reo hò lại vang lên : Hoan hố! dù…giặc lái, rồi giặc lái...

Cuộc chiến đấu giành giật mặt đất và trên không kéo dài từ 7 giờ sáng đến 7 giờ tối mới kết thúc. Cả huyện Thạch Hà và nửa huyện Can Lộc, Cẩm xuyên suốt cả ngày không ai được ăn, được nghỉ, người người ở cũng như bị găm chân tại chổ. Ngoài đồng thì họ bò sát nằm trên bờ ruộng hoặc nấp nép bụi cây; trong làng thì trên hầm dưới hầm đâu đâu cũng có người. Hôm ấy chúng tôi cùng chung vui và chia xẻ cảnh đói với đồng bào suốt ngày đến tối về cơ quan với nấu ăn. Khoảng 10 giờ đêm hôm đó, tin tức từ các xã đưa về cho hay giặc lái đã bị bắn tại chỗ vì nó kháng cự không cho ta bắt sống trên một địa điểm xã Thạch Ngọc.

Với hy vọng đồng bọn cứu thoát, khi chúng đặt chân xuống mặt đất, đã chạy ngay vào một lùm cây, dùng điện đài kêu cấp cứu. Cũng may, dân quân tự vệ địa phương đã kịp thời bịt mối điện đài bằng mấy viên đạn, làm cho máy bay đồng bọn tịt câm, không tìm được manh mối.

Có lẽ lần này nhân dân mấy vùng mới chứng kiến một ngày rực lửa trên không. Va, trước đây vài tháng cũng tại cầu Cày, đội phòng không cũng đã đánh trúng một máy bay AD6 do tên giặc lái ngụy Trần Phú Quốc bay từ phía bắc Quốc lộ 1 trở vào ngang tầm súng phòng không của ta, liền một loạt đạn đón đầu bã trúng ngay, rơi tại chỗ tại xã Thạch Trung cách cầu 1,5 km. Tính ra trong cuộc chiến tranh chống trả máy bay Mỹ tại cầu Cày trên đường quốc lộ cách thị xã Hà Tĩnh 5 km, các đơn vị phòng không của ta đã lập được nhiều chiến công bắn rơi và bắn bị thương nhiều máy bay Mỹ, đã nâng số máy bay bị đánh trúng và bị thương trên 300 chiếc.

Lúc đầu máy bay chỉ hoạt động ban ngày, ban đêm chúng ta còn có chỗ trống đi lại, hoạt động, đèn đuốc, xe cộ vận chuyển hàng vào mặt trận, nhưng rồi mức độ đánh phá lại chuyển cả sang đêm, từ đầu hôm tới sáng không khi nào ngớt tiếng máy bay. Trong chiến tranh chống Pháp, địch thua ta về mặt chủ động sinh hoạt ban đêm, đi lại đèn đuốc, vận chuyển tự do. Nhưng nay chiến tranh với Mỹ, ác liệt hơn như đánh bom tọa độ, đánh ánh đèn dưới xe và cả những ánh lửa trong xóm làng rất chính xác, đối với những trọng

điểm giao thông, chúng thả pháo sáng hàng loạt treo lơ lửng hàng giờ trên không, sáng đến mức chiếc kim may ở dưới cũng thấy rõ.

Tôi còn nhớ ngày đầu đi về đêm dọc đường quốc lộ, khi qua đò cầu Già, chân vừa bước lên khỏi đò thì máy bay thả pháo sáng, mức độ sáng như giữa trưa đứng bóng mùa hạ. Nhưng rồi không thấy mục tiêu phà, xe, chúng lại bỏ đi.

Cuộc chiến tranh phá hoại đã kéo dài hết năm 1965 sang đầu năm 1966, cơ quan lại di chuyển sơ tán lần thứ ba ra Can Lộc về xã Quang Lộc cách thị xã trên 20 km về phía tây bắc, kề sát nách ngã ba Đồng Lộc. Ngã ba ấy lúc bấy giờ chưa thực sự đi vào lịch sử. Một ngã ba như trăm nghìn ngã ba khác ở trên một chặng đường vào eo núi thuộc hai xã Trung Lộc và Mỹ Lộc kề cận xã Quang Lộc.Đường chia làm 3 nhánh : một hướng đi theo tuyến tiếp giáp đường tỉnh lộ 3 - Thị xã -Hương Khê rồi cắt ngang đi vào đường 1 (Đường khai thông trong chiến tranh) vào Quảng Bình dọc theo đường rừng vào mặt trận phía Nam theo tuyến đường Trường Sơn; một tuyến đi trở ra Vinh giáp Quốc lộ 8 tại Linh Cảm, hoặc cùng tuyến đó đi qua phà sang Nam Đàn, Nghệ An; cũng có thể theo Đường 8 trở về Bãi Vọt theo quốc lộ ra Bến thủy...

Cơ quan dời về xóm Yên Thắng vào đầu năm 1966. Nhân dân ở đây sống rất lam lũ. Nhân dân với can bộ có nhiều tình cảm gắn bó. Tôi ở vào nhà hai ông bà già. Bà hết tuổi lao động, ông hơn 60 tuổi

vẫn còn làm đội trưởng lao động sản xuất, còn hai cô gái như chiếc thùng phuy (thùng đựng xăng dầu), hễ ngủ thì người chị ngáy khò khò như bò chọc tiết, còn một chị dâu tên là Minh và ba đứa con, chị Minh thì người gầy nhằng như con chàng hưu. Song tất cả những thứ đó lúc đầu mới tới ở cũng khó chịu, sau quen dần. Bà con ở đây ăn uống hết sức khổ cực. Những bữa ăn ít khi có thịt cá trên mâm cơm, sang lắm thì dăm ba phiên chợ mới có chút mắm ướp dưới biển mang lên... Song về lương thực thóc gạo, khoai thì họ bình ổn hơn nơi khác. Bởi vậy những bữa ăn sáng cơm hoặc khoai bao giờ cố Nhuận cũng chia một phần cho cán bộ như trong gia đình. Chúng tôi ở đó gần một năm trong tình thế mức độ đã ác liệt- song ngã ba Đồng Lộc đêm đêm xe cộ đi lại chưa đến nỗi gay go. Chúng tôi đi công tác hoặc đi về quê vẫn thường qua lại đường này.

Một hôm, tôi về Thạch Thanh - cho cơ quan Ủy ban Hành chính sơ tán để dự họp, gặp bác Thừa Cầu (Thừa phái lúc trước nay quen gọi) người Sơn Long còn làm văn thư hành chính Ủy ban. Bác làm thừa phái lúc Pháp thuộc. Học hành thông minh, đậu "đíp lôm" nhưng có tính hay lãng quên, ấy là lúc trai trẻ nghe nói bị si tình với ai đó, nên sang tuổi về già sinh ra đãng trí. Hễ ai dặn gì thì lấy sổ ghi.

Vừa sáng tinh mơ, tôi trên xe bước xuống khỏi kênh mương thủy lợi qua xã Thạch Thanh, bác vội vàng cầm tay lắc mạnh báo tin :

"Cách đây ba, bốn hôm ở Đức Ân nhà cậu - bác thường gọi tôi bằng cậu chẳng biết dây mơ rễ má gì về đằng họ Phạm bên ngoại hay là gọi thay cho anh rể tôi là Phạm Văn Táo người cùng họ - đã bị một trận bom, thiệt hại như thế nào không rõ. Tin bom đạn trút xuống xóm làng đến với tôi toáng đóm cả mắt. Tôi hỏi lại :

- Thật à ?

- Chính tôi cầm ống nghe điện thoại nhận tin của Ủy ban Hành chính huyện Đức Thọ báo cáo lên Ủy ban mà lại. Thế là cuộc họp ở Ủy ban tôi ngồi nghe như người mất hồn, nghĩ đâu đâu, thuyết trình viên nói gì, chẳng còn nghe rõ nữa...

Tôi hình dung lại tình hình thế khẳng định là có thật. Bởi vì nơi quê nhà cũng có thể là mục tiêu bị lộ do nhà máy cưa Bến Thủy sơ tán về đó, hoặc chúng đánh phá dọc bờ sông theo tuyến vận tải, mà cách đây 3, 4 hôm tôi ở nhà ra đi đã có một vụ xảy ra ở xóm kề bến đò Ghềnh Tàng xã Sơn Long. Đêm ấy vào ngày 5/9/1966, máy bay cùng lướt qua vòng lượn trên đầu, pháo sáng treo lơ lửng về xuôi, khi máy bay gầm rít qua đầu, đã gây tiếng động át tiếng bom nổ, đến khoảng 4 giờ sáng tôi ở nhà ra đi xuống bến đò trên, tự nhiên con đường mòn ra sông bị mấy ngọn tre chắn lối. Tôi mắng khẻ trong người, cho là bọn ác ý làm cản trở giao thông. Lúc đến bến đò thì người chèo đò chận hỏi đột ngột :

- Trên đó chết mấy người ?

- Ai chết ? - Tôi hỏi lại.

- Anh ở đâu mà không biết bom nổ đêm qua trên đó hay sao ?

Thấy tôi ngơ ngác, ông già chỉ tay bảo tiếp :

- Chỗ anh vừa đi qua đó tề.

Lúc đó, tôi trong bụng bảo dạ thế nào chúng cũng không từ đánh phá dọc bờ sông lên phía chúng ta.

Song tôi hơi yên tâm vì chiếc hầm chìm vừa làm xong từ hôm trước. Dưới đó, tôi đã ngăn cách bằng những lớp phên nứa và có bỏ chiếc chọng con cho mấy thằng nhóc ngồi chơi khi có máy bay hoạt động.

Có chiếc hầm trước sân không phải là do lệnh của xã đội hay ai thúc bách, nhưng trong công tác chuyên môn của tôi, là người trực tiếp giao dịch nhiều đầu mối ở xa gần. Câu chuyện đầu tiên khi gặp nhau là họ thường thông báo tình hình mức độ đánh phá của Mỹ trong và ngoài tỉnh. Một anh ở Quảng Bình ra liên hệ xin vật tư nói với tôi :

- Trong ấy nó đánh phá ác liệt lắm, nhà cửa cháy trụi, không còn một mảnh đọi để ăn.Vậy nơi hầm hào không tốt thì người chết nhiều. Tôi hỏi lại :

- Như thế nào là tốt ?

Anh ta ngập ngừng một tý rồi kể tiếp :

Hầm tốt có nghĩa là làm chắc chắn, tốt hơn hết là hầm "Triều Tiên" hay hầm chìm có che chắn sạch sẽ ở ngay dưới lòng đất.

Tôi về làm ngay trong hai ngày xong một cái hầm, bà con làng xóm thấy tôi làm họ còn cười và bảo :

- Có dư hơi mà làm cho mệt xác ! Chúng nó đánh phá ở đâu đâu, chứ ở ta làm gì có chuyện...

Song khi đã có ý nghĩ và hành động, tôi cũng cười và nói lại :

- Các cậu ở nhà làm khi nào cũng được, chứ tớ thì đi công tác vắng, bom đạn có chờ cho mình làm xong hầm mới bắn phá hay sao ?

*

* *

Ở cuộc họp ra về, tôi báo cáo nội dung với lãnh đạo và bàn giao công việc cho anh em trong phòng xong, sáng hôm sau ra về sớm vào lúc 4 giờ sáng theo con đường giao liên, tránh các trục đường chính nguy hiểm.

Bước chân về đến nhà vắng tanh, chạy lên nhà hai bác, chỉ còn hai bác trai giữ nhà. Thì ra, hôm trước ngày 6/9/1966, máy bay đã

đánh ban đêm lúc 8 giờ tối. Một vệt bom bi rắc từ bến đò làng bên qua xóm tôi ở (xóm Bòng) cùng với dãy pháo sáng treo lơ lửng như ban ngày. Một quả bom mẹ tung ra, có mấy quả rơi gần chuồng bò kề cạnh sân, lúc đó bốn mẹ con và chú công nhân nhà máy cưa thoát khỏi. Riêng thằng nhóc Thơ nghịch ngợm nhất thì lại đi chơi dưới bà ngoại. Còn lại bốn mẹ con thì thằng thứ hai "cu Kỳ" chạy nấp với hầm chú Tam, ba mẹ con xuống hầm nhà, lúc mẹ con vừa chui xuống miệng hầm thì bom nổ đằng sau. Mãi sau đó người ta mới khẳng định là nhờ có hai hầm để phân tán chui xuống kịp thời, chậm chút nữa, không tránh khỏi nguy hiểm, lại cũng may là một con đi vắng nên nó tránh cũng nhanh.

Kể lại chuyện bom đạn lúc ấy cũng bật cười. Máy bay lướt qua rắc pháo sáng trên đầu, ấy vậy mà bà con ta vẫn chạy đi, chạy lại, chạy vào, chạy ra lúng ta, lúng túng, nép đâu cũng thay sáng, ai cũng cho là máy bay đã thấy mình. Song rồi không nơi nào ổn hơn lại chạy về chỗ cũ, yên chí chui vào hầm. May sao chiều hôm có Đảng ủy và Ban giám đốc nhà máy đã kịp thời ra lệnh cho các gia đình và công nhân nhà máy cấp tốc làm hầm xong trong buổi chiều. Đối với những gia đình có công nhân ở thì nhà máy cho lấy gỗ bìa lắp mà làm, nên gia đình tôi có được hai hầm, không xảy ra tai họa. Thiệt hại của gia đình chỉ một con bò và ít đồ dùng, còn xóm làng hai bà cháu cố Tý chết và cháu sau của bác thứ hai bị thương nhẹ.

Ngay từ tối hôm đó, bà con cả xóm vứt bỏ nhà cửa, của cải, bò, me, lợn, gà rồi tản ra nằm nép ngoài đồng ruộng suốt đêm, có người chạy tản xa vào các chân núi rồi nằm lăn lóc ở đó. Mãi đến 4, 5 hôm sau, lúc tôi về chưa mấy người lui tới nhà mình để thu dọn đồ đạc vào nơi sơ tán.

Tình hình bom đạn đã gây nên cuồng loạn trong đầu óc mọi người chưa tìm ra phương hướng để xác định nơi ăn chốn ở và lao động sản xuất...

Tôi về nhà trong tình thế hết sức phức tạp gay go đó. Buổi đầu ở nhà một mình đêm đêm nằm suy nghĩ miên man, cứ đến buổi vào ăn cơm nơi sơ tán nhà bác, lại về nhà nằm tính toán đi sơ tán hay trở về nhà làm ăn như cũ. Mà đâu có phải do mình định đoạt được. Bà con xóm làng người ta đã dựng lều, tháo nhà vào nơi sơ tán trong núi. Vậy thì vợ con mình có chịu ở lại chỗ cũ không ? Đêm đêm, khi một mình nằm trên chiếc nôi đu đưa giữa nhà ít khi chợp mắt được trọn buổi. Xóm làng vắng tanh không tiếng chó sủa, không gà gáy, chim chóc cũng hình như bay biến đâu mất. Chỉ một mình tôi nằm trăn trở mãi đêm khuya. Tiếng võng đưa kèo kẹt nơi hạ nhà như tiếng mọt gặm vào xương thấm đâu nhức nhối. Đi à ? cái gì đã xảy ra phức tạp ? Sản xuất đồng ruộng, chăn nuôi có gì khó khăn trở ngại ? Ở lại có được lâu dài hay là một mai khó tránh khỏi sắt thép dội vào lưng thì sao ? Cái quí nhất trên đời là gia đình rồi mới hình thành xã hội. Nếu vì xã hội mà ta bỏ gia đình làm ăn

không ổn định thì lại càng vô trách nhiệm. Tiếng máy bay lại rú lên lúc gần, lúc xa, có khi lướt qua đầu làm rung chuyển ngọn cây, mái cọ gây thành luồng gió thổi rào rào. Bao nhiêu ý nghĩ miên man lại tan biến vào không trung. Bấy giờ đã đến đêm thứ ba, cái day dứt trong người vẫn là phương hướng giải quyết vấn đề là ở chỗ nào. Thôi ngủ đi ư ? lỡ quên không có người gọi mà chạy ra hầm thì nguy. Thỉnh thoảng, tôi lại cất lên tiếng gọi thì hai bác lại có tiếng trả lời "có tao đây!".

- Chưa ngủ à ? Tôi hỏi bâng quơ

- Ngủ sao được - có tiếng bác trả lời.

Thế rồi tôi mới nghĩ ngay đến tính chất thâm hiểm và độc ác của cuộc chiến tranh phá hoại là làm cho ta kiệt quệ tiềm lực kinh tế ở miền Bắc, không cho chúng ta chi viện sức người và sức của ra tiền tuyến. Muốn vậy, chúng phải đánh vào các mục tiêu quân sự, nhà máy, nông trường, cầu đường giao thông v.v... Hơn nữa, nơi mình ở cũng là trục giao thông đường thủy lên Hương Khê vào phía nam, làm sao chúng có thể bỏ qua mà không dòm ngó tới. Nhà lại sát bờ sông. Ôi ! quả là nguy hiểm đến nơi. Thôi trước sau cũng phải liệu bài tháo đi nơi khác. Nói là sơ tán, nhưng đối với làng mình thì đồng ruộng và dân có đủ đi đâu cũng khó rời nhau. Bởi vì phía trước là sông sau làng là cánh ruộng bậc thang nép mình bên dãy núi thấp thoải như sóng gợn và có ngọn cao nhô lên trời so với

bình độ mặt biển 400 mét, dân làng quen gọi là rú Nậy (to) hoặc rú Mồng gà (hình như mồng gà nhô ra phía trước) làng ở như một hòn đảo nổi, trước sông sau hói bao quanh.

Sáng hôm sau, tôi dậy sớm đi vào nơi sơ tán - chỗ người bác thứ Năm vào ở trong vườn tại của ông bà từ năm 1964, mới quyết định tìm nơi sơ tán, có người bảo tôi : "Cần phải di dân làm gì, cứ ở vậy với bốn anh em chung một miếng vườn cũng đủ". Riêng tôi thì nghĩ khác.

Bác Hồ đã tuyên bố với Giôn-xơn, tổng thống Mỹ và thế giới rằng : "Cuộc chiến tranh dù phải kéo dài 5 năm hay 10 năm, 20 năm hoặc hơn nữa, cuối cùng nhân dân Việt Nam nhất định sẽ thắng... Đến ngày đó nhân dân ta sẽ xây dựng đàng hoàng hơn, to đẹp hơn".

Vậy thì sơ tán nhưng phải tính đến lâu dài, nếu còn phải ở lâu hơn thì lúc đó mình đã có cơ sở lập nghiệp lâu dài sau này. Mảnh đất đồi mà ngày nay đang ở là một khoảng núi cây cỏ sim mua, sườn núi bày sườn sỏi đá với đôi ba vạt bổi (cây tiến) còi cọc. Hai cha con cầm dao cuốc đi nhắm nhe đi, nhắm nhe lại bởi ở đó có nhiều ngôi mộ, lại vừa mới chôn thêm hai ngôi mộ mới của bà cháu cố Tý cách đây mấy hôm còn sờ sờ ra đó. Cuối cùng phát một vùng bằng cái sân chổ cây dừa ngày nay. Ngày hôm sau, dựng tạm cái lều vừa đủ đặt cái giường và cái bàn cho con ngồi học. Ấy thế mà cái chết và sự sống nào có cách xa ? Mỗi lần nghĩ đến người chết nằm cạnh

đó thì quả là gan góc lì lợm mới dám cắm lều ở đó. Phải chăng vì sự sống mà quên sợ cái chết... Trong ý đồ của lâu dài là đợi dăm bảy tháng sau, hơi hám nhẹ bớt, nhích lên một bậc trên, tháo nhà lớn vào xây dựng lên, định cư lập nghiệp cho đến ngày nay. Hồi ấy khi đưa nhà vào khoảng tháng 3 năm 1967.

Ngày nay làng xóm đã được tản xa ra dày đặc dưới chân núi, ấy là trải qua những cuộc ném bom của máy bay Mỹ tạo nên; ngày 26 tháng 3 năm 1965, 31 tháng 12 năm 1968, tháng 3 năm 1972 và 31 tháng 12 năm 1972, những mốc thời gian cũng là dấu ấn lịch sử di tản dân cư của bà con ta lên đồi.

Thời gian ở Yên Thắng 1 năm, cơ quan lại phải dời ra Yên Cư một xóm nhỏ nép gọn trong hẻm núi liền dãy với dãy núi ngã ba Đồng Lộc. Cuộc chiến tranh đã bước sang năm thứ ba, mức độ đánh phá ngày càng gia tăng ác liệt. Ngày ngày trên các tuyến đường giao thông các làng mạc ở các vùng lân cận trong tỉnh không ngớt tiếng bom rơi đạn nổ đì đùng. Có thể nói không giờ phút nào là không có người chết. Tuy vậy, mọi công việc làm ăn, đồng áng, đi lại đến các cơ quan, xí nghiệp vẫn dồn sức vào thế trận sản xuất đều đặn, bình thường hóa...

Bước sang năm 1968, sau cái Tết Mậu Thân, do ta đánh mạnh vào các đô thị miền Nam, địch như con thú bị đòn bất ngờ nên lại càng

hung hăng giẫy dụa; chúng tôi nhiều lần bị bom đạn đấm lưng dọc đường hay chỗ cơ quan làm việc.

Ở đời, nói về may rủi hay số hệ cũng khó giải thích. Có lần chúng ném bom vào nơi làm việc thì nhà bên cạnh một người bị thương và một cán bộ trong phòng tôi bị chết, anh ta tên là Hoàn người Thanh Hóa, làm đại đội trưởng vừa chuyển ngành được mấy tháng; lần khác bom nổ kề sau nhà, đất đá bắn tung tóe đánh sập mái nhà tôi ở và bàn ghế gãy chỏng chơ... Nhưng người lại còn đi nơi khác... Có lẽ thời kỳ căng nhất là cuối năm 1968. Biết bao lần trên đường đi công tác Hà Nội, qua bao nhiêu cầu phà bị pháo sáng dọc đường giữa sự sống và cái chết rất mong manh.

Lúc bấy giờ ở bàn hội nghị Pa-ri giữa ta và địch còn ở thế giằng co nhau về bàn thắng. Địch dùng mọi thủ đoạn về sức mạnh vũ khí đe dọa ta, còn ta cũng rán lên chịu đựng và đánh mạnh ở các chiến trường miền Nam. Tôi còn nhớ lúc bấy giờ trong đầu óc cán bộ và nhân dân lại căng thẳng đến thế. Người ta theo dõi tin tức qua đài BBC và Hoa Kỳ tính từng giờ : 24 tiếng, 12 tiếng rồi 8 tiếng chờ xem tổng thống Giôn-xơn sẽ đọc một bài diễn văn quan trọng... Nội dung những gì thì bình luận viên các đài trên cũng đoán già, đoán non, mập mờ có thể là ngừng bắn và cũng có thể tiếp tục đánh phá ác liệt hơn v.v... Cứ mỗi ngày sau khi ăn cơm tối xong (ăn từ lúc chưa tối) mọi người đều lo chăn chiếu vào hầm nằm. Đã gần đến mốc giờ phát thanh của đài Hoa Kỳ rồi, vào khoảng 5 giờ chiều

ngày 30 tháng 12 năm 1968 mấy tốp máy bay vẫn tới lượn quanh mấy vòng để thả bom xuống ngã ba Đồng Lộc. Ai cũng tự hỏi: Quái lạ ! Như vậy là thế nào ? Chỉ còn một tiếng đồng hồ nữa mà máy bay vẫn còn đi đánh phá như vậy. Khi chúng tôi ngồi nghe tin tức qua đài phát thanh BBC Luân Đôn thì lập tức nghe tin Tổng thống Mỹ đã hạ lệnh ngừng đánh phá miền Bắc Việt Nam từ 0 giờ ngày 31 tháng 12 năm 1968. Và cũng từ đó chúng tôi chạy đi báo tin trên cho các gia đình mình ở. Lúc đó họ còn nằm dưới hầm họ vừa run vừa đánh tiếng hỏi :

- Có thật không chú ?

- Thật đấy, đài chúng tuyên bố mà lại !

Có bà con thở dài và chưa tin :

- Dầu chúng nó có tuyên bố gì đó cũng chỉ đánh lừa ta thôi. Chúng tôi không tin vào chúng được.

Mãi đến 10 giờ đêm hôm đó, qua đài tiếng nói Việt Nam đưa tin bà con vẫn có người chưa dám chui ra khỏi hầm. Họ vẫn chưa tin.

Có thể nói đây là cái mốc thắng lợi bước đầu của ta đã dành được thực tế trên chiến trường, buộc địch phải tạm thời lùi bước để đàm phán. Sau hơn hai năm ở thủ đô Pa-ri, đại diện chính phủ ta

và đại diện chính phủ Mỹ ngồi vào bàn tròn cãi nhau về thế trận chưa ngã ngũ thì sang đầu năm 1972, chiến tranh bằng không quân lại bùng nổ trở lại. Người ta cũng dự đoán được mức độ đánh phá lần này nhất định sẽ ác liệt và thâm hiểm hơn lần trước. Đó cũng là điều tất yếu. Địch sẽ có những mưu kế mới. Chúng phải ngừng bắn để củng cố lại lực lượng, rút kinh nghiệm chiến tranh, trang bị lại vũ khí...vv.

Các cơ quan tỉnh, huyện đã về lại làm việc ở các làng phụ cận thị xã được ba năm. Trong không khí hòa bình trong thời gian ba năm cuộc sống của nhân dân và cán bộ không còn bom đạn ngày đêm ùng oàng bên tai. Không khí yên vui bao trùm lấy làng mạc nhưng không giờ phút nào lại quên cảnh giác địch. Những cổ súng phòng không vẫn không rời vị trí chiến đấu. Dân quân ra về ở các vùng xung yếu sát cánh bộ đội tập luyện hàng ngày.

Các cơ quan về lại làm chưa ổn định thì khoảng tháng ba năm 1972, máy bay Mỹ lại đánh phá trở lại miền Bắc.các mục tiêu ở thị xã Hà Tĩnh và cầu đường lượt đón nhận bom đạn Mỹ.

Cơ quan chúng tôi ra lại gần Can Lộc ở vào xã Thạch Liên kề quốc lộ, sát cầu Già.

Quả thật mức độ đánh phá lần này không hạn chế ở một số tỉnh khu 4 cũ, chiến tranh đã leo thang ra các tỉnh trên miền Bắc. Các tỉnh từ Thanh Hóa trở ra thì mức độ đánh phá nhằm vào các mục

tiêu quan trọng như cầu đường, nhà máy, cảng... còn đối với những vùng từ Thanh Hóa trở vào thì mức độ đánh phá tràn lan từ mục tiêu quan trọng đến các xóm làng không bỏ sót một nơi nào lại không có dấu vết bom đạn Mỹ. Ngã ba Đồng Lộc lúc này đã trở thành một cái túi lớn ngày đêm đón bắt bom đạn Mỹ vứt bỏ vào đây hàng trăm tấn. Và cũng từ ngã ba này, qua những chiến tích của chiến sỹ và nhân dân ta chống trả lại, đào đắp đường kịp thời cho các chuyến thông xe đưa hàng trăm nghìn tấn hàng chi viện cho mặt trận phía nam đã viết nên những chiến công rạng rỡ. Những con người thường ngày giản dị hiền lành nhưng trong chiến đấu với bom đạn họ đã trở nên những anh hùng như 10 cô gái Đồng Lộc, La Thị Tám...vv.

Cuối năm 1972 cuộc chiến đánh phá của Mỹ đã leo lên đỉnh cao của nó. Ở vùng cửa ngõ của miền Bắc giáp tuyến vào nam, đêm đêm những chiếc B.52 lẻn ra rải thảm trên các trục đường giao thông và dân cư đông đúc. Không lực Hoa kỳ rán hơi, rán sức ép Chính phủ ta nhượng bộ bàn thắng ở cuộc hội nghị đàm phán tại Pa-ri. Các điểm lửa trên các trục đường giao thông Nghệ an- Hà Tĩnh phải nghiêng lưng chịu bom đạn Mỹ.

Ngày 17/12/1972, tôi cùng một số anh em đi dự họp ở Hà Nội, đi đầu hôm đêm ngày 16 tháng 12 nghỉ lại dọc đường, tránh đi ban ngày, sáng 17 tháng 12 tới cơ quan Ủy ban Kế hoạch Nhà nước ở

số 6 đường Hoàng Diệu. Ở đây đêm trước, Hà Nội rền vang tiếng bom B.52 tại khu vực An Dương, phố Khâm Thiên v.v...

Anh em cán bộ chẳng có mấy người ngồi lại và bàn làm việc, từ cấp lãnh đạo đến chuyên môn nghiệp vụ ở lại chỉ có tính cách trực, còn số đông đã sơ tán về Sơn Tây ở vào cơ sở Bình Đà. Mấy hôm sau chúng tôi đánh xe lên đó làm việc.

Nhớ lại đêm đầu tiên ở lại Hà Nội tại số nhà 14 Hoàng Hoa Thám vẻn vẹn có mấy người khách đằng xa, đêm đến phố xá Hà Nội vắng vẻ, nhân dân như đàn bà, trẻ em đều sơ tán đi nơi khác từ lúc 6 giờ tối. Chúng tôi 4-5 anh em không có hầm trú ẩn, đã phải chạy ra đường cái ngồi nép bên các góc cây dọc đườngvới đôi mắt nhìn lên màn đêm, theo dõi ánh lửa của súng phòng không ta bắn lên đụp đụp ở tầng cao như ngô đậy úp vung.

Ngày 25/12/1972, lợi dụng ngày lễ Nô-el, xe chúng tôi trở về cơ quan trong một ngày an toàn.

Và sau đó ít hôm cũng là ngày mà trên bầu trời miền Bắc ta sạch bóng máy bay Mỹ.

CHƯƠNG VI

Trên mảnh đất này

(Thay phần kết luận)

Cuộc đời tôi chỉ có thế - Thanh bạch, trần trụi, trọn đời với cuộc sống "vô tai lặng tiếng". Trên 40 năm thoát ly công tác đây đó trước và sau cách mạng, chưa làm được trò trống gì trong xã hội, điều mà ngày nay tôi lại nhớ đến mấy vần thơ của một thi sĩ nào đó xưa kia :

"... Tôi đi khắp đó đây góc biển chân trời,
Nhưng ngán nỗi "hữu tài" vô dụng;
Tôi càng dấn bước càng thất vọng,
Ngoảnh cổ - Chừng như giấu mộng say mê
- Rằng xa xăm nhắn nhủ khách về,
Đường lãng mạn không hề đưa đón nữa..."

Bước đường tôi đi không may mắn, lại sống trong một mảnh đất quê hương nghèo đói từ trước cách mạng, hoàn cảnh gia đình và lịch sử của quê cha đất tổ cũng chịu ảnh hưởng của nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu ràng buộc từ bao đời, đã không đưa lại chút vốn kiến thức rộng hơn người khác, cũng như con em xóm làng cùng lâm và cảnh số phận chung.

Nền học vấn cũ xưa kia, nghe cha ông ta kể lại thì cũng đã có bốn Trạng nguyên họ TRẦN về đời Trần Dụ Tôn, Trần Nghệ Tôn, Trần Duệ Tôn - Đất trước kia phát trạng mà ngày nay con cháu Cố Giao còn lưu lại gia phổ và mồ mả, đất đai mang tên quan trạng.

Và, ngày nay còn câu chuyện tương truyền "... Vào từ thuở xa xưa không rõ thời nào, có một thầy Tú - đậu tú tài thời đó - nhân trong một ngày hội làng đã xảy ra chuyện xích mích giữa quan Võ và quan Văn về quyền lợi nhỏ nhen trong chức sắc (*) "Trâu cột thì ghét trâu ăn, quan võ thì ghét quan văn dài quần..."

Một hôm, nhân việc làng cúng tế thường năm, các quan võ lập mưu sai phái người hầu cận (seo) bỏ vào tráp quan văn một bộ phận trong lòng gà. Trong khi hành lễ, quan văn xướng lễ điểm tiết mục "củ soát lễ vật", người kiểm soát mâm cỗ thấy hiện vật thiếu một bộ phận, không đồng bộ liền cho soát xét vật dụng các quan mang theo. Không may cho thầy Tú chịu cảnh oan trái này.

Sau buổi lễ, thầy Tú tức chí liền lấy hương đứng ra trước sân đình khấn vái thề nguyền nỗi oan ức với giang sơn rồi bỏ làng ra đi. Và, chẳng ai biết đi đâu. Thời gian năm tháng chồng chất mãi thêm lên...

... Một hôm, người ta thấy một chiếc quan tài sơn son đặt trên một chiếc bè chuối tống về xuôi, trên đó có thẻ ghi rõ tên tuổi, quê quán người bị chết. Đó là thầy Tú lên Hương Khê ẩn dật dạy học và căn dặn học sinh khi qua đời, học sinh phải làm theo lời thầy dặn. Khi quan tài thầy Tú về đến gành Trộ Đó- bến Vụng. trôi quanh quẩn mãi, dân làng cũng ít người thông nho, cho là xác ma trôi dạt rồi những người chức sắc trong làng cho người đẩy tống về xuôi. Chiếc quan tài "xấu số" với chiếc bè chuối nổi mang nhau quay trở xuôi dòng...Cho đến khi về đất Châu Phong (Tùng Ảnh), chiếc bè cứ lừ đừ quanh quẩn bên bờ, nhân có một cụ Đồ nho đi vệ sinh và xuống tắm bên bờ sông, liếc mắt nhìn qua lại chiếc thẻ cắm trên quan tài với những dòng chữ và nén hương tàn, tự dưng trong lòng cụ đồ dấy lên niềm cảm kích và lập tức về báo với các chức sắc và dân làng để vớt thi hài lên bờ và lo việc mai táng chu tất. Sau đó ông đồ có hai con thi đậu Tiến sỹ đồng khoa..."

Mãi đến đời sau, các cụ thường truyền miệng là miếng đất quê cha đất tổ phát văn nhưng vì "xấu bụng" nên đã quay trở về đất Châu Phong thừa hưởng. Kể từ mấy đời lại nay, ở đó, nhân dân có nhiều người học hành đậu đạt cao và làm quan trong các triều đại.

Trên mảnh đất làng Ân Phú ngày nay đã hình thành làng mạc dân cư từ thuở nào, và câu chuyện tương truyền trên đây hư thực ra sao thì các chứng tích còn lại cũng có thể tin là câu chuyện có thật. Nếu căn cứ theo thư tịch và Gia phả họ Sử ở Đức Thuận và Đức Phúc (Ngọc Sơn) mà tôi được xem qua tờ trình xin UBND huyện Đức Thọ xây dựng lại nhà thờ họ Sử bởi có hai nhân vật quan trọng đã có công trong thời đại trước (Văn-Sử học) thì vào cuối thế kỷ 14 (1377) họ này phát văn, có hai ông Trạng; một tên là Sử Hy Nhan, đã có nhiều công tích trong các triều đình đương thời và làm quan to. (*)

Thuở ấy quân nhà Minh còn chiếm nước ta, đóng quân trên Rú Thành mà ta gọi là thành Lục Niên-(thành tồn tại 6 năm) do Trương Phụ là tướng nhà Minh đóng giữ. Trương Phụ có chính sách chiêu hiền đãi sỹ, tìm người tài giỏi giúp việc. Biết được việc đó, Sử Hy Nhan không thèm tiếp tay với giặc, liền rời bỏ quê nhà lên mạn ngược chiêu dân lập ấp vùng thượng nguồn tả ngạn sông Ngàn Sâu, đóng lều cắm trại một địa điểm tại Cồn Trùa thuộc địa phận xã Sơn Long ngày nay, dần dần lập thành "thôn Trại Đầu để khai khẩn đất hoang, phát rừng, phá rẫy khai phá đồng ruộng lên vùng chúng ta ở. Ngày nay các địa danh vẫn còn mang tên : Đất Đại Ngàn (rừng cây lớn), bãi Rày,tức là bãi Ngãi, bãi Trạng dưới chân núi Mộng Gà, cả một vùng đất rộng lớn, bến nhà Huê v.v... Các địa danh này gắn liền trong núi ngoài sông như ta gọi đi làm rẫy có nghĩa là đi phát rẫy lau lách để trỉa vại ở các vùng thượng nguồn

ngày nay. Tất nhiên ngày nay các địa danh này không còn bóng dáng cổ sơ để ta hình dung rõ nét, mà chúng ta chỉ căn cứ vào các địa danh, cũng có thể phỏng đoán vùng quê xã Ân Phú ngày nay, chính là nơi cách đây không xa, vào khoảng trên dưới 600 năm lại nay còn hoang sơ rừng rậm, muông thú nhiều. Sách Đại Nam nhất thống chí có nói đến núi "Kê quan" núi Mồng gà rất lắm con Coông và đã có thơ ngâm vịnh núi Kê quan của Bùi Dương Lịch có mấy câu :

"*Tụng thân như phó địch, sức khí dục xung thiên, Cao hoàng Binh bắc khẩu. Tẳng thử phân minh tiên".* Nghĩa là :"Vươn mình như ra trận, chí khí muôn trời. Thái tổ đánh quân Bắc. Đã từ đấy quất roi".

*

* *

Theo thư tịch thần sắc khí hợp tụ, sau Cách mạng tháng 8, ông Nguyễn Văn Chất, tộc trưởng họ Nguyễn ta, nhân đi dự họp phụ lão ở huyện, được các cụ ở xã khác cho xem các sự tích, sắc bằng, long văn các vị thần đã có công được nhân dân lập đền thờ, thì ở đền Vại là thờ vị Hoàng hậu vợ vua Duệ Tôn, khi Hồ Quý Ly chiếm ngôi nhà Trần, bà đưa 572 quân chạy trận vào đây chiêu dân lập ấp cả một vùng rộng lớn gồm mấy xã lân cận (Hòa - Lạc - Ân, Giang). Nhân dân tôn sùng gọi đền "Nhà Bà". Lúc về đây còn lại 172 người để mưu đồ nghĩa lớn...

Lần ngược lại với sự tích trên thì Ân Phú ngày nay, nguồn gốc xưa kia là thôn Trại Đầu, mới có một ít dân cư, đóng trại lập ấp ở dưới đó. Sau khi trạng Sử Hy Nhan chết, mộ cũng táng tại Cồn Trùa và để nhớ công ơn Người, nhân dân ta đã lập đền thờ quan Trạng, còn các vị thần khác chỉ ở Bau Troong v.v... Rất đáng tiếc là "trải qua một cuộc bể dâu" do thiên nhiên và chiến tranh, nhân dân đã bất chấp sự tích, họ đã nhảy lên san, phá chùa, đền và mồ mả của quan Trạng, dựng nhà lập nghiệp dân cư. Ngày nay địa phận đó đã phân về xã Sơn Long.

Sau khi dân cư đã tăng dần lên ở làn tràn dọc bờ sông đã hình thành một thôn đông đúc, đến đời vua Tự Đức lại đổi tên Thôn Trại Đầu thành Ân Phú - sau CCRD năm 1955 đổi lại Đức Ân, mang chữ trước gắn liền với tên của huyện (Đức Thọ). Và vào những năm 60, theo quyết định của Hội đồng Chính phủ đã phải trả lại cái tên Ân Phú cùng với một số xã có thành tích gắn liền với truyền thống cách mạng trước năm 1945 và truyền thống ngành nghề thủ công nghiệp.

Lịch sử chiêu dân lập ấp đã mấy trăm năm, cha ông ta đã ra công khai phá đất hoang sơ thành ruộng vườn bằng phẳng cho đến ngày nay. Cũng từ đó, con cháu chúng ta mang rất nhiều gốc tích họ hàng mà ngày nay trong gia phả nhiều họ không được ghi chép đầy đủ và không biết được ông tổ họ mình xuất xứ nơi nào đã về đây gieo lập cơ nghiệp cho chúng ta. Qua những tình tiết trên đây,

đã cho phép chúng ta luận đoán lớp người xưa về đây gom góp nhiều thành phần khác nhau. Số thời chạy loạn do dòng họ bị cướp ngôi vua,con cháu chạy đi phải thay tên đổi họ để sinh sống, số thì ở nơi này làm ăn không đủ sống đi khai phá núi ngàn (*); rồi ai có làm khấm khá thì cho con cháu học hành chút ít, ai nghèo khổ thì chỉ có ngậm tăm cuộc sống mỏi mòn... Và ai có nghĩ gì đến mai sau, sự tích, sử sách v.v...

Trở lại câu chuyện tương truyền trên đây, cha ông ta cho là "địa mạch xấu". Nhẩm tính đầu ngón tay qua bao nhiêu thế kỷ cũng chỉ là những người dân sống bình thường lam lũ ở ruộng vườn, quen với nếp nhà tranh thấp thoáng sau lũy tre làng. Mãi đến sau này, khi phong trào tân học dưới thời Pháp thuộc thắng thế với thời hán học cũ, khoảng thập kỷ của những năm 30, họ Cù Huy được may mắn có Cù Huy Cận học hành đậu đạt cao lại là nhà thơ có uy tín, tiếng tăm trong cả nước và cho đến ngày nay, thơ Huy Cận lại bay xa ra ngoài nước được dịch ra nhiều thứ tiếng...

Có người lại cho là do ảnh hưởng và nhờ hơi hướng đàng ngoại (bà cụ thân sinh người Châu Phong). Thực tế, con đường đi của Huy Cận có được hôm nay cũng chính là nhờ người cậu Giáo Ứng dìu dắt cho đi ăn học nơi khác từ lúc 9-10 tuổi.

Sau này, vào năm 1977, ông Nguyễn Văn Chất chúng ta, nhân khi xã nhờ tham gia vào Ban kiến thiết Trường phổ thông cơ sở xã Ân

Phú có làm đôi câu đối, khi khánh thành ngôi trường mái ngói đỏ tươi, cũng nói lên cảm tác văn hóa giữa hai thời : - *"Ngô thổ cổ văn minh, khoa giáp tiền triều sinh tứ trạng. - Ngã dân kim hùng vị, học tân, hậu Nguyễn phát nhất Cù"* (Tạm dịch nghĩa : "Đất ta thuở xưa văn minh, khoa giáp triều đại trước (phát) sinh bốn trạng. Dân mình hùng vĩ, học vấn mới, sau đời nhà Nguyễn, phát một (nhân vật) học Cù).

... Mãi đến sau cuộc cách mạng năm 1945, và cho đến khi thành lập nước CHXHCNVN, con em xóm làng chúng ta cùng hòa chung vào dòng thác cách mạng, ai cũng được học hành, phần đông đều vượt lên cấp phổ thông trung học, một số ít đi thẳng lên đại học, số không học lên được cũng thoát ly bộ đội, cán bộ, công nhân...

Thế nhưng khi nhẩm tính đầu tay, chẳng mấy ai làm ăn ra trò trống gì nên chức nên quyền kể từ thập kỷ 80 về trước. Con em chúng ta cũng không vì thế mà nản lòng. Bởi vì con cháu họ hàng ta cũng như xóm làng đều chịu trong cái khung cảnh "địa mạch" như các cụ thường nói, nhưng cái mà người thời nay chúng ta thấy rõ là những con người trên mảnh đất nảy sinh ra vốn đã nghèo nàn về kinh tế và trí thức, lại mang tính chất nọc độc, khi một số ít người đương chức, đương quyền, họ dùng ngòi bút nặng tay nhấn chìm con em xóm làng vào đáy nước. Họ lên án phong kiến, nhưng chính họ là kẻ mà Tố Hữu đã dùng từ "bọn cường hào mới" ở nông thôn hành động quá quắt (*) trắng đen đã rõ. Cha ông ta có câu :

"Quan nhất thời, dân vạn đại". Ngày nay họ còn sống ngồi bên bếp lửa tàn, đầu gối quá tay, miệng luôn "a phù, a phù..."(*) Tiếp hơi tiếp sức... Và, mang dấu ấn một thời "oanh liệt" để cho thế hệ này và mai sau, chắc có người khó quên... và nguyền rủa…

Cách mạng thành công đã trên 40 năm, nhưng mấy ai được vượt xa ngoài đất nước để làm giàu cho trí thức mình về mọi mặt, mong đưa về phục vụ cho Tổ quốc và xóm làng ; có chăng chỉ là một số ít con chim lạc đàn theo hướng bay kiếm ăn, được chim ngoài tổ dẫn dắt...

Tôi sinh thời sống qua nhiều bước ngoặt lịch sử : Pháp, Nhật, cách mạng và kinh qua hai cuộc chiến tranh chống Pháp và Mỹ đến thống nhất đất nước và thành lập nước CHXHCN ngày nay. Cả cuộc đời lăn lộn, gian khổ đi khắp đó đây để rồi trở về trong cảnh tuổi già trăn trở :

...

"Ta với lớp người thời buổi ấy
Tiến theo đường thẳng hướng đi lên
Chỉ lối vạch đường trên định sẵn
Đồng tâm hợp lực một niềm tin.

*

Nào có hay đâu những tháng ngày
Đường đi lắm bước còn chông gai

Thiên hạ bao nhiêu nhằm "khua nước"
Thừa cơ "cò lội" kế sinh nhai

*

Ta nay tuổi trên 60 rồi
Về lại góc vườn nghỉ thảnh thơi
Mặc sức trần ai, ai cứ vẫy,
Giàu sang phú quý kệ thây đời..."

(Tiếng bà)

Và cũng vì "kệ thây đời" nên bước đường đi không nghĩ đến công danh, an phận trong tư thế người cán bộ chuyên môn "miệt mài, cặm cụi" không tự mình vận động nội tại để phát sinh tư duy đổi mới cách làm ăn tức thời đến cái chung và cái riêng trong một thể thống nhất.

Vậy thì đời sau có ai phân vân về chuyện cha ông "thanh bạch, trần trụi" cũng là vì "ta với lớp người thời buổi ấy" thời đại Hồ Chí Minh mà lại; và cũng không ít người sẽ tự hỏi :

- Ông là người thời đại, sao lại dửng dưng ?

"... Đúng ! Ông là người ăn cơm "thời đại" nhưng lại không mặc áo thời đại. Cái gì đã ngăn chặn ông lại ? Điều này cũng chẳng có gì khó hiểu và lấy làm lạ. Mỗi người có đầu óc suy nghĩ và hoàn cảnh riêng tư. Thời đại chỉ là thời đại, áo mặc có được lâu bền hay

không là do con người sử dụng và hoàn cảnh kinh tế- đời sống quyết định, muôn năm chỉ là ước lệ".

Song ngày nay khi tuổi về già, có một điều làm ông suy nghĩ là mình sống cùng thời đại mà chưa làm được tích sự trò trống gì trong thời đại. Danh vọng ư ? Chưa phải. Nếu vậy thì ông đã phải luồn lọt chui luồn bằng nhiều con đường để vươn tới. Vậy thì cái năng khiếu nghệ thuật và tài năng chưa đến với ông để được nhen nhóm lên tỏa sáng vào một tác phẩm hay một công trình nghệ thuật nào đó, chỉ là giọt nước tiêu tan vào biển cả. Môi trường sống trong xã hội cũ và sau này không đưa ông tới ước vọng...

Thời đại ông công tác trong nhiều năm chiến tranh ác liệt, dai dẳng, bão táp, bao điều ông chứng kiến "những điều trông thấy..." cũng làm ông phân vân...

Vậy thì đừng có ai hỏi :

Có phải ông tự mình xây nhà xa dòng suối đó chăng?

*

* *

Trở lại tâm tình mấy đoạn thơ trước kia trên đây thì thực tế bước đường đi của mình không gặp thời, việc xác định tài giỏi khó đánh giá, ai lại cho mình là "hữu tài" song tôi cứ ngẫm nghĩ là mình có nhiều năng khiếu về nghệ thuật - văn hóa, nhưng vì không có môi

trường sống nên cũng dừng lại theo bản năng, không được đào tạo, khổ luyện thành tài nên "vô dụng".

Trải qua mấy chục năm làm cán bộ chuyên môn, từ họa đồ trong Ban tham mưu trung đoàn 18 (Quảng Bình) rồi xuống đơn vị chiến đấu cối 81 của một đại đội làm công tác chính trị cho đến khi lên Ban chính trị trung đoàn 101 (Thừa Thiên) phụ trách biên tập tờ báo "đánh giặc" trung đoàn và sung vào ban văn công ca nhạc kịch trung đoàn; bất kỳ công tác gì tôi cũng đi sâu vào nghề nghiệp, nên như bị dính chân tại chỗ, khó mà bước chân chỗ này qua chỗ khác.

Có một thời làm công tác họa đồ trung đoàn 18, khi đã không thích, muốn chuyển sang vị trí khác, người ta cứ bảo là tôi đi không kiếm được người thay. Cho đến sau này khi chuyển về làm công tác tài chính và làm kế hoạch kinh tế quốc dân, cả một quãng đường dài gần 40 năm tôi cũng chỉ dừng chân hai cơ quan là ty Tài chính Hà Tĩnh 6 năm và Ủy ban Kế hoạch Hà Tĩnh và Nghệ Tĩnh (sau khi hợp tỉnh). Cuộc sống cứ quanh quẩn bên chiếc bàn con mang theo sơ tán khắp các làng mạc ở huyện Thạch Hà cũng như khi về thị xã năm tháng ngồi lo giải quyết sự vụ, nghiên cứu viết lách các chuyên đề, cải tiến công tác, cải tiến lề lối, phân cấp quản lý cung ứng, quản lý kinh tế kỹ thuật, định mức sử dụng vật tư trong xây dựng cơ bản, xe máy vận tải và công nghiệp v.v... Cho đến khi nghỉ hưu vào cuối năm 1979, tính ra có 22 chuyên đề (hay là công trình nghiên cứu kinh tế) về phân cấp cải tiến công tác

cung ứng vật tư kỹ thuật, trong đó kể cả thể lệ qui chế đã được ban hành của Ủy ban Hành chính tỉnh. Đất nước lúc hòa bình cũng như chiến tranh, yêu cầu cuộc sống con người và nhu cầu cuộc sống chiến tranh luôn luôn phát sinh nhiều đòi hỏi phức tạp. Cho nên trong công tác kinh tế quốc dân của một cơ quan tham mưu kinh tế -ủy ban Kế hoạch cũng phải có trọng trách mở đường tìm lối tiến công vào thành lũy xây dựng trong hòa bình và chiến tranh sao cho đáp ứng kịp thời từng giai đoạn. Đó là nhiệm vụ những người nghiên cứu kinh tế phải dốc tâm vào làm với một nhiệt tình thực sự và với năng lực đầy sáng tạo. Những việc làm như thế rất âm thầm không bao giờ tôi hò hét, khoa trương. Những công trình đó nhiều loại đã được thực hiện, có thứ còn là đề cương trong bản thảo vì lý do này, lý do khác hoặc chưa thực hiện nên trong tập hồ sơ đó "vài lời ghi lại" là :"Biết bao công việc kinh tế còn phải tiếp tục nghiên cứu nhưng trong cơ quan và tình hình diễn biến phức tạp trong tỉnh không cho phép làm theo ý muốn...".

Hồi mới bước chân về Ủy ban Kế hoạch Hà Tĩnh đầu năm 1960, tôi nhận việc "phần hành vật tư". Lúc đầu cũng chưa nghe ai nói và định nghĩa cho hai chữ "vật tư" là như thế nào và hình thành công việc đó ra sao. Tiền thân của Ủy ban Kế hoạch cũng mới ra đời từ năm 1958, lúc đầu thành hình một ban kế hoạch nằm bên cạnh Ủy ban Hành chính tỉnh cùng với ban Thống kê. Hai bộ phận này cũng mới phôi thai từ đó. Cán bộ mỗi bộ phận vài ba người. Khi tôi về đó nhận công tác đã hình thành một cơ quan Ủy ban Kế hoạch, cán

bộ trên 10 người, chưa có bộ phận hành chánh riêng. Nói là cơ quan Ủy ban Kế hoạch, nhưng chẳng ai đào tạo trường lớp gì, từ anh lãnh đạo đến nghiệp vụ đều là tay ngang với nhau. Tôi về nhận việc, hằng ngày chỉ lo chúi đầu, chúi cổ vào cấp phát đủ thứ, cái gì cũng cấp với phát rồi bòng bong hết sức căng thẳng đầu óc, bộ phận một mình chuyên trách. Người giao lại phần hành cho tôi là Nguyễn Tiến Đàm cũng là một quân nhân sang, anh ta cũng chẳng có sáng kiến chi hơn. Hơn nữa anh ta còn kiêm nhiệm phần hành kiến thiết cơ bản (phần tiền vốn đầu tư cho xây dựng).

Nhưng rồi với chỉ học hỏi, nghiên cứu tài liệu và giáo trình của trường đại học, trong đó phần vật tư chỉ có mấy trang, tôi đọc đi đọc lại để quán triệt nội dung công tác của mình và lấy các tập biểu mẩu tính toán để nghiên cứu, dần dần rõ nét đến công việc của mình làm.

Sau một thời gian sáu tháng đầu năm 1960, tôi đã nghiên cứu được các mối quan hệ các ngành xung quanh, đề xuất lên Ủy ban Hành chính tỉnh để ban hành một quy chế phân cấp quản lý cung ứng (lúc đó còn gọi cung cấp) vật tư trong đó phân cấp chức năng và nhiệm vụ giữa các ngành thống nhất quản lý và một số lại do tỉnh và các ngành quản lý để công việc quản lý, cung cấp không trùng lắp, dẫm đạp lên nhau. Đồng thời trong đó đã định rõ và cải tiến lề lối làm việc giữa các cấp, các ngành tỉnh và huyện để gỡ rối mối bòng bong đó.

Sau khi đoàn cán bộ Tổng cục Vật tư (lúc đó chưa thành Bộ) về Hà Tĩnh công tác, tôi gởi cho đoàn một bản để tham khảo, sáng hôm sau đoàn lại tới gặp tôi để xin thêm một bản nữa để nghiên cứu, cho đây là một tiến bộ mới trong quản lý vật tư của tỉnh. Ít lâu sau, Tổng cục Vật tư cũng ban hành một Quy chế về quản lý xăng dầu.

Đầu năm 1964, tôi được cơ quan cử đi học khóa ngắn hạn về lớp trung cấp vật tư kỹ thuật tại Hà nội (Trường Thống kê Kế hoạch Hà Nội) nhân đó, tôi có mang theo một bản gởi cho thầy giáo chủ nhiệm của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước lớp đó là anh Hồ Ngọc Ấn một bản. Anh là Vụ trưởng vụ Vật tư kỹ thuật của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước. Sau khi đọc xong anh rất hài lòng, và trong khi lên lớp các môn về kinh tế vật tư, anh nêu ra biểu dương Hà Tĩnh đã có một bản quy chế công tác quản lý vật tư trong lúc 32 tỉnh thành miền Bắc chưa có nơi nào làm; trong cuộc họp phổ biến kế hoạch thường năm giữa các tỉnh, thành lúc đó anh Lê Thể là Chủ nhiệm. Ủy ban Kế hoạch Hà Tĩnh trực tiếp dự họp, lúc về anh cũng nhắc lại chuyện nhà nước biểu dương Hà Tĩnh sớm có quy chế về quản lý và phân cấp cung ứng vật tư, được đánh giá tiến bộ. Trong những năm đầu của nước nhà cũng như tỉnh, bước chân vào con đường xây dựng kinh tế kế hoạch, cán bộ trên dưới còn dò dẫm từng bước đi, thậm chí có những công việc mà chưa ai biết mô tê gì cả. Việc làm trên đây được đánh giá là vì thế, đang mở đường và gỡ bớt các vướng mắc trong công tác quản lý kinh tế.

Vào những năm đầu của thập kỷ 70, năm 1973, sau khi Mỹ chịu ký kết ngừng ném bom đánh phá ở miền Bắc từ cuối năm 1972 tại cuộc đám phán Pa-ri, tình hình kinh tế miền Bắc cũng như của tỉnh đang được đặt ra cho cán bộ tham mưu có nhiều suy nghĩ... để hàn gắn vết thương sau chiến tranh.

Nhân cuộc đại hội tổng kết của cơ quan cuối năm 1973, tôi viết một bài tham luận dài lấy đề mục của Bác Hồ nói lúc về thăm Hà Tĩnh tháng 7 năm 1957 : "Làm thế nào cho tỉnh nổi bật lên" (*)

Tôi còn nhớ, khi đọc lên giữa Đại hội, tất cả mọi người ngồi nghe im phăng phắc, từ anh cán bộ kỹ sư đại học đến chị cấp dưỡng cứ vểnh tai ngồi nghe qua lời văn phải được suy nghĩ để nắm được nội dung muốn nói gì. Bút pháp của tôi thể hiện dưới dạng văn học.

Và cũng từ đó, sau gần hai năm, lãnh đạo cơ quan xét khả năng các mặt, cho lập hồ sơ để đưa lên tỉnh ký duyệt xung vào ban Lãnh đạo cơ quan. Hồ sơ làm xong đưa lên tỉnh được ít lâu thì vừa lúc chiến dịch giải phóng miền Nam thắng lợi, Phó Bí thư Tỉnh ủy đi tham quan tỉnh kết nghĩa Bình Định lâu ngày chưa về ký quyết định, cũng vừa lúc Trung ương họp ra Nghị quyết 24 thống nhất đất nước và hợp tỉnh, đành tạm hoãn các khoản đề bạt để sắp xếp lại cơ cấu tổ chức mới sau khi hợp tỉnh.

Đúng là thời cơ không hẹn :

"Vừa biết nhau thì đã già
Bừng khi tỉnh dậy canh ba mất rồi"

Tháng 2 năm 1976, những chuyến xe của công ty xe tải và xe khách của tỉnh Hà Tĩnh lên đường làm nhiệm vụ chuyên tải người và đồ đạc hồ sơ của các cơ quan ra Vinh hợp tỉnh. Và cũng từ cái tên Tỉnh Hà Tĩnh được xen ghép với tỉnh Nghệ An thành Tỉnh Nghệ Tĩnh. Hợp nhất hai cơ quan lại, cán bộ lãnh đạo và cán bộ nghiệp vụ cũng đông. Vấn đề trước tiên là cơ cấu tổ chức. Tôi vẫn giữ chức vụ cũ. Tôi còn nhớ lúc mới cùng nhau ngồi vào bàn phân công, nhân nhiệm cho từng cán bộ và đến khi bắt tay vào lập kế hoạch dài hạn 5 năm, tôi là Trưởng phòng chỉ tổng hợp các phần hành trong phòng lại để xem xét thêm bớt, sửa chữa và chỉ viết bản thuyết minh. Gặp mặt nhau buổi đầu khi bắt tay vào việc thực sự không phải là bở bang gì. Số anh em ở Hà Tĩnh ra, thì giao nạp số tài liệu cho tôi đúng kỳ hạn. Còn số cán bộ ở Nghệ An thì trù trừ, làm loe nhoe không đầy đủ, buộc tôi phải tuyên bố thẳng thừng "các cậu không chịu làm hoặc chưa thông thạo nghiệp vụ thì tôi làm thay, cũng đừng trách nhau làm bao biện..."

Trong một cuộc hội ý kiểm điểm công tác trong tuần, Phan Khôi phụ trách phần hành gỗ, người xã Diễn vạn, huyện Diễn Châu, tốt nghiệp đại học Kinh tế ra công tác đã 4, 5 năm. Anh ta rất bốp chát và tự phụ, ít được lòng cấp trên và bạn bè trong cơ quan, đã thẳng thắn phát biểu với nhau : "Thôi anh em ta cùng nhau chung sức

vào mà làm để có số liệu cho trưởng phòng tổng hợp, ai ra sao, năng lực thế nào chúng ta cũng hiểu rồi..."

Đầu năm 1976, sau khi hợp tỉnh và thống nhất đất nước, mọi nhu cầu cho xây dựng nền kinh tế quốc dân sau chiến tranh, việc cân đối giữa khả năng và nhu cầu phải làm đi làm lại vật lộn ngày đêm trên những ngòi bút tính toán của những người cán bộ nghiệp vụ. Anh em ở Nghệ An số đông có trình độ đại học, nhưng chỉ là có trình độ theo bằng cấp, còn thực tế họ chưa được đào tạo nghiệp vụ chuyên môn. Anh Bài là kỹ sư cơ khí, trước làm lái xe con cho một cơ quan ở Trung ương, sau được đi học bổ túc văn hoá rồi đi thẳng vào Đại học Bách khoa, về đây giao phần việc thiết bị máy móc, nhưng chỉ biết qua vậy thôi, việc tính nhu cầu, tổng hợp thành danh mục nhà nước qui định, cậu ta chưa biết gì. Hơn nữa máy móc thiết bị phần nhiều còn dùng và gọi theo tiếng Pháp, nhất là phụ tùng anh ta lại không biết cho nên tôi lại phải bắt tay vào kế hoạch đó với anh ta. Lúc bấy giờ theo nghị quyết của Đại hội IV của Đảng ta, là tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Bởi vậy trên miền Bắc sẽ xây dựng mô hình năm điểm cơ giới hóa nông nghiệp. Nghệ Tĩnh được chọn Quỳnh Lưu, một trong năm điểm của Trung ương qui định.

Vì vậy, để tính toán nhu cầu này phải nắm hết điều kiện tự nhiên đất đai canh tác thủy lợi, giao thông v.v... để thuyết minh trong nhu cầu và phải lục các danh mục thiết bị Nhà nước thống nhất phân

phối loại nào trong nước, loại nào phải nhập khẩu nước ngoài, tính ra hàng trăm thiết bị nhiều loại, nhập nhiều nước kể cả tư bản để Ủy ban Kế hoạch Nhà nước tổng hợp xin kế hoạch nhập khẩu. Đó là chưa kể các nhu cầu thiết bị vận tải và các thiết bị cơ khí và chuyên dùng cho các ngành nghề quốc doanh và thủ công khác...

Làm việc ở Vinh hơn một năm, lúc này biên chế thừa nghiệp vụ cũng như lãnh đạo, hơn nữa tư tưởng cục bộ giữa tỉnh lớn và tỉnh bé không nói ra nhưng trong lòng mọi người cứ âm ỉ như làn khói xám bao trùm lấy đầu óc hai bên, mà mình thì đã tuổi trên 50, nhận thấy đế chân không thể cắm lại được nữa. Tôi phát đơn xin nghỉ hưu cuối năm 1977. Mấy cậu Trưởng ty và Phó ty Hà Tĩnh ra đây nghe tin tôi xin nghỉ - (anh Hưởng Trưởng ty Giao thông người Đức Thuận) gặp tôi nói đùa "Gắng vài năm chờ bọn mình về luôn". Anh Nguyễn Kỳ Cẩm lúc đó là chủ nhiệm cũng nói với tôi "Gắng làm vài ba năm nữa hãy về". Cho đến ngày tỉnh có thông báo chính thức cho nghỉ thì tôi lại đang đi công tác thanh tra vật tư kỹ thuật ở công ty vật tư, thời gian còn phải kéo dài 6 tháng chưa tổng kết được. Lúc anh Cẩm đi tham quan ở Liên Xô về gặp tôi nói lại "Tôi đi vắng, ở nhà các anh Đảng ủy đã lỡ giải quyết cho anh nghỉ... nếu tôi ở nhà thì chưa giải quyết vội... Nếu anh không thích ở Ủy ban Kế hoạch thì biệt phái anh sang làm công tác thanh tra, vì anh là người có kinh nghiệm". Anh ngẫm nghĩ một lúc rồi nói tiếp "Bọn tôi cũng như anh Thể là lãnh đạo, nhưng cũng có khi phải học các anh về các mặt nghiên cứu chuyên môn..." Và anh hỏi luôn

"Anh đi làm công tác thanh tra vật tư, đã có tổng hợp báo cáo và đúc kết kinh nghiệm, nhận xét công tác này, đưa cho tôi một bản..." Tôi cũng đánh liều bảo "Tôi tổng kết báo cáo xong, không đánh máy, đã giao sang tỉnh đánh máy..." Vậy thì anh cho tôi mượn bản thảo - anh trố mắt nhìn thẳng vào tôi : "Thưa anh tôi được tin nghỉ hưu thì xé mất rồi, chẳng lưu lại làm gì..."

Xét về năng lực và sức khỏe, thực thà mà nói thì tôi còn có thể đeo đuổi, công tác còn say mê, chưa hẳn đã dừng lại, vì :

...
"Tôi càng dấn bước càng thất vọng,
Ngoảnh cổ - chừng như giấc mộng say mê..."

Và rồi khi cuộc sống gia đình và công tác bản thân ngày đêm nghe tín hiệu từ trái tim phát ra tiếng gọi :

"... Đằng xa xăm nhắn nhủ khách về
Đường lãng mạn không hề đưa đón nữa..."

Lớp người chúng tôi ra đi hoạt động từ lúc tuổi còn thanh niên đã bị cuốn hút ngay vào dòng thác cách mạng; trong lòng lúc bấy giờ ai cũng nung nấu chí hướng : "Đánh đuổi ngoại xâm, Tổ quốc độc lập và thống nhất". Đó là con đường lãng mạn cách mạng đề rồi đem lại một cuộc sống yên vui. Ai mà chẳng mong ước tới ngày huy hoàng đó ? 30 tháng 4 năm 1975, vào một ngày tươi sáng, Tổ

quốc đã ánh lên màu cờ chiến thắng rực đỏ khắp cả hai miền: Giải phóng miền Nam, giải phóng đô thành Sài Gòn - sào huyệt của bọn Mỹ Ngụy.

Đất nước cũng từ đây bước sang một kỹ nguyên mới : Giang sơn thu về một mối, thống nhất đất nước dưới một chính thể nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam...

Lúc bấy giờ, điều mà làm cho tôi phải suy nghĩ đến thiệt hơn. Nếu như năm 1973 trong bài tham luận đọc trước Đại hội công nhân viên chức cuối năm, trong đó nói đến lớp người đến tuổi :... "Nhìn tới đường đi thêm ngắn lại, mà ngoái cổ nhìn về thì duyên nợ chưa xong..." thì nay đã 4 năm thêm tuổi đời và tuổi công tác. "Duyên nợ cũng chẳng có gì hơn, ai mà sự chen vai trên bước đường đi thuận lợi hơn kém."

Thôi, đành phải lùi gót khi tuổi chưa tới 60. Lúc đó vào cuối năm 1979, tôi mới có 54 tuổi. Tổ chức cán bộ là Nguyễn Đình Tương người Thạch Linh - Thạch Hà cũng thông cảm và giúp nhau cho khai thêm "hai tuổi" (1925 chữa lại con số 5 thành 3) để thành 56 tuổi không phải qua hội đồng giám định y khoa...

Về hưu cuối năm 1979 vào lúc cả nước gặp khó khăn lương thực, đặc biệt là Nghệ Tĩnh cũng là điểm nóng của thời cuộc : Sự kiện Hiệp Hòa với vai trò Trương Kiện, Bí Thư Tỉnh ủy. Nhiều dư luận trong quần chúng nhân dân về chuyện thu vén nhà ở thành Vinh,

tiếp đó là cái nạn khô cạn lương thực trong nhân dân đang làm náo động thiên cung. Những bài vè, câu đối, câu hát được chỉnh lại lời cũng như nhằm vào đầy khích động. Ở thành Vinh người ta bắt nhặt câu đối :

"-Vách bắc dựng lên, một thằng xiếc chui vào nhà đỏ;
Hiệp hòa sập xuống, trăm dân lành chôn xuống bùn đen".

Phải là những tay thông nho tới làm những vế đối thâm thúy. Nhưng rồi các uy lực của ông ta được gió nâng cao đôi cánh bay lên, đánh tan những điều dư luận vụn vặt đó.

Tôi về giữa lúc gia đình hết gạo chạy bữa từng bơ. Bà con nhảy tàu chạy khắp vào Nam ra Bắc để mua lương thực. Số cán bộ công nhân viên chức thì do tổ chức của tỉnh, huyện chung lo mua bán, trao đổi hàng hóa vào các tỉnh phía Nam, nhân dân thì chạy đi tứ phương tìm nguồn lương thực các chợ. Cái Tết cuối năm 1979, khi đứa con đầu lòng Nguyễn Hữu Thơ vào công tác trong Nam hai năm, được về thăm nhà vào dịp Tết. Về nhà vừa bén chân một hôm, mất ăn, mất ngủ chưa kịp bù lại sức, đã phải nhảy tàu với bà con ra Hà nội rồi Vĩnh Phú mua sắn khoai, gạo về hấp độn thêm. Lúc trở lại nhà thấy tình thế ở lại không ổn, lại phải nhảy tàu trở vào Nam trước Tết mấy ngày với nỗi niềm băn khoăn cảm cảnh gia đình.

Trước tình thế đó, tôi cũng hòa mình vào công cuộc đi tìm kiếm đất hoang hóa để bươi đất lật cỏ, "lấy ngắn nuôi dài, rồi hết lên đồi phở hoang làm sắn, lại vào tận khe núi xa, xẻ lùng, dọn lác đồng lấy làm lúa.

Sự chẳng may đến với tôi : Trộ Vôi - chân ruộng lầy đã trở thành một sự tranh chấp bất hợp pháp giữa Cù Huy Thanh và tôi. Y vốn là tay bịp đời quen thói nghề nghiệp, đã từng mang nặng "dấu ấn" với xóm làng, cả một thời làm mưa, làm gió khi còn dựa vào quyền lực và chức vụ. Nay về trong tuổi xếp cúi giáp lè : co ro ngồi bên bếp lửa tàn, lại nhảy ra dành ruộng mà tôi đã sản xuất hai vụ, lấy cớ là trước đây y đã có xin cho tập thể thương binh (?!). Khi tôi vừa đi thăm con ở miền Nam về tháng 12 năm 1981, y cũng chẳng nói chẳng rằng, cho vợ con vào bừa cấy để lấy lý và dành phần thắng. Tức chí, biết rằng giá trị kinh tế chẳng đáng là bao, tôi phản ứng lại và gây chuyện : một bức thư ngỏ gởi cho y để thể hiện quan điểm của mình và đầu đuôi sự việc, đồng thời tố cáo hành động bỉ ổi đó không có uy lực giơ roi đánh thiên hạ như thời đương chức đương quyền và một tờ trình cho chính quyền địa phương biết. Tôi cũng tự xác định cho mình phản ứng là để gây chuyện đối lý vạch mặt trên giấy trắng mực đen, trước sau mình cũng chẳng tranh chấp làm gì để tiếp tục làm lại vụ khác, nhưng phải có hành động táo bạo : Phá đi cấy lại. Chẳng sự mà không nói, không làm. Câu chuyện là thế đó...

Cuốn phim còn tiếp tục quay khoảng cách còn lại của cuộc đời không phải dàn cảnh ở đâu xa lạ, mà nơi đó, trên những con đường tỏa nắng tươi vui, hứa hẹn những mùa lúa khoai xanh tốt, sẽ được uống no dòng nước thủy lợi trên các con mương dẫn về tắm mát ngày đêm. Phía trên đầu nguồn ánh điện quốc gia sẽ hâm nóng lại cuộc đời cho bà con xóm làng chúng ta tự bao đã chịu cảnh "rú bụi", cuộc sống vất vả lam lũ quanh năm đã giam hãm con em trong cảnh bần cùng, xép nép, kiến thức học hành chẳng có là bao.

Tôi biết rằng ngày nay quê ta có nguồn điện quốc gia là cả một quá trình đấu tranh gay go về tư tưởng và bước đi vấp váp, điều mà cách đây 7, 8 năm tôi đã thấy trước và đã lao công, dốc sức để làm tờ trình xin tỉnh cho gia vốn đầu tư 436.000 đồng, rồi tự tay lập hồ sơ nhiệm vụ thiết kế kỹ thuật, quan hệ với các ngành hữu quan và cán bộ các cấp, cán bộ kỹ thuật để có thể bắt tay vào xây dựng trong khoảng thời gian ngắn nhất (trước khi nghỉ hưu trước và trong năm 1979). Nhưng rồi bao nhiêu cản trở xảy ra : tư tưởng của bà con xóm làng đến cán bộ chưa nhất quán đến khó khăn trước mắt và quyền lợi lâu dài, thậm chí có người đã được đi ăn cơm góp mòn của cũng có những lời vào tiếng ra phản ứng, cho là Ân Phú ruộng đất được mấy... mà điện với đóm gì, những lời nói vô

trách nhiệm, mang ý nghĩ ích kỷ cá nhân như ném phân vào đống thóc gây thêm ô uế...

Hồi ấy chỉ còn hai ngày nữa thì đội 202 (*) của huyện sẽ sang khởi công kênh mương. Nơi ăn, chốn ở nhà của nhân dân đã được dàn xếp sắp đặt đầy đủ. Tôi lại gặp dịp tỉnh cho đi tham quan miền Nam trên một tháng về để chuẩn bị nghỉ hưu, ở nhà lại không có người đôn đốc chỉ đạo phía trên để tác động trực tiếp, thành thử đã để mất thời cơ.

Tiếp đến chiến tranh phía Nam và phía Bắc biên giới Trung Quốc vào đầu năm 1979, bao nhiêu dự định của nước nhà và của tỉnh chưa khởi công phải tạm dừng lại. Hồi ấy nếu chúng ta nhanh tay khơi mối, xuất chi một số kinh phí thì trạm bơm điện của chúng ta lại không chịu cảnh ngộ trên.

Từ ấy đến nay đã bảy, tám năm, mỗi khi xem báo hoặc nghe đài - nơi này, nơi kia vừa xây dựng xong nguồn điện cho thủy lợi lòng tôi lại trăn trở, nghĩ đến bao công sức của mình đã để mất thời cơ bỏ qua... và cũng đã nhiều lần cùng với cán bộ chủ chốt của địa phương bàn định kế hoạch vực lại việc làm đó. Cho tới nay đã trở thành hiện thực.

Rất cảm ơn các anh lãnh đạo chủ chốt hậu tiến! gian khổ có phần nhưng tiếng tăm này nọ cũng lắm, công lao các anh chỉ được đánh giá khi quá khứ trôi đi, người ta sẽ điểm lại tên người để được ghi

vào lịch sử xây dựng trạm bơm điện ; cảm ơn các đồng chí cán bộ Huyện ủy, Ủy ban Nhân dân huyện và các ngành hữu quan cấp tỉnh, cấp huyện mà tôi đã nhiều lần trực tiếp và tâm sự với nhau về phương hướng đầu tư cho nông nghiệp ở vùng quê tôi, các anh cũng là bạn đời công tác, là lãnh đạo trên cương vị một lãnh thổ, các anh đã tận tình vì trách nhiệm, vì cuộc sống dân sinh đã có thái độ bắt ép phải làm cho bằng được. Nhân dân chúng ta sẽ biết ơn, để rồi... một ngày mai kia, điện sẽ làm gì và đi tới đâu là tiếng nói chân chính sẽ trả lời cho những ai đó hay những suy nghĩ của cán bộ bà con xóm làng, dù là người có kiến thức văn hóa hay là vô thức, rằng một cuộc sống thực tế cho cả lớp người hiện tại và mai sau.

Từ đây, cảnh đời tôi cũng chỉ thu gọn trong mấy gian nhà đơn sơ vừa tu chỉnh lại do bàn tay mình tự tạo nên với bốn góc vườn phủ kín màu xanh của cây, của cuộc sống âm thầm nơi thôn dã...

Viết xong ngày 22 tháng 2 năm 1987

Tại quê nhà

Phụ lục: Chú Đam

Trích hồi ký của Nguyễn Thế Phiệt

Chú thứ 3, Nguyễn Hữu Đam, con người có đạo đức và tài giỏi tuyệt vời trong lòng tôi, nhưng không gặp thời, chú đi bộ đội chống Pháp, chuyển ngành về làm công chức, không đảng viên nên chỉ lên Trưởng phòng vật tư của Ủy ban kế hoạch tỉnh, cơ quan siêu quyền lực ở tỉnh thời bao cấp, chú làm trưởng phòng nhưng trưởng ty là kẻ dưới cơ. Chú sinh năm 1925, mất năm 1990 lúc mới 66 tuổi. Bài thơ vườn xưa là nỗi niềm của chú với họ hàng. Bài thơ là động lực thôi thúc chúng tôi đáp nghĩa với tổ tiên để phục hưng gia tộc.

Vườn xưa.

Kính dâng hương hồn người anh cả sống trọn đời với tài năng và đức độ .

Mỗi lần về lại chốn vườn xưa
Cảnh cũ bâng khuâng tuổi ấu thơ
Ta lớn lên rồi người mỗi ngả
Giờ đây về lại cảnh bơ phờ

Mấy gian nhà lá thuở đời can

Để lại cháu con đã cách tân
Mái ngói rêu phong còn đậm bóng
Người anh tài nghệ nay đâu còn?

Lòng ta man mác nỗi niềm xưa
Cảnh sống vui vầy với mẹ cha
No đói quanh năm cùng nhẫn nhục
Cháo rau, khoai sắn với dưa cà...

Hôm nay ngày giổ người anh cả
Vắng bóng anh đi đã một năm
Nhà vắng buồn tanh hương khói lạnh
Vườn xưa lối cũ cảnh âm thầm.
20/3 a.l năm Mậu thìn -1988

Cuốn hồi ký "Con đường tôi đã đi" và tập thơ "Tiếng lòng" ít ỏi của chú là trang tư liệu lịch sử và nghệ thuật chữ nghĩa chú đã để lại cho đời và con cháu mai sau. Chú đã ghi lại suốt cuộc đời mình và những chứng minh trái ngang nghịch lý mà ngay chú không giải thích nổi, trong tư duy bị đóng gói của mình, những bài thơ ca ngợi đảng, ca ngợi xã hội chủ nghĩa thời chống Mỹ và bao cấp của chú có lẽ là cảm hứng theo

phong trào. Chú cũng "căm thù giặc Mỹ xâm lược" theo nhận biết của tuyên truyền và giáo dục một chiều, chú không biết bên kia bán cầu, nước Mỹ đang nỗ lực bảo vệ cho thế giới tự do, hy sinh 5 vạn người quý giá để chống chủ nghĩa cộng sản bành trướng, chú không được thấy Liên Xô sụp đổ sau mấy tháng chú chết, chú không được thấy sự trở về tự do của nhân dân đông Âu và tượng Mác, tượng Lê Nin được dọn ra khỏi các quảng trường dân chủ. Chú không được thấy bức tường Beclin sụp đổ và nhân dân đông Âu đi bầu cử trực tiếp lựa chọn người xứng đáng lãnh đạo đất nước mình, chú không được biết một EU thống nhất và, chú không được xem phim Vietnam war của chính người Mỹ tự do làm, chú không được đọc những tác phẩm như Bên thắng cuộc, Đêm giữa ban ngày, Đèn cù... Nếu chú được sống trong xã hội tự do như ở Mỹ được phát huy tài năng và có điều kiện học lên nữa thì chắc chắn chú sẽ làm được nhiều điều quan trong hơn. Nhưng xã hội vừa thoát ra khỏi chế độ bao cấp vài năm thì chú đã qua đời. Xã hội không cho chú phát huy tài năng của mình cho gia đình và đất nước. Le lói ánh sáng mới phát một vùng khi chú say sưa với " đứng trước biển" và "cù lao tràm" của Nguyễn Mạnh Tuấn cho hy vọng tương lai của sự

mở ách trói buộc của nền cai quản hà khắc, trời chưa sáng bao nhiêu.

Những ngày về hưu chú đã làm hết mình cho quê hương, cho gia tộc. Chú tu tập nghĩa địa, giữ dìn nhà thờ, biên tập gia phả, thay anh cúng đơm... rồi phải đi khai hoang kiếm sống, thêm tiền bù đắp đồng lương hưu ít ỏi. Xã hội suy đồi, gia tộc thoái hóa, các cháu đi vùng vẫy đụng đến đâu mắc đến đó – chú nghĩ đến chuyện tâm linh đi tìm hiểu để khắc phục... ba năm tròn ngắn ngủi thì ba người anh trai ra đi, rồi vắng bóng và đau khổ, bất lực, chú đành bỏ quê hương để dựa vào con cháu. Nhưng số phận đã an bài, chú phải từ giã cõi trần ngày 11 tháng 11 âm lịch, sau sáu tháng vào Vũng Tàu.

Ngày chú ngã bệnh ngắn ngủi. Chú phải vào cấp cứu ở bệnh viện Vũng Tàu trong cơn tai biến đột ngột, em Thống từ Vũng Tàu lên Sài Gòn báo tin cho tôi và Kỳ, ba anh em xin được chiếc xe con gặp người lái xe tốt bụng từ cầu Sài Gòn lúc khoảng 8 giờ tối, xe chạy về đến nhà lúc 1 giờ khuya thì chú đã ra đi trước đó 2 tiếng đồng hồ. 24 năm chôn cất chú ở Vũng Tàu, ngày 10 tháng 11 âm lịch năm 2014 chú về an nghỉ với tổ tiên bên cạnh ba anh và cha mẹ nơi nghĩa trang

khang trang của dòng họ. Buổi cát táng mộ chú được tổ chức long trọng tại quê nhà như đám tang của chú.

Đọc hồi ký " con đường tôi đã đi" biết tuổi trẻ và tình yêu của chú thật lãng mạn, và cao thượng. Chú yêu bà Vinh quê ở Cẩm Trang.[i]

Chuyện tình và ước mơ:
Nếu mai đây con chúng ta vừa đôi phải lứa
Nỡ lòng nào quên từ thuở mẹ cha...

Tôi và Thái con bà Vinh phải lứa nhưng không vừa đôi, Thái lấy chồng phải lứa, tôi lấy vợ vừa đôi. Gặp nhau chỉ nhớ nợ tình của chú.

Đọan thơ Thái gửi cho tôi sau nhiều năm xa cách, có ôn kỷ niệm:

Có bao giờ anh về lại quê xưa
Thăm dòng Ngàn Sâu bên bồi bên lở
Hãy đừng quên tuổi học trò thuở nhỏ
Nơi ấy bây giờ vẫn mong đợi người xưa.
Người năm ấy[ii]

Mự tôi con cụ Thái Hoản người Sơn Long, tôi không biết chú mự lấy nhau trong hoàn cảnh nào nhưng cũng hạnh phúc và tình tứ. Mự là người thông minh, nhớ giai. Trong làng việc gì cũng biết, cũng nhớ như một bộ từ điển sống. Trong kỳ đại hội 9 của đảng, mự có câu nói chiêm nghiệm đầy tri thức khi ông Lê Khả Phiêu nghỉ, ông Nông Đức Mạnh lên thay, mự nói: " Việt Nam hết người kinh lãnh đạo rồi mà bầu ông dân tộc" đoán trước cho sự suy thoái trầm trọng của đảng.

Chú mự sinh được 5 em- Thơ, Kỳ, Đức, Ánh, Dũng đã trưởng thành.